

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Cửu thập cửu niên)
Tòa Thánh Tây Ninh
Tập San

THẾ ĐẠO



TSTD
SỐ 93
02 - 2024

- * Lễ Vía Đức Chí Tôn - Đức Chí Tôn là ai?
(Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo tại Đền Thánh 8/01 năm Nhâm Thìn (1952))
- * Ý nghĩa Lễ Thượng Nguyên (Hoàn Nguyên)
- * Bát Nhã Tâm Kinh (Lê Tấn Tài)
- * Năm Thìn nói chuyện Rồng (Duy Văn)



T&N DENTAL CARE, INC.

NGUYỄN HỮU TƯỜNG, D.D.S.
TÔ MỸ HUỆ, D.D.S.

125 N. JACKSON AVE., SUITE 104 - San Jose, CA 95116
(408) 923-8272

1000 Alvarado Brothers Hospital giữa Alvarado Ave. và Mc Keel Rd. (trên phố đến bệnh đường Alvarado Drive từ mặt tiền phòng khám hoặc trong nhà đường này - Tiền đường rẽ Bờ 20, 74 và 81)

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Bảy: 9:00 am - 6:00 pm
Nghỉ Thứ Tư & Chủ Nhật



Tốt nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa tại University of the Pacific, San Francisco.

Tốt nghiệp ưu hạng và được tuyển chọn vào Hội danh dự Nha Khoa toàn quốc.

Được giải thưởng xuất sắc về làm răng giả các loại.

Được giải thưởng xuất sắc về chăm sóc Nha Khoa toàn diện.

Được giải thưởng về "Need, character and scholarship".

Nguyên là Bác Sĩ Y Khoa tại bệnh viện Nguyễn Văn Học và Chợ Quán.

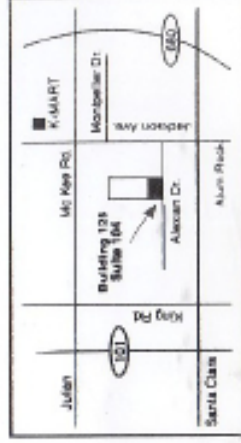
VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA BÁC SĨ NHA KHOA SHAELEE DUNG NGUYỄN

Phòng mạch hoàn toàn mới, thoáng mát, rộng rãi.

Nhân viên ân cần, vui vẻ, hướng dẫn các vấn đề về bảo hiểm, cách giữ răng cho bền tốt.

Các bác sĩ luôn luôn tìm mọi phương pháp chữa trị tốt nhất cho quý vị.

Có thể đầu xe phía trước hoặc vào bãi đậu xe bên của khu Jackson Medical Center.



Tạp San Thế Đạo
Quarterly Magazine
Issue # 93
February - 2024



Ban Thế Đạo Hải Ngoại
PO. Box 21577
San Jose, CA 95151

TẬP SAN THẾ ĐẠO

Chủ nhiệm: *Hoàn Nguyên*

Chủ bút: *Hưng Quốc*

(Cell: 972 - 978 - 6091)

Tổng Thư Ký: *Duy Văn*

(Cell: 408 - 759 - 9339)

Kỹ Thuật: *Hà Đình Huy*

Ban Biên Tập

HT Lê Thành Hưng, HT Nguyễn Hữu Nghiệp, Duy Văn, Hưng Quốc, Yên Hà, Thanh Mai, Hoàn Nguyên, Vân Lan và một số Cộng Tác Viên

*Tập San Thế Đạo do Ban Thế Đạo Hải Ngoại chủ trương và phát hành mỗi 3 tháng một số phổ biến đến quý Chức Sắc, Chức Việc, đồng đạo và Thân hữu qua đường Bưu Điện và số đầu tiên (số 1) phát hành vào tháng 9 năm 1998 và đến hôm nay đã được 93 số.

*Tập San Thế Đạo là tiếng nói của Ban Thế Đạo Hải Ngoại nhằm mục đích phổ biến tin tức đạo sự và phổ truyền giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh.

*Tập San Thế Đạo rất mong được sự yểm trợ tinh thần và vật chất cũng như sự cộng tác, góp ý của quý Chức Sắc, Chức Việc, đồng đạo và thân hữu trên mọi phương diện về giáo lý, thi họa, văn hóa xã hội . . . nhằm mục đích phát triển Tập San chất lượng hơn hầu chuyên tải được giáo lý đại đồng của Đấng Cha Trời. Trong mọi vấn đề, xin quý vị vui lòng liên lạc:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

tnndk4@gmail.com

hoặc: duyvan2011@gmail.com



BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

Chúc Mừng Năm Mới Giáp Thìn





THƯ CHÚC XUÂN

Năm Giáp Thìn 2024 của Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Kính bạch Hội Thánh,

Kính quý Chúc sắc, Chúc việc lãnh đạo các cơ sở Đạo tại Hải Ngoại

Kính quý Mạnh Thường Quân và các cơ sở Thương Mại

Kính quý đồng Đạo nam nữ và thân hữu

Năm Quý Mão hầu mãn, Xuân Giáp Thìn bước sang, vạn vật lại đón chào một năm mới sắp đến.

Mỗi lần cơn gió Đông thổi về, báo hiệu mùa Xuân đến, cảnh vật thắm tươi, mọi người đượm nét hân hoan, trong lòng lâng lâng tràn đầy hy vọng về một đời sống an lạc và hạnh phúc hơn năm qua.

Hồi tưởng lại biết bao nhiêu mùa Xuân qua, trong lòng ai ai mỗi độ Xuân về cũng mơ ước và chúc cho nhau những lời tốt đẹp nhất cho năm mới. Thế nhưng bao mơ ước đó vẫn còn là ước mơ khi mà khắp nơi trên thế giới hôm nay vẫn còn chiến tranh, bệnh tật, nghèo đói và độc tài áp bức, khiến cho đời sống của con người, bạn đồng sanh chúng ta, nhận nhiều đau khổ và chết chóc!

Còn Xuân năm nay cũng là Xuân, nhưng nếu những ai còn lương tri lương năng, nhất là tín đồ Cao Đài lấy chữ Thương Yêu làm chìa khóa tu tập, sẽ không khỏi thất vọng và lo lắng:

-Thất vọng: Vì nhân loại ngày nay đang có một nền văn minh quá tân tiến mà không biết hưởng thụ thành quả đó, lại gây ra chiến tranh khắp nơi ngày càng gia tăng và vũ khí tiên tiến sát phạt có thể gây tổn hại mạng sống con người lên đến trăm ngàn lần so với hai thế chiến trước. Mối đe dọa sẽ có thể chiến thứ 3 rất lớn khi hai phe càng kéo thêm đồng minh tiếp sức

-Lo lắng: Vì sứ mạng Cao Đài đối với nhân loại rất lớn. Là tín đồ Cao Đài, tuyệt đối tin tưởng vào lá cờ Cứu khổ và Cứu thế của Đại Đạo hướng tới nhơn sanh mà hiện nay đã 48 năm rồi, Hội Thánh Chơn truyền vẫn chưa được phục quyền để thực hiện vai trò Cứu thế và Chuyển thế đó.

-Lo lắng: Vì nơi Trung Ương Tòa Thánh không có Hội Thánh thực quyền (gồm có Lương Đài: Hiệp Thiên và Cửu Trùng) là Thánh Thể, hình thể của Đức Chí Tôn tại thế vì Hiệp Thiên Đài bị cấm hoạt động. Chỉ có một Cửu Trùng Đài, phân xác của Đạo, thì gần nửa thế kỷ nay quyền đời chỉ cho lo phân tang tế sự mà thôi!

Ngày nào chúng ta còn thấy hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng cắm phía trước lầu Hiệp Thiên Đài Đền Thánh (nơi Phi Tướng Đài) đặt trên lá cờ Đạo Tam Thanh, cắm nơi Bao Lơn Đài hình bán nguyệt, thì Đạo nạn vẫn còn và như thế mục đích cao cả đưa “nhơn đạo đại đồng” lại càng không thể !

“Đời lẩn Đạo, đời xa cội Phước,

Đạo điều đời, vận nước mới an”.

Thưa quý vị,

Rõ ràng đón Xuân mới Giáp Thìn 2024 trong hoàn cảnh thế giới hiện tại là như thế, nhưng chúng ta là người đứng trong cửa Đạo, ít nhiều cũng hiểu được thời gian định hình thay đổi và định luật mất còn; vạn vật cũng như con người phải biến thể theo thời gian để tiến hóa. Chúng ta sống dưới bóng thời gian với nhục thể này ở trong vòng sắc tướng đổi thay, như Đức Chí Tôn đã dạy, phải chịu bao kiếp đọa đày khổ cực mới trả xong nợ thế, dứt đoạn luân hồi.

Chúng ta cũng may duyên gặp vận hội Đại Đạo hoằng khai, thời kỳ đại ân xá, hãy tự tỉnh nắm lấy cơ thuận lợi thời gian với xác phạm kiếp này, tu tâm dưỡng tánh, lập công bồi đức, “*tùng thị Pháp Điều Tam Kỳ Phổ Độ tất đắc giải thoát*” như Di Lạc Chơn Kinh đã khuyến dạy.

***Về hoạt động Ban Thế Đạo Hải Ngoại**

Năm qua, Ban Thế Đạo Hải Ngoại tiếp tục nhiệm vụ phổ truyền giáo lý Đại Đạo đã có từ vài thập niên trước như:

-Tập San Thế Đạo phát hành 3 tháng một lần, xen kẽ có lần in kinh sách, Thuyết Đạo... gửi đến đọc giả trong Đạo cũng như thân hữu đạo tâm.

-Bản Tin Thế Đạo phát hành online hằng tháng phổ biến tin tức Đạo sự và giáo lý.

-Các trang Web lưu giữ Kinh sách, Thánh ngôn, Luật Đạo và Luận giải Giáo lý, cùng Tập san, Bản Tin

... www.banthedaohaingoai.org và www.banthedao.net.

Nhằm duy trì thể hệ trẻ tiếp nối sự nghiệp Đạo nơi hải ngoại, Ban Thế Đạo Hải Ngoại (BTĐHN) kêu gọi quý phụ huynh khuyến khích con em nhà Đạo gia nhập BTĐHN. Đây cũng là chủ trương của Hội Thánh trước năm 1975 trong việc “Cầu Hiền giúp Đạo”:

“Đây là một phương sách mở rộng cửa Từ Bi tiếp rước nhân tài có thiện tâm giúp Hội Thánh điếm tô Đại nghiệp Đạo và cũng là phương tiện diu độ Nguyên nhân nhập trường công quả” (1)

Điều kiện gia nhập, xin xem chi tiết Thông Báo số 16 nơi mục Thông Báo trang Web Ban Thế Đạo Hải Ngoại: www.banthedaohaingoai.org.

Kính thưa quý liệt vị,

Trong suốt thời gian dài hơn 25 năm qua, Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã đồng hành cùng Hành chánh Đạo nơi Hải ngoại, phổ truyền giáo lý và văn hóa Cao Đài qua hệ thống truyền thông các trang mạng, Tập san, Bản Tin . . . , hỗ trợ Hành Chánh Đạo tạo cơ ngơi thờ tự theo yêu cầu.

Đặc biệt mở các khóa Giáo lý, ban đầu lớp học qua thư và e-mail, sau này do dịch vụ Internet phổ thông mới có lớp học online, hiện có 3 cấp, trong trang Web www.banthedaohaingoai.org, mục DHCDO, đăng ký (register) mới học được.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại rất hân hạnh được góp phần nhỏ cùng đồng Đạo hoằng khai Đại Đạo nơi hải ngoại.

Tất cả các thành quả trên được như vậy, chính là nhờ sự phò trợ các Đấng Thiêng Liêng và sự giúp đỡ thường xuyên về vật chất cũng như tinh thần của quý Chức sắc, Bàn Trị Sự, đồng Đạo, đồng hương cùng quý vị Mạnh Thường Quân các nơi. Chúng tôi thành thật biết ơn sự trợ giúp quý hóa này.

Thưa quý liệt vị

Dấn thân vào công việc phổ truyền giáo lý tổng hợp tinh hoa các Đạo giáo và phần chuyên biệt triết lý màu nhiệm ẩn tàng bí pháp Cao Đài giáo, chúng tôi tự xét mình tài sơ đức thiếu, vẫn chưa thông hết lý Đạo cao siêu của Thượng Đế. Chúng tôi rất vui lòng và ngưỡng mong sự góp ý chân thành của quý liệt vị.

Sau cùng, trước thềm năm mới Giáp Thìn 2024, Ban Thế Đạo Hải Ngoại thành tâm:

*Cầu nguyện Đức Chí Tôn Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng ban tứ hồng ân cho toàn thể nhân loại thoát nạn đao binh, lập lại đời sống thanh bình an ninh hạnh phúc.

*Kính chúc quý liệt vị:

Một Năm mới Giáp Thìn 2024

An Lạc - Hạnh Phúc

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Thành Tâm Kính Chúc

(1) Văn Thư số 114/QCQ của Ngài Bảo Thế, Qu. Chương Quản Hiệp Thiên Đài ngày 8-3 Ất Tỵ (1965).

LỄ VÍA ĐỨC CHÍ TÔN ĐỨC CHÍ TÔN LÀ AI?

Đền Thánh đêm 08/01 Nhâm Thìn (1952)



Điện Thờ Đức Chí Tôn

Đêm nay là đêm lễ vía Đức Chí Tôn. Đức Chí Tôn là ai? Bàn Đạo sẽ nói, nhưng Bàn Đạo cốt yếu nhắc lại đây là nhắc cho con cái của Ngài để đức tin nơi Ngài đặng siêu rỗi.

Đức Chí Tôn chúng ta đã gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế; Đấng Thượng Đế dầu cho các nước, các sắc dân tộc trên mặt địa cầu này có đặt tên của Ngài khác nhau, nhưng Đấng làm chủ quyền tạo đoan Càn Khôn Vũ Trụ,

tạo đoan thi hài và hôn phách của ta, Đấng ấy là Đấng vô đối mà con người bao giờ cũng gởi tâm hồn nơi Ngài. Thừa dịp ấy Bản Đạo thuyết vì có nào con người vẫn từ tạo thiên lập địa đến giờ cố tâm tầm Đạo, tiếng tầm Đạo là tầm cái gì chớ? Họ có biết chữ Đạo ấy, họ đặt tên là gì chăng? Thật sự ra họ tầm Nguơn lý đã sản xuất ra họ, hay là cái năng lực chủ quyền đã tạo dựng nên hình hài và tâm hồn của họ. Bản Đạo đã thuyết chữ Đạo là thế nào cả thầy đều nghe và hiểu không cần lập lại.

Thật sự ra, con người cố tâm tầm Đạo ấy mà chi Bản Đạo xin giải rõ: Vả chăng chúng ta đã sanh ra cõi thế gian này, chúng ta tự biết rằng: Nếu chủ quyền nơi ta buộc ta phải sống đặng nuôi cái hình hài xác thịt này, sống nơi cõi này chịu đau đớn khổ não mọi đường thì chúng ta chăng hề khi nào khứng chịu mà chớ!! Vì có cho nên chúng ta đặng, rủi sanh, chúng ta đã biết có chủ quyền, có đủ năng lực cầm linh hồn chúng ta đã có nơi mặt thế gian này, nhưng lại chịu đau khổ ấy, chúng ta muốn hiểu giá trị ấy đối với Đạo vì có gì . . .? Tìm hiểu giá trị ấy đặng chi? Đặng an ủi tâm hồn của ta đồng sanh chịu trong "Tứ Diệu Đê" Chơn Lý của nhà Phật đã để và chúng ta đã nhìn, chúng ta không chối cãi. Chúng ta đau khổ, chúng ta không biết gởi nơi ai, bạn đồng sanh của ta thay vì biết cái khổ ấy mà tội nghiệp cho ta, yêu ái ta tầm phương an ủi ta. Trái ngược lại, trong cảnh khổ ấy, bạn đồng khổ của ta không biết thương ta, ta nên tìm phương an ủi.

Bây giờ chúng ta kiếm ai? Đặng gọi cái đấng khổ ấy, kiếm ai có năng lực đặng an ủi ta. Để dấu hỏi tức nhiên phải trả lời: Đấng đã tạo sanh ra ta, ta không biết mà ta đã hiểu rằng Đấng Tối Linh cầm quyền cả càn khôn vũ trụ. Chúng ta quả quyết rằng Đấng ấy đã sanh ra ta và đã tạo đoan cả hình hài và linh hồn của chúng ta đó vậy. Chúng ta đã biết chúng ta có một phương thế mà thôi, chúng ta không hiểu nguyên do thế nào chúng ta đã sanh ra đây, chúng ta vẫn khổ, chúng ta tìm người sanh ta đặng gọi tâm hồn ta và nếu quả nhiên Đấng ấy đã có hiển nhiên như tâm linh của ta đã định, Đấng ấy sẽ có phận sự an ủi ta, bởi Đấng ấy đã sanh ta làm chủ ta; làm chúa ta, làm chúa chẳng phải làm chúa xác thịt mà thôi, có quyền năng kèm thúc ta trừng phạt ta, có quyền diệt thi hài này chìm linh hồn ta xuống địa ngục. Đấng ấy quyền năng như thế, chúng ta còn tuyển chọn nơi ai khác hơn Ngài đặng ta gọi tâm hồn ta chẳng?

Ấy vậy, nếu Đấng ấy theo cái tâm phàm của đời đã biếm nhẽ, đã chối cãi, nếu quả nhiên Đấng ấy có hay là không có, mà ta gọi cho Đấng Tạo Đoan cái linh tâm của ta chịu khổ não nơi trần này đau đớn quá đỗi, không ai bình vực, không ai an ủi, ta cứ gọi lúng cho Đấng đó mà ta quả quyết rằng: Người đó làm chủ ta, ta gọi cho Người đó, có thể đem chủ quyền của mình có năng lực, có quyền hành định phương pháp an ủi tâm hồn ta đặng. Ấy vậy ta gọi tâm hồn ta cho Đấng đó tức nhiên ta tầm Đạo đó vậy.

LỄ THƯỢNG NGUON: THIẾT PHẬN CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI ĐẠO NGHĨA.

Đền Thánh đêm 14/01 năm Nhâm Thìn (1952)

Hôm nay là ngày Rằm Thượng Nguon, thừa dịp Nguon trọng hệ đối với các Đấng linh hồn tiền vãng, hậu vãng, nên Bản Đạo giảng cái đề Thiết phận của chúng ta đối với đạo nghĩa, là đối với toàn thể nhơn loại nơi mặt địa cầu này.

Vả chẳng chúng ta, mỗi cá nhân đều đặng một quyền vinh diệu tức nhiên là cái quyền làm phần tử của nhơn loại. Ta là một phần tử, nói rõ ra tức nhiên ta là một phần trong hai ngàn năm trăm triệu con người ở mặt địa cầu này. Muốn biết cái thiết phận của chúng ta đối với hai ngàn năm trăm triệu con người ở mặt địa cầu này mà chúng ta gọi là Đòi ấy, chúng ta ít nữa cũng phải biết Đòi là gì? Rồi mới định phận của mình đối với họ trong mục thước chuẩn thẳng, đặc phận của mình, nếu mình không biết giá trị của toàn thể nhơn loại, e cho chính mình không biết cái giá trị của mình nữa mà chớ.

Đức Chí Tôn đã để trong lòng dạ của Ngài, nên Ngài đem Thánh Giáo đến lập chơn truyền của Ngài, cốt yếu Ngài đến đặng lập thiết vị cho con cái của Ngài. Cái thiết vị con cái của Ngài từ Thượng cổ đến giờ, nhơn loại đã hiểu mấy may chút ít. Nhứt là văn minh Á Đông của chúng ta đã để một tiếng rất nên hữu duyên và hữu vị, đã nói toàn thể nhơn loại trên mặt địa cầu này gọi là

Thiên hạ, nói rõ ra cái tên ấy là Ông Trời dưới, Thiên là Trời, Hạ là dưới, Ông Trời dưới nghĩa là kẻ Ông Trời trên, Thiên hạ ấy nó đã tỏ ra cho thấy cái đặc phận của loài người trên mặt địa cầu này.

Đức Chí Tôn muốn dành để cho họ phẩm vị gì? Và phận sự của họ phải làm gì? Từ tạo Thiên lập Địa đến giờ chúng ta đã rõ được nguồn sử của Nhơn loại trên khắp cứu, chúng ta đã ngó thấy tinh thần của con người, dầu ai có muốn chối cãi tinh thần ấy chủ quyền của cái sống họ cũng không được. Tại sao? Tại họ đã thọ lãnh cái điểm linh về tinh thần của họ nơi Đấng Tối Linh kia, Đấng Tối Linh ấy ban cho họ muốn cho Nhơn loại từ từ đi từ phẩm vị con người đạt cho đến quyền năng, đạt cho tới cái địa vị làm Trời hữu hình tại thế này đó vậy.

Chúng ta đã gọi Đức Chí Tôn dành để phận sự họ làm Trời hữu hình tại thế này, cái phận sự ấy thế nào Bàn Đạo không cần minh tả cả thầy con cái của Ngài tầm hiểu, mình đã gọi Đấng tạo Thiên lập Địa làm Chúa cả Càn Khôn Vũ Trụ là chủ, là Trời, là Chúa Tể của Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vinh vang cao trọng quyền năng vô đối ấy, nó ra thế nào thì Bàn Đạo nói quả quyết rằng Ông Trời con tức nhiên Ông Trời dưới cũng quyền năng như thế ấy. Bởi vì Đức Chí Tôn tức nhiên Đấng Tạo Hoá Càn Khôn Vũ Trụ muốn cho họ thế ấy, và ban quyền cho họ đoạt đăng địa vị thế ấy, nói rõ ra cái giá trị của toàn thể Nhơn loại là Ông Trời hữu hình tại thế này đó vậy. Khi chúng ta đã nhìn quyền của họ, nhìn tước của họ, chúng ta tự biết phận của chúng ta, chúng ta chỉ

biết làm tôi, chỉ biết phụng sự cho Đấng ấy mà thôi, chớ không mong mọi gì làm chúa của họ đặng, biết bao nhiêu kẻ mon men muốn làm chúa toàn thể Nhơn loại trên mặt địa cầu này với võ khí, với phương pháp hung bạo tàn ác, chiếm thu những kẻ yếu hèn bạc nhược để họ sai làm tôi mọi cho họ bất quá là một phần thiếu số kia mà thôi, nếu toàn thể Nhơn loại mà họ muốn làm chúa thế ấy, thì người Chúa của họ có thể định sống chết của họ mà chớ.

Chúng ta đã ngó thấy ở nơi mặt địa cầu này không màu da nước tóc nào khác nhau, trong hàng phẩm Nhơn loại kia là anh em đồng sinh của ta, cả thầy Nhơn loại trên mặt địa cầu này là đại gia đình, là anh em cốt nhục của ta, chúng ta không có quyền làm chúa, chỉ biết làm tôi làm tớ họ theo Thánh ý của Đức Chí Tôn muốn mà thôi. Ngày giờ nào không lấy Luật Thương Yêu, thiên nhiên của Đức Chí Tôn để trong tâm não của họ, thì họ chưa hề có can đảm làm phận sự tôi tớ của họ mà phụng sự Nhơn loại một cách đắc lực, một cách vui vẻ, một cách hữu hạnh, hữu phước, một cách làm cho mình có thể chung lại với nhau đặng hưởng hòa bình yêu ái của toàn Nhơn loại nơi mặt địa cầu này. Muốn làm Chúa thì phải thiết hiện hòa bình tâm lý trước đã và hòa bình hình chất sau. Nhưng chỉ có Đức Thương Yêu của Đức Chí Tôn để nơi tâm khảm của chúng ta làm khí cụ, làm môi giới diu dắt và nâng đỡ họ, thì họ mới có thể hưởng cái hạnh phúc ấy mà thôi.

Ý NGHĨA LỄ THƯỢNG NGUỒN

Hoàn Nguyên biên soạn



Lễ Thượng Nguyên và lễ cầu siêu ở Báo Quốc Từ và Khách Đình

Đạo Cao Đài hằng năm có ba đại lễ Rằm Tam nguon:

- Thượng nguon: ngày 15-1 âm lịch
- Trung nguon : ngày 15-7 âm lịch
- Hạ nguon : ngày 15-10 âm lịch, cũng là ngày Lễ Kỷ niệm Khai Đạo.

Thượng nguon là nguon khởi đầu khôi Hư Vô vận chuyển để hình thành Càn Khôn vũ trụ. Do đó, Thượng nguon là nguon Tạo hóa hay là nguon Thánh đức. Con người thuần lương, chất phác, đời sống hiền hòa đạo đức, thương yêu giúp đỡ nhau.

Thời Trung nguon thì con người đông hơn, sinh kế khó

khăn nên tranh ăn tranh sống, con người xa rời Thánh chất, sinh ra nhiều mưu lược bày kế gây chiến tranh sát hại nhau, không kể tình đồng loại như thuở ban sơ. Cho nên Trung nguon là nguon Tranh đấu.

Đến thời Hạ nguon thì sự tranh đấu ngày càng khốc liệt, chỉ nghĩ danh lợi thâm tóm nguồn lợi về cá nhân, đoàn thể, quốc gia mình mà không kể quyền lợi chính đáng của kẻ khác, tạo ra vũ khí tối tân để thống trị kẻ khác; đó là Nguon Tận diệt hay nguon Điều tàn.

*** Ý nghĩa Bí pháp về Tam nguon**

Đức Hộ Pháp giảng vào ngày Rằm tháng Giêng Canh Dần (1950) như sau:

“Bàn Đạo thuyết tiếp về tam nguon, tại sao trong Càn Khôn Võ Trụ chia làm tam nguon, là khi Càn Khôn Võ trụ chưa lập ra, ban đầu cả tinh khối sanh lực của Càn Khôn bao trùm hết, khi biến thiên mới tạo ra vạn vật. Hồi lúc Đức Chí Tôn giáng linh gọi là Thượng Nguon. Người giáng linh nắm cả nguyên khí ấy luyện trong Càn Khôn Võ Trụ biết hoạt động nương theo cái sanh lực là chữ Khí đó (Hộ Pháp chỉ ra Liên Đài Hộ Pháp có chữ khí tượng hình của mình).

Kế tiếp nữa là Trung Nguon, Đức Chí Tôn tạo vạn vật dầu cho loài người cũng ở trong vạn vật ấy. Giờ phút Đức Chí Tôn đến cho loài người được cái linh, tức nhiên cho họ cái khôn ngoan hiển hách khác hơn vạn loại kia, gọi là giáng khí. Vì có Đức Hộ Pháp bắt Ấn Trung Nguon hai bàn tay phải hiệp lại với nhau là âm dương tương hiệp, theo cái thiên linh của Đức Chí Tôn

đến cái nhơn linh của loài người.

Đến Hạ Nguơn Đức Chí Tôn giáng Thần, tức nhiên là cái thiên vị Đức Chí Tôn mở ngôi Thần, Thánh, Tiên, Phật cho Vạn Linh đặng cho các chơn hồn đạt vị của mình, chuyên luân trong quả kiếp sanh sanh tử tử mà đạt pháp lập thiên vị. Đức Chí Tôn giáng trần Hạ Nguơn là cốt yếu như vậy. Vì có nên Hộ Pháp bắt ấn hạ nguơn là tới tuần trà: hai bàn tay úp nhau, tả là Dương trên, Hữu là âm dưới; chụp lên đầu Kim Tiên đưa xuống giáng thần cho thiên hạ; ba cái Bí Pháp đó là vậy”.

.Khai Nguơn và Chuyển Thế

Đức Chí Tôn đã đến thế gian khai mở Tam Kỳ Phổ Độ với nguyên lý tối trọng là Khai nguơn và Chuyển thế. Nhân loại đang ở thời kỳ cuối tam chuyển Hạ nguơn, bắt đầu tứ chuyển Thượng nguơn. Đức Hộ Pháp đã giảng: “Tuởng nếu không phải Đức Chí Tôn đến lập giáo thì cái quyền năng Chuyển thế với khai Nguơn ấy chưa có một vị Phật nào đủ quyền làm được”.

Điều trọng yếu là khai nguơn chuyển thế để tạo Tân Dân, dân mới đời Thánh Đức. Lịch sử Đạo giáo nhà Phật còn lưu lại từ tạo dựng càn khôn thế giới đến bây giờ đã chia ra nhiều lần Tân Dân; bắt đầu từ Hắc chủng (da đen), da xam xám, Thanh nhơn (xanh) bên Ấn Độ, đời sống từ dã man đến văn minh đạo đức tiến bộ khá hơn nhờ Thượng Đế Nhất Thể Tam Vị dạy Đạo (Brama, Civa và Kristna).

Kế đến giống Tân Dân Xích nhơn (vùng Atlantic), lợi dụng tài trí văn minh đàn áp nô lệ hiếp kẻ yếu, bị Thiên



Lễ Thượng Ngươn và cầu siêu tại Trai Đường

Điều phạt chìm dưới biển qua trận đại hồng thủy thành biển Atlantic còn lại vết tích văn minh Ai cập và đến Huỳnh chủng (da vàng, Tàu) cũng tấn tuồng ấy khiến loạn lạc giết hại lẫn nhau, trận giặc cuối cùng tiêu diệt là Phong Thần bồng, nhường chỗ cho văn minh dân da trắng. Sau rốt là văn minh Bạch chủng (da trắng Âu Mỹ) đã đến đỉnh cao, đáng lẽ hưởng hạnh phúc, lại cũng vì tàn ác thực dân tham lam, hiệp yếu, chế tạo ra ra vũ khí tàn sát khốc liệt đã tạo ra thế chiến 1 và 2 và có thể thế chiến 3 (?) không tránh khỏi! Họ đang bị tự tiêu diệt thì sẽ có sắc dân mới Thần Thông Nhon như Đức Chí Tôn đã nói: “Chùng nào đất dậy Trời thay xác, Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần”.

.Đức Chí Tôn vì tình thương yêu chúng sanh vô bờ bến đã mở Hội Long Hoa để con cái Ngài đoạt vị nhằm thực thi hai chữ Ân xá hoặc được cứu độ làm Tân dân trong kỷ nguyên Thánh đức Thượng ngươn tứ chuyển. Đó là quyền năng Khai ngươn và Chuyển thế của Ngài.

. Ý nghĩa Lễ Thượng Ngươn

Thượng ngươn là lễ tối quan trọng của Đạo buổi khai niên.

Quan trọng vì chỉ có ngày lễ Thượng ngươn trong năm là ngày cầu nguyện cho Cửu huyền Thất tổ được ân xá tội tình và cầu nguyện cho các chiến sĩ trận vong cùng các đấng chơn hồn được siêu thăng tịnh độ.

Rằm Trung ngươn và Hạ ngươn thì chỉ cầu nguyện cho chiến sĩ trận vong và các đấng linh hồn chết sau lễ Rằm Thượng ngươn trong năm mà thôi.

Vì vậy, tờ số dâng lên Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vào dịp lễ Thượng ngươn nguyên văn bằng Hán văn như sau:

“Kim vì vận hội Thượng ngươn, Ngọc Hư Cung Linh Tiêu Điện đại khai ân xá các đấng linh hồn.

Chư Thiên phong nghiêm thiết đàn tràng, hương đăng hoa trà quả, thanh chúc chi nghi, thành tâm hiến lễ.

Ngưỡng nguyện Vô Trung TỬ PHỤ phát hạ hồng ân, hóa sanh đại đức, tùy ngươn vận hội, ân xá chư linh hữu công hành đạo, tế độ nhơn sanh, cập tiền vãng Thất Tổ, hậu vãng Cửu Huyền, do tử tôn lập thân hành đạo

dĩ hiển phụ mẫu hiếu nghĩa vi tiên, chư chiến sĩ trung thành dũng cảm vì quốc vong thân, dĩ chí toàn thể lê dân thống khổ chiến tranh đồng thời tử nạn.

Nguyện cầu các đấng linh hồn, cập chư chiến sĩ vì quốc vong thân tảo đắc siêu thăng tịnh độ.

Chư đệ tử đồng thành tâm khấu bái cẩn sơ thượng tấu. Dĩ văn.”

. Phần dịch ra Việt văn (theo CĐTĐ) như sau:

“Nay vì vận hội Thượng Nguyên, Ngọc Hư Cung và Linh Tiêu Điện đại khai ân xá các cấp linh hồn. Các Chức sắc Thiên phong trang nghiêm thiết lập đàn cúng tế, nhang, đèn, bông, trà, trái cây, rượu tinh khiết, làm thành nghi tiết, thành tâm dâng lễ. Ngưỡng nguyện Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ trong cõi Hư Vô ban xuống hồng ân, hóa sanh đức lớn, tùy theo nguyên vận hội, ban ơn xá tội cho các chơn linh có công hành đạo, cứu giúp nhơn sanh, và Thất Tổ đã qua trước, Cửu Huyền đã qua sau, do con cháu lập thân hành đạo để hiển dâng lên cha mẹ vì hiếu nghĩa làm đầu, các chiến sĩ trung thành dũng cảm vì nước quên mình, đến toàn thể dân chúng đau khổ vì chiến tranh đồng thời tử nạn. Cầu nguyện các đấng linh hồn và các chiến sĩ vì nước quên mình sớm được siêu thăng lên miền tịnh độ. Các đệ tử đồng thành tâm cúi lạy kính cẩn dâng sơ tâu lên. Kính trình.”

. Ngoài ra, dịp lễ Thượng nguyên này, Hội Thánh tổ chức cúng tế Cửu Huyền Thất Tổ cùng chiến sĩ trận vong nơi Trai Đường. Hội Thánh cũng tổ chức cúng tế và Cầu

siêu Hội cho các đẳng vong linh nơi Khách Đình. Các Thánh Thất khắp nơi cũng tổ chức cúng tế Cửu Huyền Thất Tổ và chư vong linh như Trung Ương Tòa Thánh vậy.

Nghi lễ Cầu siêu Hội nơi Khách Đình (Tòa Thánh) có tám Phan gọi là Phướn Chiêu Hồn, kêu gọi các đẳng vong hồn đến hưởng lễ cúng tế và cầu siêu.

Tám Phan này năm Giáp Thìn (ví dụ) được viết như sau (CĐTĐ):

“THIÊN VẬN THƯỢNG NGUỒN ĐẠI KHAI ÂN XÁ
Tam Giáo Quy Nguyên, Ngũ Chi phục nhứt
ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
(Cửu Thập Cửu niên)

Vận Trời năm Giáp Thìn, tháng Giêng ngày 16, giờ Ngọ, ơn Trời xá tội.

Hội Thánh thiết lễ tế điện và cầu siêu Hội.

Kính mời:

- Các cấp chư vong linh nam nữ đã chết, sanh không gặp thời,
- Chư chiến sĩ chết nơi mặt trận,
- Hoặc các vị trong Sĩ, Nông, Công, Thương, vô can chết vì tai nạn
- Và mười loại chúng sanh chết yểu

Mau mau đến Khách Đình, vào trong đàn tế, thọ hưởng ơn Trời, cùng qua bờ giác”.

.Tóm lại, Thượng nguồn là lễ tối quan trọng buổi khai niên.

Thời Tam kỳ Phổ Độ này, Đức Chí Tôn mở cơ tậ độ

và ban cho hai chữ ân xá “buổi buộc thì khó, buổi mở thì dễ”. Ngài đã hiểu nỗi thống khổ của nhơn sanh và đưa ra nhiều phương pháp giải khổ; trong đó có cho ta phương pháp lập thân hành Đạo báo Hiếu cùng Cửu Huyền Thất Tổ nhân dịp lễ Thượng nguồn như lời Đức Hộ Pháp đã thuyết giảng sau đây:

“Bần Đạo nói thật, thời buổi này chúng ta không tìm phương giải thoát cho Cửu Huyền Thất Tổ thì không có thời buổi nào có năng lực độ rỗi Cửu Huyền Thất Tổ của mình cho đặng, không có buổi nào hạnh phúc làm đặng như vậy.

Bởi thế nên toàn thể con cái của Đức Chí Tôn nam, nữ cũng vậy, có tấm lòng yêu ái nồng nàn hoài vọng giọt máu mảnh thân mình, giờ phút này là giờ phút nên để trọn tâm cho thanh tịnh đặng cầu nguyện siêu thoát cho Cửu Huyền Thất Tổ.

Bần Đạo dám nói giờ phút này, mấy người có thể nhong nhèo với Đức Chí Tôn được. Ngài sẵn sàng để hai chữ ân xá, thì mấy người xin cái gì thì ông cũng cho cái này”.

Hoàn Nguyên biên soạn

Tài Liệu Tham Khảo:

- *Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Q.3/ bài 10: Khai Nguơn và Chuyển thế và bài 41: Thời kỳ Ân xá của Đức Chí Tôn*
- *Cao Đài Từ Điển (CDTĐ) của cố HT Nguyễn văn Hồng*

NGÔI VỊ ĐỨC CHÍ TÔN QUA TRIẾT LÝ CÁC TÔN GIÁO

Kỷ Niệm Đại Lễ Vía (9 tháng 1 Giáp Thìn-2024)

HT Nguyễn Đăng Khích biên soạn

Quan niệm về Thượng Đế của các nền tôn giáo chính trên thế giới. Ý nghĩa ngày Lễ Vía ĐỨC CHÍ TÔN mừng 9 tháng 1 âm lịch theo Thần học Đông phương. Đức Chí Tôn Thượng Đế trong Đạo Cao Đài

Hằng năm, cứ mỗi độ Xuân mới về, trăm hoa đua nở, cây cối đâm chồi nảy lộc...tô điểm cho đời thêm tươi đẹp. Vạn vật thay đều hân hoan làm cho con người quên nỗi cơ cực năm qua để nhìn về phía trước niềm hy vọng cảnh tung bừng của ngày Xuân sáng lạn.

Đối với người tín đồ Cao Đài tinh thần càng sáng khoải hơn, khi Xuân mới về được dịp về Tòa Thánh hay các Thánh Thất, Đền Thờ Đức Chí Tôn cùng Các Đấng, tỏ bày lòng sùng kính lạy mừng Đấng Cha Chung của nhân loại và dâng lên lòng thành kính thương Thầy mến Đạo ngày Đại Lễ của Ngài mừng 9 tháng Giáp âm lịch.

Sau đây chúng ta thử tìm hiểu Đức Chí Tôn Thượng Đế qua triết lý và danh xưng khác nhau của các tôn giáo chính trên thế giới và đặc biệt Đức Chí Tôn giáng điển sáng lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài.

1.-Niềm Tin về Thượng Đế của các tôn giáo chính trên thế giới

*-Thiên Chúa Giáo



Thiên Chúa giáo cho là Đức Jesus Christ vâng lệnh Đức Chúa Trời, hay là Đức Chúa Cha (God) mở Đạo Thánh Gia Tô. Phần ngoại giáo công truyền thì chúng ta đã rõ giáo hội sinh hoạt Đạo sự hằng ngày. Duy phần tinh hoa tức phân Mật giáo nội truyền (Mật truyền) ít phổ biến, cho nên tín hữu khó tiếp cận:

Đức Chúa Jesus Christ

-Con người có Thiên tính, tức Chúa Trời

hằng ngự trong tâm hồn con người

-Nước Trời ở ngay tâm khảm con người, hay nói khác hơn là mọi người đều có Chúa Trời trong tâm khảm.

-Con người có thể tiến hóa từ phàm phu đến Thần Thánh và sẽ tiến hóa xa hơn đạt đến cao siêu như Chúa Kitô.

Nền Đạo suy tôn Đấng Thượng Đế, Chúa Jesus hằng dạy Mến Chúa và Yêu người, bao giờ cũng chủ trương Yêu người là Mến Chúa. Mọi việc làm tốt lành cũng do đó mà nảy sinh.

***- Bà La Môn giáo (Brahmanism) hay Ấn Độ giáo (Hinduism)**

Là tôn giáo tối cổ còn tồn tại đến ngày nay nhờ vào các bộ Thánh kinh và phương pháp Yoga. Họ tôn thờ Thượng Đế Nhất Thể Tam Vị:



-Brahma, đáng sáng tạo vũ trụ

-Vishnu, đáng bảo tồn

-Shiva, đáng hủy diệt

Nhờ các Thánh kinh như Veda, Upanishads và Bhagavad Gita, người ta khám phá ra rằng các hiện tượng thiên nhiên, vạn vật... chịu tác động bởi một động lực, một năng lực hay một sức mạnh có thể làm lợi hay gây tác hại con người. Nguồn năng lực đó chính là Chân Bản Thể Vũ Trụ hay Chân Thể.

Thờ Thượng Đế Nhất Thể Tam Vị: Brahma- Vishnu và Shiva Phật.

Điều này Phật giáo về sau hàng chục thế kỷ cũng công nhận triết lý vũ trụ quan này.

***- Phật giáo**

Đức Phật Thích Ca là giáo chủ của đạo Phật. Ngài là một trong những bậc đại giác ngộ đã tìm được Bản Thể



Đức Thích Ca Mâu Ni Phật

Vũ Trụ và Bản Thể con người.

Bản Thể hay Tuyệt đối Thể đó có trước cả muôn vật, huyền diệu vĩnh cửu, bất biến, Phật giáo gọi là Chân Như, tương đương với Thiên lý, Thái Cực của Nho giáo hay Đạo của Lão giáo.

Từ Chân Như biến sanh ra Vạn pháp cũng như Bản Thể sanh Vạn tượng. Chân như thì trường tồn bất biến, vô sinh

diệt; còn Vạn pháp thì vô thường, vô ngã, biến thiên . . .

Như vậy, càn khôn vũ trụ này là hữu tướng thì cũng từ Chân như bản thể mà ra, vạn vật trong đó có con người cũng do duyên khởi bắt nguồn từ đó mà ra; cho nên Phật nói mọi người đều có Phật tính hay Thiên tính của Không hay Lão giáo.

***- Lão giáo**

Lão giáo cũng như các Đạo khác ở phương Đông tin rằng có một Đấng Thượng Đế Tuyệt đối, là Bản thể độc nhất vô hình, vô ảnh, vô vi nhưng năng động, biến hóa vô cùng tận và tạo dựng ra càn khôn vũ trụ và thế giới hữu hình này. Đó là thuyết “Thiên địa vạn vật đồng nhất



Đức Lão Tử

thê”

Khi chưa có càn khôn vũ trụ hữu tướng thì Bản thể hay Đạo còn tiềm ẩn, chưa hiển dương thì gọi là Hư vô, Hồng mông, Vô cực . . . tượng trưng bằng số 1 hay vòng tròn không có tâm điểm (Tiên Thiên)

Khi đã hiển dương rồi thì gọi là Đạo, Thái cực, Cốc Thần . . . tượng trưng bằng vòng tròn có chấm ở giữa hay đồ hình Thái cực thường thấy (Hậu Thiên).

***- Nho giáo hay Khổng giáo**

Tinh hoa của Khổng giáo hay Nho giáo nằm gọn trong các bộ sách Tứ Thư và Ngũ Kinh. Ở đây, chúng ta không nói đến những vấn đề luân lý và chính trị thì những tư tưởng cốt lõi trong Tứ Thư và Ngũ kinh đại lược như sau:

- Trời hay Thượng Đế là chủ tể của vạn vật .

- Trời là thực thể cho muôn loài, là căn nguyên mọi hiện tượng. Từ đó, được cụ thể hóa bằng vòng Dịch mà Tâm Điểm là Thái Cực (là Trời trường tồn bất biến) và các hào quái bên ngoài là tượng trưng cho muôn vàn hiện tượng luôn biến hóa. Đó cũng là quan niệm “Thiên địa vạn vật đồng nhất thể” như Lão giáo.

- Trời và người quan hệ mật thiết: “Thiên nhân tương dưỡng; Thiên nhân hợp nhất”

- Con người có Thiên tính tức Thiên lý hay Thiên mệnh trong ta. Do đó, con người phải học hỏi tới cùng suốt đời để tìm căn nguyên ấy, tức Trí Tri.

- “Khử nhân dục, tồn Thiên Lý”, hoàn thiện mình để kết hợp với Trời

- Tu thân, cải thiện mình, rồi phải cải thiện người khác. Đó là Trung Thứ

- Người mà đạt được chí Thánh chí Thiện và cải tạo nhân tâm thiện lành thì đã đạt đạo Trung Dung vậy.

- Tâm pháp Trung Dung có thể sánh với Tâm Ấn, Phật ấn

*-Hồi giáo hay đạo Mahomet

(Islam or Mohammedanism) Do Giáo chủ Mohammed sáng lập.

- Đức tin tuyệt đối vào Thượng Thần Allah (tức Thượng Đế vĩ đại) và tiên tri Mohammed

- Kinh Coran chủ trương đạo giáo phóng khoáng

- Giáo lý môn phái Bạch Y (Sufism) của Đạo Hồi rất cao



Đức Khổng Tử

Đế.

Bạch Y là giáo phái thiên về vô vi, triết lý sâu sắc, tư tưởng đẹp đẽ, phóng khoáng và hòa đồng. Có nhiều Thánh Hiền giáo phái này chủ trương đường lối như các Hiền Thánh Á đông.

***- Do Thái Giáo**

Đạo Do Thái có hai phần công truyền và mật truyền.

Công truyền là Do Thái giáo chính thống hiện nay và đã ra đời từ thời Moses (1250 B.C; BC=before Christ=trước chúa giáng sinh). Phần Mật truyền là Mật tông của Do Thái giáo, gọi là Kabbalah, là huyền môn Do Thái. Kabbalah là tinh hoa tư tưởng người Do Thái có từ thời xưa.

siêu và phóng khoáng.

Các tôn giáo độc thần như Do Thái giáo, Thiên Chúa và Hồi giáo nguyên thủy tin rằng Thượng Đế là cao nhất và Ngài ở ngoài muôn vật.

Ngược lại, giáo phái Bạch Y lại tin như Mật tông và các Đạo phương Đông là Thượng Đế có sẵn trong lòng vạn vật, và con người có thể sống phối kết với Thượng



Lễ Vượt Qua của người Do Thái Giáo

Kabbalah giải thích căn nguyên, sự hình thành vũ trụ và con người bằng :Ein-Sof và Sephiroths.

-Ein-sof là Hư Vô, Bản thể tuyệt đối vũ trụ, thời kỳ tiềm ẩn, có thể sánh với Vô cực trong Dịch kinh (Tiên Thiên)

-Sephiroths là thập duyên hay thập tính minh họa sơ đồ hình thành vũ trụ hữu hình (Hậu Thiên), thì xuất hiện Thượng Đế tương đương với quan niệm Thái cực, âm dương, ngũ hành, tam tài (Thiên Địa Nhân) của kinh Dịch.

Ngoài ra, Khảo cứu Kabbalah ta thấy người Do Thái xưa dùng nhiều phương pháp để diễn giải tư tưởng ngoài từ ngữ thường dùng như số, chữ và hình ảnh như kinh Dịch.

*-Tóm lại, Ngày xưa các vị hiền triết đi tìm Đạo tức nhiên tìm nguyên lý đã sản sinh ra con người , hay là cái năng lực đã tạo hóa ra thể xác và tâm hồn họ là Đấng

Chí Tôn mà Đạo Cao Đài tôn thờ. Cho dù Thượng Đế được các dân tộc gọi tên khác nhau, Đấng ấy làm chủ tạo đoan càn khôn vũ trụ, tạo thể xác và tâm hồn con người, là Đấng Tuyệt Đối mà chúng ta bao giờ cũng gọi tâm hồn nơi Ngài.

2.*- Ý Nghĩa Ngày Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn mùng 9 tháng Giêng Âm lịch

Thời xưa, lúc còn chế độ vương quyền Á đông như Trung hoa, Việt nam . . . nhà vua cúng tế Trời nào ngày mùng 9 tháng 1 âm lịch, gọi là tế Nam Giao. Thời nay không còn tục lệ này nữa mà chỉ có Đạo Cao Đài tổ

chức đại lễ vía Ngọc Hoàng Thượng Đế, giáo chủ nền Đạo long trọng nhất.



Thiên Nhân tượng trưng
Đức Chí Tôn

Sau đây, xin ghi lại ý nghĩa ngày lễ vía Đức Chí Tôn mùng 9-1 hằng năm

(Phần này được trích trong Luận Đạo Sư Tập của cố HT Nguyễn Long Thành)

“Khởi đầu từ con số không, không là con số zero (0),

Bắt đầu cái có là con số một (1)

Biến hóa tăng lên hoài

đến số chót là số chín (9).

- Số học chỉ có từ 0 đến 9, muốn thêm nữa phải ghép lại.

- Theo thần học Đông phương, từ số 1 đến số 9 còn tương ứng với ngôi thứ như sau:

- Số 1: Thái cực chỉ về nguyên lý cùng tột của Tạo hóa

-Số 2: Lương nghi là Âm Dương, Trời và Đất

-Số 3: Tam tài: ba ngôi Trời, Đất và Người

-Số 4: Tứ tượng: 4 thứ khí tượng :Thái dương, Thiếu dương, Thái âm, Thiếu âm; gọi chung là Nhật, Nguyệt, Tinh và Thần

-Số 5: Ngũ hành: là 5 chất: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ

-Số 6: Lục hợp: 6 cái hợp thành: Trời, Đất, Đông, Tây, Nam, Bắc

-Số 7: Thất tinh: Chòm sao Đại hùng (chòm sao Bắc đẩu)

-Số 8: Bát Quái: 8 quả: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài

-Số 9: Cửu Thiên Khai Hóa, Cửu Thiên tức 9 phương trời gồm có: trung ương + tứ phương (4 hướng: Đông Tây Nam Bắc) + tứ ngưng (4 góc). Có thể hiểu là Thượng Đế đã mở mang khai hóa xong chín phương Trời.

(Các giải thích trên căn cứ theo Hán Việt từ điển Nguyễn văn Khôn, nhà sách xuất bản năm 1969)

Chọn tháng 1 là tháng khởi đầu của năm

Chọn ngày 9 là số lớn nhất để hình thành vía Đức Chí Tôn.

Khởi đầu vũ trụ và kết quả sau cùng của nó là 1 và 9. Lý luận như vậy gọi là thần học Duy lý; còn tu tâm cảm nhận được một sức sống nhiệm mầu, gọi là thần học Duy linh”.

3.*- Đức Chí Tôn Thượng Đế trong Đạo Cao Đài

Vũ trụ hình thành được Đức Chí Tôn dạy trong đoạn Thánh ngôn như sau:

“Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế Giới thì Khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra lưỡng Nghi, lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng, mới lập ra Càn Khôn Thế Giới. Thầy lại phân Tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: Vật chất, Thảo mộc, Côn trùng, Thú cầm, gọi là chúng sanh.” (TNHT. II. Trg 62)

“Nếu không có Thầy thì không có chi trong càn khôn thế giới này; mà nếu không có Hư vô chi Khí thì không có Thầy”. (TNHT. I. Trg 32)

Như vậy, Đức Chí Tôn là đáng tự hữu và hằng hữu, điều này cũng rất hợp với đức tin của các tôn giáo lớn có từ xưa nay và đã được trình bày ở phần trước.

Trong các lần mở Đạo trước, Đức Chí Tôn không trực tiếp giảng trần mở Đạo mà thông qua các Đấng Tiên Phật giảng thế mở Đạo. Đạo Do Thái thì do tiên tri Moise dạy thờ Yehovah, Kito giáo thì do Đức Jesus dạy thờ phụng Thiên Chúa tức Đức Chúa Cha, Hồi giáo qua tiên tri mặc khải Mohamed dạy thờ Thượng Thân Allah

tức Thượng Đế vĩ đại, Bà La Môn giáo tôn thờ Thượng Đế Nhất Thể và Phật giáo dạy Bản Thể sinh Hiện tượng, trong đó có con người do Đức Thích ca mở Đạo dạy con người có Phật tánh cũng như Thiên tánh của Nho và Lão giáo . . . và Cao Đài cho là điểm linh quang của Thượng Đế ban cho mỗi người. Cho dù các sắc dân trên địa cầu có đặt tên Ngài khác nhau, Đấng làm chủ quyền tạo dựng càn khôn vũ trụ, tạo thể xác và linh hồn ta, Đấng ấy là Đấng Vô Đối mà ai ai lúc nào cũng gọi tâm hồn nơi Ngài.

Khai mở Đạo Cao Đài, Đức Thượng Đế trực tiếp giảng diễn dạy Đạo qua cơ bút.

Ngài có đủ huyền diệu để ta tin là ‘có’ như các giáo chủ hữu hình của các tôn giáo khác, những lời dạy đạo đức đầy thuyết phục mà chúng sanh chưa từng nghe ai nói thuyết phục hơn và nhất là thể hiện lòng thương yêu vô bờ bến của bậc Đại Từ Phụ mà các đệ tử cảm nhận và thu hút được. Lịch sử hình thành một tôn giáo không hề đơn giản chỉ một thời gian ngắn có thể thành lập được mà có thể kéo dài hàng chục thậm chí hàng trăm năm, nhân loại mới nhìn nhận và nền Đạo đó mới thành hình.

Ngược lại, Đức Chí Tôn không giảng trần bằng xác phàm mà chỉ giảng diễn qua các đồng tử phò loan phổ độ dạy Đạo như đã nói trên mà nền Đạo mau chóng thành hình sau 16 tháng dạy Đạo (*bắt đầu tiếp xúc với thế giới vô hình qua cơ bút ngày 26-7-1925, âl 06-6 Ất Sửu và lễ khai Đạo ngày 18-11-1926, âl rằm tháng 10 Bính Dần*), khác hẳn với sự hình thành các tôn giáo đã có từ trước. Không kể đến Đức Thượng Đế giảng cơ dạy riêng Ngài Ngô văn Chiêu tu Tiên từ năm 1920 vì không liên hệ gì đến cơ phổ độ mà Đức Chí Tôn độ dẫn

nhóm phò loan Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm và Đức Thượng Sanh bắt nguồn từ Tiên Ông A Ằ Ằ vào hạ tuần tháng 7 Ất Sửu (1925).

***Sự ra đời của Đạo Cao Đài là ân sủng của Đức Chí Tôn dành cho nhân loại và đặc biệt cho dân Việt Nam và tỉnh Tây Ninh được chọn là thánh địa.**



Tòa Thánh Tây Ninh

Đàn cơ ngày 24-4-1926, Đức Chí Tôn cho biết lý do Ngài mở nền Đạo mới:

“Vốn từ trước Thầy đã lập ra Ngũ chi Đại Đạo là; Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh Đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Tùy theo phong hóa của nhân loại mà gây chánh giáo, là vì khi trước: càn vô đức khan, khôn vô đức duyệt, thì nhân loại duy có hành Đạo nội tư phương mình mà thôi.

Còn nay thì nhân loại đã hiệp đồng, còn khôn dĩ tận thức, thì lại bị phân nhiều Đạo mà nhân loại nghịch lẫn nhau nên Thầy mới quyết định qui nguyên phục nhứt. Lại nữa, trước Thầy giao Thánh giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thánh giáo mà làm ra phàm giáo”.

.....

“Chẳng một ai dưới thế này còn đặng phép nói rằng thế quyền cho Thầy mà trị phân hỗn của nhân loại...”

Ngày xưa Đức Thượng Đế sai chư Tiên Phật thay Ngài xuống thế mở Đạo. Ngày nay, chính mình Ngài dùng huyền diệu Tiên bút mở Đạo với tôn chỉ gom các mối Đạo thành một “Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt”, gọi là Đạo Cao Đài.

Sự xuất hiện Cao Đài thì các giáo chủ và kinh sách các tôn giáo đã tiên tri từ trước, nhưng vì nhân loại không được biết rộng rãi nên bỏ ngõ khi Thượng Đế Cao Đài xuất hiện. Giáo lý Cao Đài là tổng hợp tinh hoa giáo lý các tôn giáo lớn trên hoàn vũ và mối Đạo phù hợp với mọi thời đại, dựa theo tinh thần dân chủ, luôn cập nhật hóa vì “...*biết đâu Tân Luật ngày nay Thầy đã đến dạy chúng ta lập thành; trong thời gian tới nữa đây, nó sẽ phải thay đổi cho phù hợp với dân trí*”(Pháp Chánh Truyền chú giải, Paris 1952, trg 25); cho nên tính sống động của mối Đạo do chính Đức Chí Tôn lập ra sẽ lâu dài đến thất ức niên (700,000 năm).

“Nhu ngày kia, Đạo đã xuất dương ra ngoài quốc thì sẽ có nhiều dân tộc chẳng có thể thờ như Nam (Việt Nam)...PCT chú giải , trg 52’ thì sẽ thể hiện Đạo Cao Đài kiểu Âu, kiểu Mỹ, kiểu Úc. . . nhưng có cùng

nguồn gốc giáo lý là nhìn nhận chỉ có một Đấng Cha Chung và nhân loại nhìn nhau cùng nguồn gốc .

*** Đặc ân trong TKPD của Thượng Đế và bổn phận tín đồ đối với Ngài**

Khai mở nền Tân giáo Cao Đài, Đức Chí Tôn đã ban lệnh đại ân xá cho tín đồ nhập môn vào cửa Đạo tòng theo chơn pháp Tam Kỳ Phổ Độ: giữ giới luật và lập công quả sẽ được hưởng đại ân xá, hủy bỏ tội tình nhiều kiếp trước cho những ai thực sự ăn năn hối cải và cho quyền chỉ một đời tu cũng trở về với Thầy được.

Muốn được vậy, chúng ta phải có đức tin vững chắc, luôn gởi tâm hồn nơi Ngài . Đức Chí Tôn còn dạy rằng: trong kiếp sống có làm tội lỗi tà trời chằng nữa mà đến lúc lâm chung khẩn niệm danh Thầy, Thầy sẵn sàng cứu giúp. Điều này, nói thì dễ nhưng thi hành rất khó, vì lúc hấp hối tâm hồn ngu muội làm sao nhớ niệm được?

-Chi bằng hằng ngày ta tập cúng kiến niệm danh Thầy thường xuyên cho đến nhập Tâm, thì may ra lúc lâm chung đau đớn đó, ta có thể nhớ niệm được danh Thầy để cầu xin cứu độ.

Thương Thầy mến Đạo được thể hiện bằng cách thương yêu cả chúng sanh vì “sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh”, hay Thiên Đàng của Kitô giáo, hay Cực lạc của Phật giáo. Đức Chí Tôn dạy nếu không thương yêu được thì Thầy cảm không được ganh ghét.

Sau cùng, tưởng nhớ công ơn sinh hóa và nuôi dưỡng hồn hài nhân loại mừng ngày Đại lễ Đức Chí

Tôn, chúng ta may duyên được làm môn đệ Cao Đài nguyên hằng tâm ghi nhớ lời dạy của Người:

-giữ gìn giới luật và lập công quả, vì ở thế gian mà không tự lập thì Thầy không nâng đỡ được (luật công bình)

-thực hành sự thương yêu vì thương yêu là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh

-giữ hạnh Khiêm nhường là hạnh yêu quý của Thầy

-giữ chữ Hòa thuận và đức Nhẫn nhục, không “hòa - nhẫn” không thể vào cõi Trời được

-năng cứng kiến thường, nhất là các ngày Xuân nhựt, để tâm hồn được gội nhuần và cảm ứng với ân điển của các Đấng Thiêng liêng . . .
*Vâng lời dạy và làm tròn nhiệm vụ của một người con đối với Đức Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu thì ta đã giữ được đạo Hiếu đối với hai Đấng Cha Mẹ Thiêng liêng và khi mãn phần sẽ được trở về nguồn cội./.

HT Nguyễn Đăng Khích biên soạn

**Tài Liệu Tham Khảo*

-Thánh ngôn Hiệp Tuyển

-Thuyết Đạo Đức Hộ Pháp

-Tinh Hoa Các Đạo giáo của Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

VƯỜN THƠ THẾ ĐẠO



Bá Huê Viên - Nội Ô Tòa Thánh

VƯỜN THƠ THẾ ĐẠO

(Phần I)

CUNG CHÚC TÂN XUÂN Giáp Thìn*2024

Xuân về vạn vật vẻ hồi sinh,
Xuân đến cảnh phong đẹp hữu tình,
Xuân nghĩa đồng sanh thôi chiến loạn;
Xuân nhân dị chủng kết hòa bình.
Xuân hoa rực rỡ tô đời thắm,
Xuân sắc thanh tao điểm Đạo minh.
Xuân nguyện Giáp Thìn Xuân Hạnh phúc,
Xuân tâm chan rưới cả quần linh.

Hoàn Nguyên

Họa 1.

XUÂN GIÁP THÌN

Xuân Giáp Thìn, năm mới, chúng sinh
Xuân nay vạn vật biết bao tình
Xuân nhân Hiệp Chúng cùng tương đắc
Xuân nghĩa Liên Tôn với thái bình
Xuân sắc vui tươi miền thảo mộc
Xuân hoa nở thắm điểm hương minh
Xuân tâm, Đại Đạo, Người nhân đức
Xuân tánh, Cao Đài, Hội Thánh linh

MAI XUÂN THANH

November 26, 2023

Họa2

XUÂN NĂM MỚI

Xuân đến muôn loài rộ nảy sinh
Xuân về đây đó thắm chơn tình
Xuân mang hạnh phúc vui nhân loại
Xuân kết tình thương mới thái bình
Xuân đẹp vườn hoa màu sắc nở
Xuân đi lễ Phật mỗi bình minh
Xuân cầu phước đức mong gia đạo
Xuân hưởng Hồng Ân Đức Chí Linh ...

Yên Hà

27/11/2023

Họa 3
XUÂN THANH BÌNH

Xuân sang vạn vật hưởng ân sinh
Xuân đáo trần gian phước vạn linh
Xuân đến hân hoan yên đạo nghĩa
Xuân về tươi thắm đượm duyên tình
Xuân rời Thế giới mơ điên loạn
Xuân tới Nhơn sanh mộng thái bình
Xuân Giáp Thìn muôn nhà hạnh phúc
Xuân chan hòa ánh nắng bình minh

Hưng Quốc

Họa 4.
XUÂN GIÁP THÌN

Xuân đi Xuân đến về tươi xinh
Xuân đến thi ca thắm đượm tình.
Xuân Giáp Thìn đem nguồn sống mới.
Xuân hòa Nhơn loại đến Hòa bình.
Xuân vui chén rượu mừng ngày Tết
Xuân nhứt nguyện cầu hương Phước minh
Xuân dạy tu hành gìn Đạo pháp
Xuân này trăm họ hưởng Huyền Linh.

Mỹ Nga 27/11/2023. AL,15/10/Quý Mão

Họa 5.
KHAI BÚT ĐẦU XUÂN
(Thủ nhất thanh)

Xuân đến muôn loài chợt khởi sinh
Xuân đem sức sống khắp dân tình
Xuân mang hy vọng mơ thành đạt
Xuân tạo yên vui kiến thái bình
Xuân ấm Trần gian hoa rực rỡ
Xuân nồng cửa Đạo pháp khai minh
Xuân lai xuân khứ xuân còn mãi
Xuân Giáp Thìn này phước hiển linh
Hưng Quốc
Texas 1-3-2024

II.*-ĐẠI LỄ ĐỨC CHÍ TÔN

Chí Tôn giáng ngự cuối kỳ ba
Trần thế từ đây gặt gũ Cha
Tín ngưỡng Cao Đài thời trọng đại
Nho tông chuyển thế hiệp chung gia
Nhơn sanh mê muội mừng ân xá
Kính lạy Đức Ngài ơn thứ tha
Ngày Vía Đại Từ xin đánh lễ
Cảnh quan đẹp mắt thật nguy nga

Yên Hà

Họa 1

Cao Đài Thượng Đế mở kỳ ba,
Thức tỉnh nhơn sanh biết một Cha.
Bác ái khóa chìa đường Cực lạc,
Công bình nhơn đạo gốc Nho gia
Làm lành Giới Định Trời ban Huệ,
Hành ác đảo điên Pháp chẳng tha.
Ngưỡng nguyện Chí Tôn ban chơn giáo,
Chuông chùa xung tụng nhạc ngân nga.

Hoàn Nguyên

Họa 2

Cao Đài Hội Thánh mở Kỳ Ba
Giáng thế Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cha
Chuyển kiếp Nho Tông hoà vạn sự
Xoay đời Chánh Pháp thuận muôn gia
Tây Ninh xây dựng đây ân huệ
Đại Đạo sùng tu đó thứ tha
Ngũ nguyện nhơn sanh lo tích đức
Thiên môn chuông mõ tiếng ngân nga...

MAI XUÂN THANH

December 09, 2023

Họa 3

Chí Tôn khai Đạo mở lần ba
Gom cả sanh linh hiệp với Cha

Giữ gốc Phật Tiên truyền pháp ấn
Gìn ngôi Thần Thánh luyện Nho gia
Thiện tâm bố thí Trời ban thưởng
Ác tánh tham lam quỉ chẳng tha
Thiên giới chín tầng về với Mẹ
Bàn đào nự tửu Yến nguy nga

Hung Quốc

Texas 11-23-2023

Họa 4

CHÍ TÔN Khai mở Đạo Kỳ ba,
Dưới Ánh Hồng Quân Con một CHA
Dạy Đạo Nhơn Luân từng Chánh Giáo,
Thương Yêu, Công Chánh toàn cầu ca.
Tương lai Tôn Giáo Hòa Đồng Chung,
Thế Giới Hòa Bình Hiệp Nhứt Gia.
Mừng VÍA CHÍ TÔN Ngày ĐẠI LỄ,
Tu hành cho kịp Hội LONG HOA.

Mỹ Nga.24/11/2023

ÂL. 12/10/Quý Mão.

NĂM THÌN NÓI CHUYỆN RỒNG

Duy Văn biên soạn

Năm con Mèo sắp qua nhường chỗ năm con Rồng sắp đến . Nói theo đúng ý nghĩa của 12 con giáp trong phong thủy là năm Quý Mão sắp mãn “ bàn giao” lại cho năm Giáp Thìn để thống lĩnh thời gian trong vòng 12 tháng tới.



Con Rồng theo quan niệm của Việt Nam

Nhân đây để tìm hiểu và nói về năm Giáp Thìn, thiết tưởng cần nên lược sơ qua về 12 con Giáp. Con Giáp là một lời nói phương ngữ Nam bộ chỉ chu kỳ 12 năm âm lịch theo thứ tự Tý, Sửu , Dần, Mẹo, Thìn , Tị , Ngọ, Mùi , Thân , Dậu, Tuất, Hợi (tương ứng với Chuột,Trâu, Cọp

(Hổ), Mèo, Rồng, Rắn, Dê, Khỉ, Gà, Chó, Lợn (Heo). Cho nên dân gian có câu “ 12 con Giáp không giống con nào cả”.

Thật vậy, với 12 con vật chúng ta thấy hình thù không con nào giống con nào cả! Các con vật khác như Chuột, Trâu, Cọp, Mèo...người ta có thể thấy được trong đời sống hàng ngày. Riêng con Rồng thì chưa ai thấy bằng tận mắt bao giờ, và nếu có thấy chỉ là thấy trên biểu tượng hình vẽ hoặc điêu khắc v.v.

Vậy là con Rồng là gì mà con người phải tưởng tượng khắc vẽ thờ phượng như con vật linh? Sau đây chúng ta thử tìm hiểu về con vật này.

I.Rồng hay (Long) là một loại vật có trong thần thoại.

Rồng là một loài vật xuất hiện trong thần thoại phương Đông và phương Tây. Trong cả phương Đông lẫn phương Tây, hình ảnh loài rồng đều được biểu thị cho loài linh vật huyền thoại có sức mạnh phi thường. Rồng ở các nước châu Á có nhiều khác biệt với rồng ở các nước châu Âu và châu Mỹ. Rồng Á châu được tôn thờ như thần vật. Rồng Tây phương bị coi là loài quái vật có hình tượng hung dữ, nên các nước châu Âu coi rồng là biểu tượng của cái ác và sự hung dữ. Theo tự điển Larousse, rồng là một con vật hoang đường, hình rắn nhưng lại có cánh và có đuôi. Nó có hình dáng của khủng long có thêm sừng, cánh, vây lưng và có thể phun ra lửa hoặc nước... Da của nó rắn chắc, không loại vũ khí nào có thể sát thương được nhưng lại có điểm yếu nằm ở mắt và lưỡi, thường sống nơi hẻo lánh, con người ít đặt chân đến.

Theo truyền thuyết Hy Lạp, có một vị thần là Achilles, dũng sĩ vô địch. Anh là con Thetis, nữ thần biển với vị vua Hylạp Pelus. Từ thuở nhỏ Achilles được tắm máu rồng nên cơ thể trở thành mình đồng da sắt, có sức mạnh vô song, nhưng chỉ có gót chân máu rồng không thấm tới nên chỗ này trở thành nhược điểm duy nhất của Achilles. Trong trận chiến thành Troy, Achilles bị trúng tên của Paris bắn vào gót chân và chết. Từ đây có ngạn ngữ ‘gót chân Achilles’ để ám chỉ một người dù có mạnh mẽ đến đâu vẫn có một yếu điểm nào đó.

Văn hóa phương Đông rất kính trọng và coi Rồng là một loại thú linh. Rồng có mình rắn, vảy cá, bờm sư tử, sừng hươu và biết bay. Theo từ điển Việt Nam của Lê Văn Đức, rồng là con vật mình dài, có vảy to, miệng rộng, một sừng, chân có vuốt, được sinh ra ở dưới nước nhưng lại biết bay trên mây. Người xưa tin rằng bốn biển lớn là Đông Hải, Tây Hải, Bắc Hải và Nam Hải, mỗi nơi đều có một Long Vương ngự trị.

Rồng vừa biết trườn như rắn, lại thêm chân, thêm móng, vừa có cánh bay trên trời, vừa bơi trong nước, vừa chạy trên bộ như khủng long... Rồng có thể hút nước, phun mưa, lại khắc ra lửa, làm chủ trên mọi môi trường, trên mọi địa hình địa vật. Rồng có nhiều, loại có vây gọi giao long, loại có sừng trên đầu là cầu long, loại có cánh bay gọi là ứng long, loại không bay gọi là bàn long... Đặc biệt, rồng có cặp mắt lồi rất lớn, sáng quắc như lộ hào quang trông thật dữ tợn. Rồng thở ra khói, phun ra lửa hoặc nước. Miệng rồng rất rộng với nhiều răng lởm chởm chìa ra ngoài như miệng cá sấu. Về nơi ẩn thân,

rồng thường ở những nơi có nước. Vì vậy mới có câu “Long đàm Hồ huyệt” hay “hang HỒ, đầm RỒNG” để chỉ những địa thế âm u, hiểm trở hay chỗ nấu thân của những tay chọc trời khuấy nước. Về màu sắc, có các loại RỒNG xanh, trắng, đỏ, đen hay vàng. Trong số này, rồng vàng cao quý nhất nên được dùng để tượng trưng cho Thiên Tử. Vì vậy, áo của vua được gọi là Long Bào có thêu rồng vàng bốn chân, năm móng. Huyền thoại còn cho rằng rồng đực ngậm một viên ngọc rất quý trong miệng, do đó nhiều tranh cổ vẽ cảnh hai con rồng tranh một viên ngọc gọi là “Luỡng Long Tranh Châu”. Đôi khi cũng có những bức tranh vẽ hai con rồng vờn mặt trăng gọi là “Luỡng Long Châu Nguyệt”. Người ta còn phân biệt được cả Rồng đực lẫn Rồng cái bằng cách nhìn vào phần đuôi. Đuôi rồng đực cuộn lại cứng như một cây côn dùng để làm vũ khí mỗi khi xung trận, còn đuôi rồng cái lại xòe ra như chiếc quạt. Theo ghi nhận của người xưa, rồng là một loại thần với 1.000 loài có thể ở trên trời hoặc dưới nước. Bởi vậy, rồng là con vật dễ vẽ nhất, không ai cãi được. Trong khi đó, 11 con giáp (Tí, Sửu, Dần Mão...) là có thực nên nếu vẽ sai thì ai cũng biết. Chính vì rồng là một huyền thoại nên nó được tôn vinh lên mức huyền bí. Trong tứ linh, Long Ly Quy Phụng thì rồng đứng hàng đầu. Long là con Rồng, Ly hay Lân là con Kỳ Lân, Qui là con Rùa và Phụng là một loài chim quý.

1. Quan niệm Rồng tại Việt Nam.

Người Việt hãnh diện là “con Rồng cháu Tiên”. Truyền thuyết kể: Lộc Tục, con vua Đế Minh, lên ngôi vua và



Truyện thuyết Việt Nam Lạc Long Quân và Âu Cơ

lấy hiệu là Kinh Dương Vương. Kinh Dương Vương lấy con gái của Động Đình Quân là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm. Sùng Lãm nối ngôi vua xưng hiệu là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, đẻ ra một cái bọc chứa một trăm quả trứng, nở ra một trăm người con. Ngày kia, Lạc Long Quân nói với Âu Cơ: Ta là dòng dõi Long Quân, tức là Vua Rồng. Còn khanh là dòng dõi thần tiên. Cả hai ăn ở lâu với nhau e rằng không ổn. Nay được một trăm đứa con, khanh hãy đưa năm mươi con lên núi, còn trăm sẽ dẫn năm mươi đứa xuống biển. Từ truyền thuyết này mà người Việt Nam tự hào có “long phụ tiên mẫu”.

Người Việt Nam thời xưa tin tưởng rằng Rồng và Kỳ Lân, là những linh vật mang biểu tượng của Thiên Tử, mỗi khi xuất hiện là có điềm lành hoặc minh chúa ra đời để mang thái bình thịnh trị cho thiên hạ. Từ đó có tục lệ

Múa lân vào những ngày đầu năm trong dịp Tết Nguyên Đán hay những ngày khai trương, lễ lạc, đám hỏi đám cưới... để hy vọng sẽ được may mắn, thành công phát đạt. Trong ngôn ngữ Việt Nam, hình tượng rồng được ghép với uy quyền của nhà vua, như áo bào của vua gọi là long bào, sân điện là long đình, xe của vua là long giá, gương mặt vua là long nhan, giường vua nằm là long sàng, thân thể vua là long thể, thuyền rồng để vua du thủy, bệ rồng là ngai vua ngồi... Trong thuật phong thủy, việc tìm đất để khai phá, làm nhà, gieo vãi, nuôi trồng, hầu an cư lạc nghiệp cần xác định phương hướng, những mạch đất tốt chạy ngoằn ngoèo gọi là long mạch.

Người Á Đông tin rằng Rồng là một linh vật mỗi khi xuất hiện thường đưa đến điềm lành cho hạ giới, nên hay được dùng để đặt cho tên người hay những địa danh. Thi sĩ Lê Đình Bảng viết: “Thật bất ngờ, địa danh mang tên rồng lâu đời nhất nước ta là thủ đô Hà Nội. Số là, xưa xưa, Hà Nội mang tên Long Đỗ, cái rốn, cái bụng con rồng. Mãi đến năm 1010, Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư và Hà Nội và đặt tên là Thăng Long, vì theo chuyện kể, nhà vua thấy vượn khí của mảnh đất mới này bay lên, nom cứ như là một bày rồng múa lượn, quán quýt. Cả đến cái truyền thuyết rùa vàng ngâm gương báu dâng Vua Lê đăng trị quốc an dân sau này cũng mang ý nghĩa tương tự. Phía hữu ngạn Sông Hồng, có Long Biên; nội vi Hà Nội có Hàm Long. Đã có Thăng Long để rồng bay lên thì phải có bãi đáp Hạ Long để rồng hạ cánh chừ. Vịnh Hạ Long, một quần thể đảo với hàng nghìn ngọn núi đá vôi xen lẫn núi đất mang nhiều hình thù, trông tựa nghìn con rồng chìm nổi rủ nhau bơi lội tấp

mát ngoài khơi. Chính vì vẻ đẹp kì vĩ ấy, Hạ Long đã được UNESCO công nhận là một trong 360 di sản văn hóa thế giới (1994). Ngoài ra, về phía Đông Vịnh Hạ Long, còn thấy Bái Tử Long là đảo Phù Long (rồng nổi), tên cũ của đảo Cát Bà và ngoài khơi tỉnh Quảng Ninh là cụm đảo Bạch Long Vĩ. Đặc biệt, ở núi Long Tu có loài cỏ quý chữa bá bệnh, vốn được bảo quản để làm ngự y tiến vua. Càng xuôi vào phương Nam, càng thấy xuất hiện nhiều địa danh mang tên Rồng. Ở Nam Định, có chợ Rồng nổi tiếng. Ở Thanh Hóa, có núi Hàm Rồng hiên ngang bên bờ sông Mã. Ở Quảng Bình, có núi Thanh Long, Long Tị, Phúc Long, nơi Đào Duy Từ (1572-1634) xây lũy Trường Dục và viết nên khúc ngân “Ngọa Long Cương Vãn” thác ngụ chí khí ẩn nhẫn chờ thời khi mở cõi ở đất phương Nam.

“Chốn này thiên hạ đời dưng, ắt là cũng có Ngọa Long ra đời. Chúa hay dưng đặng tôi tài, mừng xem bốn bể dưới trời đều yên”.

Tại huyện Phú Lộc (Thừa Thiên - Huế), có núi Rồng; ở Huế có núi Kim Long (có chùa Thiên Mụ), một thắng cảnh tầm cỡ, đặc biệt phụ nữ rất đẹp, đến nổi vua Tự Đức đã phải dan díu làm nên câu thơ tán dương:

“Kim Long có gái mỹ miều. Trẫm thương, trẫm nhớ, trẫm liêu, trẫm đi”.

Bình Định có núi Hàm Long, Biên Hòa có núi Bửu Long, Long An; Hà Tiên có núi Dương Long. Đây là chưa kể đến con sông Mêkông chảy qua 5 nước, khi vào Việt Nam, rẽ ra 9 cửa, gọi là Cửu Long Giang và



Vịnh Hạ Long Việt Nam

khu vực vừa lúa của cả nước rộng hơn bốn triệu hecta là đồng bằng sông Cửu Long. Từ Sài Gòn đi các tỉnh miền Đông Nam Bộ, ta bắt gặp Long Khánh, Long Thành, Long Đất, Long Sơn, Long Điền, Long Giao (Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu), Phước Long, Bình Long (Bình Phước); về sông nước miền Tây Nam bộ, sẽ gặp Long An, Long Định (Tiền Giang), Long Hồ (Vĩnh Long), Long Mỹ (Cần Thơ), Long Xuyên (An Giang), Long Phú (Sóc Trăng)... Nếu phải liệt kê xã, ấp mang tên con rồng, e khó mà kể xiết. Và sẽ là một thiếu sót không tha được, nếu không nhắc đến cảng nhà Rồng lịch sử, nghe đâu có xuất xứ từ đời vua Gia Long thì phải?" (x. BGCN, tháng 1.2012).

2. Rồng trong đời sống dân gian

Trong dân gian, rồng có nhiều loại và có những so sánh, ví von thú vị:

- Thanh long (rồng xanh): *Tả thanh long, hữu bạch hổ.*
- Hoàng long (rồng vàng): “*Rồng vàng tắm nước ao tù*”.
- Hắc long (rồng đen) và Bạch long (rồng trắng), dân gian có câu:

Rồng đen lấy nước thì nắng

Rồng trắng lấy nước thì mưa.

Hoặc:

“Rồng đen lấy nước được mùa

Rồng trắng lấy nước thì vua đi cày”.

Từ hiện tượng thiên nhiên như “*rồng hút nước*” đến nét người: “*Ăn như rồng cuốn, uống như rồng leo*”. Thậm chí râu rồng được coi là loại cao lương mỹ vị, xưa chỉ dành cho vua chúa: “*Nem công, chả phượng, râu rồng*”.

Trong tình yêu đôi lứa, rồng được xuất hiện trong nhiều so sánh thú vị, đây là những cung bậc của nỗi nhớ mong:

“Nhớ chàng như vợ nhớ chồng

Như chim nhớ tổ, như rồng nhớ mây”.

Hoặc:

- “*Nhớ chàng như vợ nhớ chồng*

Như chim nhớ tổ, như rồng nhớ mây

*Mấy khi rồng gặp mây đây
Để rồng than thở với mây vài lời
Nữa mai rồng ngược mây xuôi
Biết bao giờ lại nói lời rồng mây”.*

*- “Thiếp xa chàng như rồng nọ xa mây
Như con chèo bẻo xa cây măng vòi”.*

Và cái cách so sánh hiện thực của nhiều đôi lứa thật là thi vị và tinh tế:

*“Thế gian được vợ hồng chồng
Có đâu như rồng mà được cả đôi”.*

Thật ngoa ngoắt khi so sánh:

*“Lỗ mũi em mười tám gánh lông
Chồng yêu, chồng bảo râu rồng trời cho”.*

Và khi nói về nòi giống:

*“Trúng rồng lại nở ra rồng
Liu điu lại nở ra dòng liu điu”.*

Đây là cuộc gặp gỡ gỡ niềm mơ ước:

“Tình cờ anh gặp mình đây

Như cá gặp nước, như mây gặp rồng”.

Lúc giận hờn, trách cứ:

“Rồng nằm bể cạn phơi râu

Những điều anh nói dấu đầu hở đuôi”.

Còn đây là khi nói về lòng chung thủy và hạnh phúc gia đình:

Trăm năm ghi tạc chữ đồng

Dù ai thêu phụng vẽ rồng mặc ai”.

Hình tượng con rồng còn là nơi gửi gắm niềm ước ao và khát vọng của người phụ nữ trong hôn nhân:

- *Gái có chồng như rồng có vây*

- *“Phận gái lấy được chồng khôn*

Xem bằng cá chép vượt vũ môn hoá rồng”.

- *“Một ngày tựa mạn thuyền rồng*

Còn hơn muôn kiếp ở trong thuyền chài”.

Ngày xưa đi thi tiến sĩ, ai đỗ được ghi tên lên bảng, gọi là “long bảng” - bảng rồng:

“Bao giờ cá lý (chép) hoá long

Đền ơn cha mẹ ẵm bồng ngày xưa”.



Khu du lịch Núi Bửu Long

Rồng Việt Nam còn hiền hoà, bình dị, gần gũi trong những hội hè, đình đám, liên hoan cho thêm phần hấp dẫn, sinh động: múa rồng, bơi thuyền rồng... Rồng còn vui đùa cùng trẻ nhỏ, trò: rồng rắn lên mây mãi đồng hành với mỗi người dân đất Việt trong suốt cuộc đời.

Trong thời kỳ đất nước phát triển và hội nhập, hình ảnh con rồng Việt hội tụ lương tri, trí tuệ và khát vọng vươn tới những đỉnh cao của những người dân trên dải đất hình rồng, đang trở thành một con rồng châu Á ngày một cường thịnh. Con rồng Việt Nam cao quý nhưng bình dị, thân thương như thế đó, rồng đi từ đời sống hàng ngày vào thế giới linh thiêng, hội tụ vẻ đẹp của 4.000 năm lịch sử. Rồng không chỉ là niềm tin tâm linh nguyên thủy của cư dân văn minh lúa nước thuở xa xưa,

mà gần gũi thân thương với mỗi người dân “*Con Rồng, cháu Tiên*”.

3. Rồng theo hình tượng Trung Hoa.



Rồng theo hình tượng Trung Hoa

Văn hóa Trung Quốc nói riêng và phương Đông nói chung đều coi Rồng tượng trưng cho may mắn và tinh thông nhất trong 12 con giáp. Rồng còn là biểu tượng của danh dự, quyền lực và sự lỗi lạc. Rồng mang lại sự giàu có, phúc đức, hòa thuận và trường thọ.

Thời kỳ phong kiến, Rồng tượng trưng cho vua hay còn gọi là thiên tử, con trời. Chỉ có thiên tử mới được dùng các biểu tượng Rồng và các đồ vật có màu vàng ánh kim. Tầng lớp quan lại và thứ dân tuyệt đối không được làm điều tương tự nếu như không muốn mất mạng vì phạm thượng.

Rồng Trung Hoa cũng gây ra nhiều tranh cãi. Mới đây, cư dân mạng Trung Quốc đã bàn tán sôi nổi về địa vị của rồng, vốn được xem là biểu tượng quốc gia. Một số học giả cho rằng người Trung Quốc và Tây phương có những quan niệm khác nhau về rồng. Con rồng Trung Quốc là biểu tượng siêu nhiên, và không có những nét hung hăng như trong ý nghĩ của người Tây phương.

Tranh luận bùng nổ khi một giáo sư ở Thượng Hải nơi quan niệm của Tây phương về rồng có thể khiến người ta nghi tiêu cực về Trung Quốc. Nhưng 90% người trả lời khảo sát của một trang web Trung Quốc không đồng ý, nói rằng con rồng vẫn là biểu tượng truyền thống.

Bàn Cẩm, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Rồng Phương Trung Quốc, nói không nên lẫn lộn hình ảnh của hai nền văn hóa. Ông nói: “Rồng trong văn hóa Tây phương có một vị trí thấp, nhưng tại Trung Quốc đó là biểu tượng văn hóa và tinh thần thể hiện phồn thịnh và may mắn”. Một số học giả khác từng đề nghị những ai nói tiếng Anh thì dùng âm Hán - long - khi nói về rồng Trung Hoa, để phân biệt với Rồng Tây phương.

4. Những người tuổi Rồng trên thế giới.

Tương tự như những phẩm chất mà người ta gán cho con Rồng, những người tuổi Thìn thường được cho là có những tố chất phi phàm, thông minh trời phú và có năng lực lãnh đạo xuất chúng. Các đấng sinh thành đặt nhiều kỳ vọng vào quý tử sinh vào năm Thìn. Phải chăng ai đó trong số những đứa trẻ sinh vào năm Thìn

sẽ trở thành nhân tài xuất chúng và sẽ làm thay đổi thế giới trong tương lai?

Trong số các nhà lãnh đạo của thế giới sinh vào năm Thìn có sự góp mặt của hai nhân vật kiệt xuất là Tổng Thống Nga Vladimir Putin và Thủ tướng Singapore Lý Hiển Long. Và bên nước Anh Elizabeth II đăng quang nữ hoàng Anh Quốc, trị vì trong suốt 60 năm qua tại vương quốc này cũng là người tuổi Thìn.

Trong thể thao, tay vợt Jimmy Connors khuynh đảo làng quần vợt thế giới và trở thành một trong những tay vợt xuất sắc nhất mọi thời đại, trong khi huấn luyện viên bóng bầu dục Mỹ Bill Belichick gây khiếp sợ đối với bất kỳ đội bóng nào muốn thách thức với 3 lần đoạt danh hiệu huấn luyện viên xuất sắc nhất và 5 lần đăng quang ngôi vô địch giải Super Bowl.

Lĩnh vực kinh doanh có sự góp mặt của Craig Newmark, nhà sáng lập Craig's List, người tạo ra cuộc cách mạng trong lĩnh vực quảng cáo. Các vị Giám đốc điều hành (CEO) là người tuổi Thìn điều hành các tập đoàn hàng đầu của Mỹ và thế giới như Coca Cola, Exxon-Mobil, Alberto-Culver, Time Warner, Colgate- Palmolive, Viacom, UPS, Radio Shack, Clorox, Tiffany & Company, Hershey, ITT, Macy's, Xerox và Walgreens.

Như vậy, những cặp vợ chồng sinh con vào năm Thìn hoàn toàn có thể tin tưởng đứa con của họ sẽ trở thành lãnh tụ Chính trị hay của một hãng kinh doanh khổng lồ nào đó. Tại sao không mơ mộng một chút để đứa con

tuổi Thìn sau này phần đầu trở thành nhà lãnh đạo, hay chí ít cũng là người thành đạt ở một lĩnh vực nào đó.

5. Những danh nhân Việt tuổi Thìn



Đức Đại Vương Trần Hưng Đạo tuổi Thìn

Theo quan niệm của người Việt, người tuổi Thìn rất trung thực, năng nổ nhưng rất nóng tính và bướng bỉnh. Họ là biểu tượng của quyền lực, sự giàu có, thịnh vượng và của hoàng tộc. Dưới đây là những nhân vật lịch sử

nước Việt đã sinh ra và mất đi trong năm con rồng. Còn nhiều tranh cãi về năm sinh nhưng nhiều ý kiến cho rằng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn sinh năm Thìn 1232 và mất năm 1300. Ông là danh tướng thời nhà Trần, anh hùng dân tộc, người có công rất lớn trong ba lần kháng chiến chống Nguyên Mông. Đồng thời ông còn là một nhà nghiên cứu quân sự với các bộ binh pháp *Binh thư yếu lược* và *Vạn Kiếp bí truyền*.

Trần Hưng Đạo được người dân Việt tôn sùng như bậc thánh, nên còn được gọi là Đức thánh Trần. Ông nổi tiếng với thiên tài chỉ huy quân sự, tính cương quyết và sự khảng khái. Trong tác phẩm ‘*Hịch tướng sĩ*’, Trần Hưng Đạo đã đi vào lịch sử với những áng văn hùng hồn mà chứa chan lòng yêu nước “*Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ giận chưa thể xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù; dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thân ta bọc trong da ngựa, cũng nguyện xin làm*”.

Xuân Diệu tên thật là Ngô Xuân Diệu. Ông sinh ngày 2/2/1916 và mất ngày 18/12/1985), là một trong những nhà thơ lớn của Việt Nam. Ông nổi tiếng từ phong trào Thơ mới, được mệnh danh là “ông hoàng thơ tình” và được Hoài Thanh và Hoài Chân đưa vào cuốn *Thi nhân Việt Nam*

Ông quê ở làng Trảo Nha, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh nhưng sinh tại Gò Bồi, thôn Tùng Giản, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Cha là ông Ngô Xuân Thọ và mẹ là bà Nguyễn Thị Hiệp.

Trong sự nghiệp sáng tác thơ văn của mình, Xuân Diệu được biết đến như là một nhà thơ lãng mạn trữ tình, “nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới” (Hoài Thanh. Xuân Diệu là thành viên của Tự Lực Văn Đoàn và cũng đã là một trong những chủ soái của phong trào “Thơ Mới”. Tác phẩm tiêu biểu của ông ở giai đoạn này: Thơ thơ (1938), Gửi hương cho gió (1945), truyện ngắn Phần thông vàng (1939), Trường ca (1945).

Trần Quang Diệu (1760^l–1802), tuổi Thìn là một trong Tây Sơn thất hổ. Ông cùng với vợ là nữ tướng Bùi Thị Xuân đã cố sức chiến đấu để bảo vệ vương triều này, nhưng không thành công, và cả hai đều bị vua Gia Long xử tội chết.

Ngoài ra, còn rất nhiều những danh nhân trong lịch sử sinh ra trong năm Thìn như: Không Lộ Thiền Sư (1016-1094), người được coi là ông tổ của nghề đúc đồng Việt Nam. Bà Nguyễn Thị Lộ (1400-1442), tuổi Thìn, là vợ thứ của Nguyễn Trãi và là một nữ quan nổi tiếng nhà Hậu Lê, gắn liền với vụ thảm án Lê Chi Viên. Nguyễn Như Đồ (1424-1526), tuổi Giáp Thìn, là nhà chính trị, nhà ngoại giao, nhà thơ, nhà giáo dục thời Hậu Lê. Phan Thanh Giản (1796-1867), là một danh sĩ, một đại thần triều Nguyễn.

Thời chống Pháp, lịch sử Việt Nam cũng có hai lãnh tụ khởi nghĩa tuổi Thìn. Trương Định (1820-1864) hay Trương Công Định hoặc Trương Đăng Định, là võ quan nhà Nguyễn, và là thủ lĩnh chống Pháp giai đoạn 1859-1864. Nguyễn Thiện Thuật (1844-1926), lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, một trong các cuộc khởi nghĩa

của phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ 19, lãnh tụ này tuổi Giáp Thìn.

Những danh nhân đã mất trong năm Thìn

Trong lịch sử, đã có rất nhiều những nhân vật mất đi trong năm Thìn vì những lý do khác nhau. Đa số tên tuổi của họ đều đã được người dân biết ơn ghi lại trong tên những con đường, trường học... trên cả nước.

Bà Triệu Thị Trinh là danh nhân nổi tiếng đã mất trong một năm Thìn. Bà Triệu còn được gọi là Triệu Ẩu sinh năm 225 và mất năm Mậu Thìn 248. Bà là một trong những vị anh hùng dân tộc trong lịch sử Việt Nam với công lao đánh đuổi quân Đông Ngô xâm lược.



Danh tướng Nguyễn Hữu Cảnh triều nhà Nguyễn

Năm Thìn còn chứng kiến sự ra đi của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du (1765–1820). Là một nhà thơ nổi tiếng thời Lê mạt, Nguyễn

sơ ở Việt Nam, ông được người Việt kính trọng gọi ông là «Đại thi hào dân tộc». Năm 1965, Nguyễn Du được UNESCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới. Cho đến ngày nay, tác phẩm Truyện Kiều (tên gọi phổ biến của tác phẩm *Đoạn trường tân thanh*) của Nguyễn Du vẫn luôn tồn tại trong đời sống của dân tộc Việt. Đây là một trong số ít các tác phẩm lớn được nhiều người dân đủ mọi tầng lớp học thuộc lòng. Đối đáp bằng những ngôn từ, lời lẽ trong truyện Kiều cũng đã trở thành một hình thức sinh hoạt văn hoá của một số cộng đồng người Việt. Nguyễn Du mất năm 1820.

Nhà bác học Lê Quý Đôn tên thật Lê Danh Phương, là quan của nhà Hậu Lê đồng thời có thể coi là một nhà khoa học trong nhiều lĩnh vực. Ông sinh năm Bính Ngọ 1726, tại làng Diên Hà, trấn Sơn Nam Hạ, nay là thôn Đông Phú, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và mất năm Giáp Thìn 1784. Sinh thời Lê Quý Đôn nổi tiếng là người uyên bác, Vời tài trí thông minh và kiến thức, Lê Quý Đôn đã để lại cho hậu thế khoảng 40 bộ sách, bao gồm hàng trăm quyển, có giá trị đủ các thể loại như lịch sử, địa lý, thơ, văn, chú giải kinh điển, triết học, lý số. Có thể kể ra như: Đại Việt thông sử, Phủ biên tạp lục, Vân đài loại ngữ...

Lịch sử còn ghi lại sự ra đi của rất nhiều nhân vật nổi tiếng trong năm Thìn như: Huyền Trân công chúa sinh năm 1287, mất năm 1340, người đã được gả cho vua Chiêm Thành (Champa) là Chế Mân để đổi lấy hai châu Ô, Lý (từ đèo Hải Vân, Thừa Thiên đến phía bắc Quảng Trị), mở rộng thêm bờ cõi nước Việt ngày nay.

Năm Thìn 1340 còn chứng kiến sự ra đi của Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư, người đã góp công lớn trong cuộc chiến chống giặc Nguyên Mông xâm lược.

Năm Thìn 1448 cũng là năm mất của hai khai quốc công thần nhà Hậu Lê là Lê Văn Linh và Nguyễn Chích. 180 năm sau, cũng là năm Mậu Thìn 1628, Tể tướng Nguyễn Văn Giai công thần “khai quốc” thời Lê trung hưng, nổi tiếng chính trực và biết giữ nghiêm pháp luật triều đình, có công bình định nhà Mạc, đồng thời cũng là một nhà thơ thời Lê - Trịnh cũng qua đời.

Nguyễn Hữu Cảnh, mất vào năm Thìn trong một cuộc nam chinh. Ông tên thật là Nguyễn Hữu Thành, sinh năm 1650, là một danh tướng thời chúa Nguyễn Phúc Chu. Ông được xem là người xác lập chủ quyền cho người Việt tại vùng đất Sài Gòn - Gia Định vào năm 1698. Kể từ thời điểm đó, miền đất này chính thức trở thành một đơn vị hành chính thuộc lãnh thổ Đại Việt, tức Việt Nam ngày nay.

Giai thoại dân gian kể rằng: Trạng Quỳnh và Đoàn Thị Điểm từng có mối ân tình với nhau với câu đối “Da trắng vỗ bì bạch nổi tiếng”. Có một điều đặc biệt là hai nhân vật của lịch sử này đều mất vào năm Thìn 1748. Bà Đoàn Thị Điểm sinh năm 1705, hiệu là Hồng Hà Nữ Sĩ. Bà là tác giả tập truyện *Truyện kỳ tân phả*, và là dịch giả bản *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn. Còn Cống Quỳnh tên thật là Nguyễn Quỳnh, ông sinh năm 1677, nổi tiếng với sự trào lộng, hài hước tạo nên nhiều giai thoại nên trong dân gian vẫn thường gọi ông là Trạng Quỳnh dù ông không đỗ Trạng nguyên.

Còn rất nhiều nhân vật lịch sử khác mà tên tuổi của họ gắn liền với năm Thìn. Dù sinh ở thế hệ nào nhưng có một điều chắc chắn là những công lao của họ không có tuổi. Họ luôn sống mãi trong lịch sử, đời sống văn hóa, tâm linh của người Việt.

6. Rồng trong Y học.



Cây Xương Rồng

Theo Dược sĩ Phạm Minh Dương, thì những loại cây thuốc trong Đông y có mang tên Long (Rồng) đều là những loại cây thuốc quý hiếm như cây Cây vẩy rồng, xương rồng, móng lưng rồng, cỏ răng rồng, địa long, hải long, ban long...

Cây vẩy rồng: còn gọi là cây mắt rồng, đồng tiền lông, tên thuốc là kim tiền thảo, Bộ phận dùng toàn cây, thu

hái chủ yếu vào mùa hè hoặc mùa thu dùng tươi hay phơi, sấy khô. Theo Đông y, kim tiền thảo vị ngọt, đắng, tính hơi hàn quy kinh can và bàng quang. Tác dụng lợi thủy, thông lâm, trị đái buốt, đái dắt, thanh nhiệt tiêu kết tụ. Chủ trị các trường hợp sỏi gan, mật, sỏi thận, sỏi bàng quang, các chứng nhiệt lâm, đái buốt, đái dắt, chữa hoàng đản, tiêu sưng, giải độc, trị mụn nhọt lở loét, viêm da, bỏng lửa. Liều dùng 20-40g dưới dạng thuốc sắc. Trường hợp tỳ hư, đại tiện lỏng thì không nên dùng.

Cây xương rồng: Dân gian thường dùng làm thuốc chữa đau nhức răng, lấy cành xương rồng cạo bỏ gai, đem nướng cho nóng, mềm, rồi giã nát, loại bỏ xơ, thêm ít muối vào. Khi đau răng lấy ít thuốc trên, đặt vào nơi răng đau, ngậm chặt lại, nước dãi tiết ra thì nhổ đi, ngày ngậm 3-4 lần sẽ khỏi, súc sạch miệng không được nuốt nước. Ngoài ra, dân gian còn dùng chữa mụn độc, lấy cành xương rồng bỏ dọc làm hai đem hơi nóng, áp mặt cắt lúc còn đang nóng vào chỗ sưng đau, sang độc sẽ tự tiêu.

Cây móng lung rồng còn gọi cây quỳn bá, vạn niên tùng. Bộ phận dùng toàn cây, cắt bỏ gốc rễ, dùng tươi hoặc phơi hay sấy khô để dùng. Thành phần hóa học chủ yếu là các flavonoid, một vài glycoside khác. Móng lung rồng có vị hơi đắng, tính hàn, quy vào kinh can, tỳ. Dùng sống có tác dụng phá huyết, tiêu ứ chữa kinh nguyệt bế tắc, đau bụng kinh, trung hà. Sao đen có tác dụng cầm máu. Thường dùng chữa ho ra máu, nôn ra máu, đại, tiểu tiện ra máu, kinh nguyệt quá nhiều, băng lậu ở phụ nữ. Liều dùng 6-10g. Trường hợp có thai

không dùng.

Cỏ rãng rông: Tên thuốc là long nha thảo còn gọi tiên hạc thảo. Long nha thảo được dùng cả cây, thu hái vào mùa thu, phơi trong bóng râm, hay sấy nhẹ đến khô. Thành phần hóa học chứa tanin, flavonoit, rutin, isoquercetin. agrinol. Vị đắng chát, tính hơi ôn; quy kinh can, tỳ. Là vị thuốc cầm máu, chữa ho ra máu, nôn ra máu, đổ máu cam, đại, tiểu tiện ra máu, ly tật, băng huyết. Liều dùng 6-12g dưới dạng thuốc sắc. Ngoài ra còn dùng làm thuốc bổ tâm, chữa mụn nhọt, sang lở.

Long duyên hương còn gọi long phúc hương hay long tiết. Tên khoa học là ambragraea. Long duyên hương có nghĩa là nước dãi con rồng (long là rồng, duyên là nước dãi con rồng, hương là có mùi thơm). Sự thật không phải là dãi con rồng mà chỉ là một chất đặc, sản phẩm tiêu hóa trong ruột loài cá voi. Chất này bài tiết ra nổi trên mặt biển rồi trôi dạt vào bờ, người ta vớt về phơi khô làm thuốc và là nguyên liệu quý trong công nghệ hương liệu, là chất định hương cao cấp. Thành phần hóa học long duyên hương có khoảng 25% chất ambrein là dẫn xuất của cholesterol, acid benzoic. Long duyên hương có tác dụng lợi khí, hoạt huyết, làm giảm đau, sát trùng giống như xạ hương, dùng trong trường hợp ho, hen suyễn, đau trong tim, đau bụng, các chấn thương ứ huyết.

Địa long hay rồng đất là toàn thân của con giun đất đã được làm sạch, phơi khô. Thuốc có vị mặn, tính hàn

quy vào kinh vị, can, tỳ, thận. Tác dụng trị ho chữa hen suyễn, trấn kinh trong trường hợp sốt cao, co giật; làm thông lạc, trị phong thấp, tê đau, liệt nửa người, dùng lợi niệu, chữa chứng thấp nhiệt tiêu tiện khó khăn, giải độc, tiêu viêm điều trị chứng thương hàn, sốt rét bụng kết báng, dùng ngoài chữa mụn nhọt, lở loét. Địa long còn có tác dụng bình can hạ áp, chữa tăng huyết áp có hiệu quả. Liều dùng từ 6-12g. Với những người ở thể hư hàn không nên dùng.

Hải long hay rồng biển là một loài cá, họ hải long, có ở vùng biển nước ta được khai thác để làm thuốc. Bộ



Cá Hải Long cỏ

phận dùng toàn thân, bỏ ruột, phơi khô. Thành phần hóa học chứa nhiều acid amin và các chất lipid... tác dụng bổ can thận, mạnh gân xương. Dùng làm thuốc bổ kích thích sinh dục, tăng cường sinh lý, chữa liệt dương, di tinh, phụ nữ khó mang thai, trường hợp đau lưng, mõi

gôi, báng bụng. ngoài ra còn có tác dụng chữa đĩnh độc, ung nhọt. Liều dùng 6-12g/ ngày dưới dạng thuốc bột, sắc, hay thuốc rượu. Hải long tác dụng mạnh hơn hải mã.

Ban long còn gọi là lộc giác giao là chế phẩm cao được bào chế từ gạc hươu nai. Sở dĩ gọi ban long là chỉ con hươu sao, con vật có đốm (ban), quý như rồng. Ban long vị ngọt, tính ấm quy kinh can, tỳ, thận là thuốc ôn bổ hạ nguyên, bồi bổ dương đạo, sinh tinh tủy, mạnh gân xương, bổ huyết, chỉ huyết. Là thuốc quý chủ trị các chứng di tinh, yếu sinh lý, thiếu máu, hoại huyết, hoa mắt, chóng mặt, mắt mờ, suy nhược tạng phủ, cơ thể, lao lực, người già sức yếu, lưng đau, gỏi mồi, băng lậu, phụ nữ hiếm muộn do xung nhâm hư tổn, rối loạn chức năng nội tiết, thuốc có tác dụng an thai, cầm máu chữa thổ huyết, khái huyết. Ngày dùng 10g ăn với cháo nóng hoặc ngâm rượu uống.

7. Tòa Thánh Tây Ninh nằm trong địa thế Lục Long Phò Ấn

Khi du khách đến viếng Toà Thánh, cái lôi cuốn đầu tiên là hai lầu chuông và trống cao ngất. Một hệ thống kiến trúc kiểu Pháp nằm giữa hai khu rừng Thiên nhiên màu xanh biếc. Jeanine Anboyer trong quyển “Mỹ thuật Viễn Đông» nhận định rằng : Người VN đã biết chọn những cảnh thiên nhiên đẹp nhất để xây dựng những công trình thờ cúng của họ (Les arts de l’ Extrême Orient. Pario 1948 trang 83). Đó là lối kiến trúc cổ VN theo lối kiến trúc cảnh vật hóa (Architecture VayAagec) một tu sĩ Nhật Bản cũng cho

rằng Toà Thánh được xây cất trên suối ngầm chảy qua 6 cửa gọi là “Lục long phò ấn” hay “Lục long kết tụ”. Vùng đất này rất phát triển về Đạo pháp và nhân tài (Huỳnh Minh, Tây Ninh xưa và nay, Sài Gòn 1972, trang 177).

Viễn cảnh Toà Thánh Tây Ninh về phía Đông (cung Chấn) gói lên giồng Sân Cu (đất lành) , mặt trước phía



Lục Long Phò Ấn

tây (Cung Đoài) trông ra sông Vàm Cỏ Đông. Phía tả (Nam) Thanh long nước sông Cẩm Giang - Bến Kéo chảy cuộc quanh . Đó là điểm kết long mạch, sách lỗ Ban Kinh gọi là hàm rồng. Phong thủy dương âm hội đủ Cận Cảnh, hồ Động Đình (bầu Cà Na) nước chảy không ngừng (pháp luân thường chuyển) vào rạch Ao Hồ Tây Nam (câu). Hai bên trái phải Toà Thánh là hai cánh rừng Thiên nhiên xanh biếc hài hòa cảnh trí. Phía Bắc (cung Ly) suối Lâm Vô. Phía Đông Bắc (cung Tốn) là Suối Đá. Phía Đông (cung Chấn) Suối Cái chảy về

Nam (cung Khảm) qua Đoạn Trần Kiều, Suối Con lươn ra Giải khổ Kiều, bốn suối hợp sức tưới mát và bao quanh vùng Thánh địa, hợp với sông Vàm Cỏ Đông, Cầm Giang mà kết tụ Lục Long Phò Ân. Biểu hiện Tay Long (dương), Tay Hổ (âm) không đối lập nhau mà còn hòa hợp lẫn vào nhau nhiều lần viển cảnh như cận cảnh. Bên trái (Thanh Long), bên phải (Bạch Hổ) thế sông núi châu đầu vào nhau như hình móng ngựa (đại kích!). Địa thế Lục Long phò Toà Thánh đó, không đâu tốt đẹp bằng.

Về Lục Long, trong kinh dịch, Chu Công giải nghĩa 6 hào của quẻ Thuần Càn thành 6 rồng như sau :

HÀO ĐẦU : Rồng còn ẩn náo chưa (đem tài) hàng được (tiềm long vật dụng) tức rồng còn dưới vực sâu chưa lên mây nên chưa biến hóa được. Ý nói người chưa gặp thời thì nên trau dồi hạnh phúc, luyện thành tài trí, ở ẩn không cầu danh, không ai biết mình thì cũng chẳng buồn.

HÀO HAI : Rồng đã hiện ở cánh đồng ra mắt đại nhân thì lợi (hiện long tại điền lợi kiến đại nhân). Người giúp đời mà không khoe công lao, giữ lòng thành tín và được trung chánh gặp đại nhân thì lợi.

HÀO BA : Người quân tử suốt ngày hăng hái đến tối vẫn còn thận trọng , dù nguy hiểm mà không tội lỗi (quân tử chung nhật, càn cân tịch tịch nhược Lê Vô Cửu). Người quân tử giữ lòng trung tín mà tiến sức lập ngôn lấy lòng thành lập sự nghiệp. Ở địa vị cao mà không tự kiêu, ở địa vị thấp mà không lo lắng .

HÀO BỐN : Như rồng có khi bay lượn, có khi nằm vực, tùy thời mà không làm lỗi (hoặc được tại uyên vô cử). Thận trọng tùy thời cơ, nên tiến thì tiến (như rồng bay nếu không thì chờ đợi (rồng nằm vực) chuẩn bị cho kịp lúc ra giúp trời.

HÀO NĂM : Rồng bay trên trời ra mắt đại nhân thì lợi (phi long tại thiên lợi kiến đại nhân). Mây bay theo rồng, gió bay theo cọp. Ý nói Thánh nhơn ra đời người người trông theo.

HÀO CUỐI : Rồng lên cao quá có hối hận (kháng long hữu hối). Rồng bay quá khó xuống, nếu hành động sẽ xảy ra điều đáng tiếc vì cực thịnh tắc suy nên lui bước để giữ đạo người quân tử .
“ Thời thừa lục long dĩ ngự thiên”
Đức Lý Thái Bạch giảng dạy về Lục Long phò ấn như sau :

“Lão khen Thái Thơ Thanh phải đó , tưởng chư hiền hữu không thấy nữa. Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh Địa, sâu hơn 300 thước như con sông, trung tim đất giáp lại trùng giữa sáu nguồn làm như sáu con rồng tranh nay nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi gọi là “Lục long phò ấn” Ngay miếng đất đó đặng ba đầu, một đầu ra giếng mạch Ao Hồ, hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia”
(Trích từ quyển “ Đại Đạo Bí Sử “ của Hiền Tài Trần Văn Rạng)

II. Kết luận

Con rồng – sinh vật vốn chỉ tồn tại trong trí tượng tượng

của con người – xuất hiện trong văn hóa của cả phương Tây lẫn phương Đông. Tuy nhiên, ở mỗi nền văn hóa, con rồng lại mang những ý nghĩa khác biệt, thậm chí... đối lập nhau.

*Con rồng từ lâu đã xuất hiện trong các truyền thuyết của người Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc và một số nước trong khu vực Đông Á. Con vật đứng đầu bộ “tứ linh” này thường được mô tả trực quan là sự tổng hợp các bộ phận của 9 con thú: đầu của lạc đà, sừng của hươu, tai của bò, mắt của thỏ, mình của rắn, bụng của một con sò lớn, vảy của cá chép, móng vuốt của đại bàng và bàn chân của hổ. Rồng thường cắp một viên ngọc - vật tượng trưng cho trí tuệ và chân lý - trong miệng hay trong lòng bàn chân.

Theo quan niệm của đa số các dân tộc ở châu Á, rồng là vị thần có quyền năng rất lớn, có thể hô mưa gọi gió, đội sóng lật biển, kiểm soát lũ lụt. Con rồng chính là thần linh bảo hộ vạn vật, là nguồn nước tưới cho ruộng đồng tốt tươi, đem đến những vụ mùa bội thu cho con người.

Được xem là vua của tạo sinh động vật, nên rồng còn là biểu tượng của điềm lành, sự may mắn và tốt đẹp đối với người phương Đông. Trong những truyền thuyết, thần thoại của các nước phương Đông, dù cốt truyện có khác nhau nhưng con rồng luôn được coi là một biểu tượng cho sự cao quý tốt đẹp. Người Việt Nam ngàn đời nay vẫn luôn tự hào về dòng dõi “con Rồng cháu Tiên” của mình hay bà mẹ thủy tổ của người Khme là con gái của vua rồng huyền thoại.

Các vị hoàng đế Trung Quốc xưa thì cho mình là những con rồng do Ngọc Hoàng Thượng đế sinh ra. Chiếc giường mà vua ngủ, vì vậy, được gọi là “long sàng”, ngai vàng được gọi là “ngai rồng”, những bộ trang phục thiết triều được gọi là “long bào”, xe mà vua đi thì được gọi là “long xa”; thậm chí, hoàng hậu có thai thì cái thai ấy được cung kính gọi là “thai rồng”.

Con rồng trong tâm niệm của người Hàn Quốc là biểu tượng của sức mạnh tâm linh, của may mắn, giàu sang và hạnh phúc. Trong những ngôi chùa, ngoài nhiệm vụ bảo vệ ngôi tam bảo, con rồng còn đem lại sự bình yên, giàu có và thịnh vượng cho con người. Tương tự như vậy, con rồng của người Ấn Độ, Malaysia, Indonesia là những vị thần của tự nhiên, có bản chất nhân từ, thường gắn liền với những ngọn núi, khu rừng thiêng hay những vùng biển nhất định. Con rồng Nhật Bản, thậm chí, còn có thể biến ước mơ của con người thành hiện thực. Rồng hiển linh trong khi đó được cho là điềm báo đất nước sẽ có vị minh quân hay hiền nhân, hoặc những triều đại tốt đẹp. Tháng 8/1010, tương truyền khi vua Lý Công Uẩn dời kinh đô từ Hoa Lư ra Đại La thì thấy rồng bay lên nên đã đặt tên kinh đô mới là Thăng Long để thể hiện khát vọng và tư thế vươn lên của cả dân tộc. Ở Lào, thế kỷ XV, vua Setthathilat cho dời kinh đô từ Luông Pha băng ra Viêng Chăn và đặt tên thủ đô là Si Xattanakhet, có nghĩa là kinh đô của hàng triệu con rồng nhằm biểu dương sức mạnh của vương quốc.

* Nếu phương Đông xem rồng là biểu tượng cho sự tốt đẹp, may mắn và thịnh vượng thì ngược lại, người

phương Tây lại coi rồng là biểu tượng cho sự xấu xa, độc ác và là đối tượng mà con người cần phải chinh phục. Vết tích cổ xưa nhất về rồng ở phương Tây nằm trong truyền thuyết Hy Lạp nói về Cadmus – cháu của thần biển Poseidon. Theo câu chuyện này, Zeus đã bắt cóc Europa – một người phụ nữ trẻ khỏi quê hương Phoenicia của nàng. Cha nàng đã ra lệnh cho anh trai Europa là Cadmus đi tìm và Cadmus chỉ được trở về khi tìm thấy và mang được em gái về cùng.

Cadmus biết là sẽ không bao giờ tìm được em nên quyết định tìm một vùng đất mới để gây dựng nên thành phố của riêng mình. Nghe theo lời khuyên của Apollo, Cadmus tìm thấy Thebes là nơi thích hợp để xây dựng thành phố. Tuy nhiên, khi đi tìm nguồn nước thì tất cả mọi người bị một con rồng canh giữ ngọn suối giết chết. Sau đó, Cadmus đã giết chết con rồng, nhổ răng của rồng và gieo xuống mảnh đất. Từ mỗi chiếc răng được gieo đã nảy sinh ra một người lính, những người này đánh giết lẫn nhau cho đến khi chỉ còn năm người sống sót. Cùng với họ, Cadmus đã xây dựng nên thành phố của mình và 5 người kia trở thành những cư dân đầu tiên của thành phố.

Con rồng của người châu Âu nói chung có hình dáng của con khủng long nhưng có thêm sừng, cánh, vây ở lưng và có thể phun ra lửa hoặc nước... Nếu người Trung Quốc quan niệm rằng sự khác biệt của con rồng nằm ở số móng vuốt thì người châu Âu lại cho rằng con rồng càng có nhiều đầu thì càng có địa vị cao. Các đầu này có khả năng tự mọc ra nếu bị chặt mất đầu cũ. Con rồng

trong quan niệm của người châu Âu cũng được xem là loài vật tượng trưng cho sức mạnh nhưng nghiêng về ý nghĩa độc ác, hung dữ. Người Tây Ban Nha cho rằng, con rồng thuộc giới nữ và phun ra lửa. Hơi thở của nó chứa chất độc, có thể phá hủy tất cả mọi thứ. Con rồng theo truyền thuyết của người Italia lại là một con rắn bất tử, sống trong rừng sâu và có thể giết chết con người chỉ bằng ánh nhìn của nó. Còn các chuyện của Hungary kể lại rằng, con rồng vốn mang đặc điểm của loài phá hoại, chuyên sách nhiễu người dân, sống trong một khu đầm lầy và thường xuyên bắt cừu và lợn của con người.

Nhìn chung, trong các tích truyện của các dân tộc ở châu Âu, con rồng thường được miêu tả là con vật “hữu dũng vô mưu”, làm nền cho sự xuất hiện của một người anh hùng. Vị anh hùng này sẽ là người giết chết con rồng quái vật để cứu cả một dân tộc hay nàng công chúa, hoặc giành lấy kho báu.... Tựu chung lại, con rồng trong thần thoại phương Tây chính là hiện thân của sự xấu xa, độc ác, cần bị trừng phạt...; đối lập với nhân vật chính là những anh hùng địa phương. Chiến đấu với rồng chính là quá trình con người đấu tranh và giành thắng lợi trước những thế lực đen tối, chinh phục. Trong các câu chuyện của người Thiên chúa giáo, sự khuất phục rồng của các vị thánh trở thành biểu tượng chiến thắng của cái thiện. Như vậy, trong quan niệm của người phương Đông, rồng là biểu tượng của sự cao quý tốt đẹp, thăng hoa và thịnh vượng. Hình tượng con rồng thể hiện sự vươn tới cái đẹp chân - thiện - mỹ. Ngược lại, với các nước phương Tây, con rồng là biểu tượng

của sự xấu xa, độc ác, phá hoại. Nhưng quá trình người dũng sỹ tiêu diệt rồng cũng chính quá trình con người đấu tranh chiến thắng những cái xấu, cái ác, cái tối tăm để hướng đến những điều tốt đẹp nhất, thể hiện rõ nét vẻ đẹp của bản thân. Vì vậy, có thể nói hình tượng con rồng của người phương Đông cũng như phương Tây đều góp phần thúc đẩy xã hội, giúp con người nhận thức và khám phá thế giới.

Ngày nay, từ hình ảnh mang tính chất biểu tượng, con rồng đã được “hiện thực hóa” khi được dùng để chỉ 4 nước, vùng lãnh thổ có nền kinh tế phát triển nổi bật ở châu Á là Hồng Kông, Singapore, Hàn Quốc và Đài Loan. Bốn con rồng châu Á này đã duy trì được tốc độ tăng trưởng cao và công nghiệp hóa nhanh trong những năm 1960 đến 1990. Trong thế kỷ 21, cả 4 nước này đã phát triển thành các nước tiên tiến, có thu nhập cao và chuyên môn hóa trong những lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh, là điển hình cho các nước đang phát triển khác học tập...

Duy Văn biên soạn

Tài liệu tham khảo.

-LM Nguyễn Hữu An (trong *Sống Tin Mừng Tình Yêu*)

- NV Trần Văn Hạc (*Tổ Quốc VN*)

- Hà Dung (*HQ*)

-DS Phạm Minh Đường.

-Hiền Tài Trần Văn Rạng.

**Danh Sách Đồng Đạo - Cơ Sở - Thân Hữu
Yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại & TSTĐ
(Từ ngày 1-10-2023 đến ngày 31--12-2023)**

STT Đồng Đạo - Cơ Sở - Thân Hữu USD

I- Yểm Trợ TSTĐ

01	CTS Cao Hòa Thuận San Diego CA	50.00
02	CTS Hà Thị Nết Garden Grove CA	100.00
03	CTS Mai Văn Liêm Arlington TX	20.00
04	CTS Trần Anh Tuấn Marrero LA	100.00
05	Hồ Văn Thôi San Lorenzo CA	50.00
06	HT Nguyễn Ngọc Đặng Thụy Sĩ	214.78
07	HT Đặng Mỹ Cho Campbell CA	40.00
08	HT Nguyễn Ân Hồng Beavercreek OH	40.00
09	HT Trần Thị Kim Phụng Plano TX	50.00
10	HT Trần Văn Lào Huntington Beach California	100.00
11	Lê Văn Be Grand Prairie TX	100.00
12	Lê Văn Hưng Dayton OH	100.00
13	Lưu Quốc Minh Holiday FL	30.00
14	Lưu Văn Chỉ San Jose CA	20.00
15	Nguyễn Phước Chạc Sacramento CA	30.00
16	Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA	20.00
17	Nguyễn Xuân Thu San Jose CA	20.00
18	Phan Ngọc Vinh San Jose CA	100.00
19	Tường Nguyễn DDS & Huệ Tô DDS San Jose CA	200.00

Cộng (1):1384.78

II- Niên Liễm:

01 HT Đặng Mỹ Cho Campbell CA.	60.00
02 HT Nguyễn Ân Hồng Beaver Creek OH.	60.00
03 HT Trần Thị Kim Phụng Plano TX.	40.00

Cộng (2): 180.00

III- In Kinh Sách

01 Giáp Văn Đoàn Lake City GA.....	50.00
02 Hồ Văn Thôi San Lorenzo CA	100.00
03 HT Trần Thị Kim Phụng Plano TX.....	40.00
04 Huỳnh Văn Nhựt Renton WA	100.00
05 Nguyễn Thị Nữ Norcross GA.....	20.00

Cộng (3): 310.00

.

Tổng số tiền thu được từ ngày 1-10-2023 đến ngày 31-12-2023 (cộng 1+2+3) là

Một Ngàn Tám Trăm Bảy Mươi Bốn đô la Bảy Mươi Tám Xu (US\$ 1,874.78)

San Jose, ngày 10-1-2024

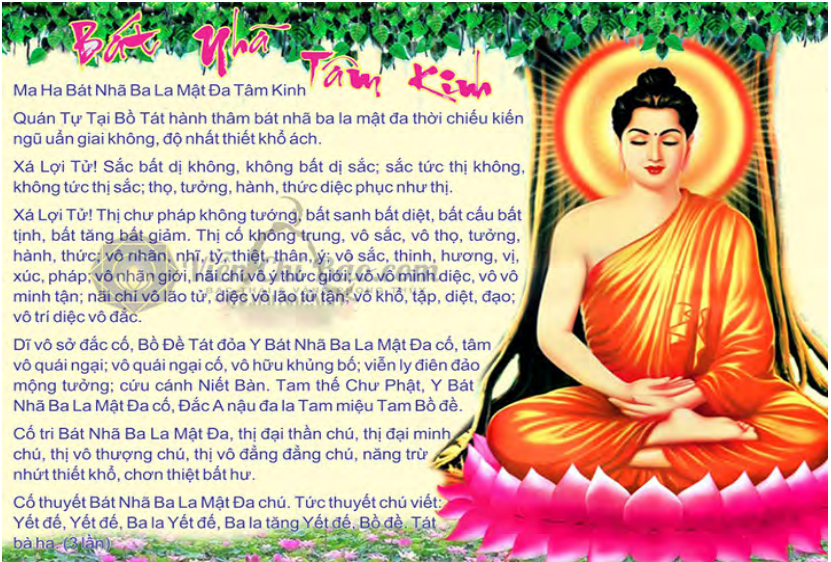
Ban Thế Đạo Hải Ngoại



BÁT NHÃ TÂM KINH

Lê Tấn Tài

(Bài này được viết lại từ bản cũ đã đăng trên các trang web Phật giáo những năm trước đây)



Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung, vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, vô vô minh diệc, vô vô minh tận; nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc.

Đĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề Tát đóa Y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại; vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố; viễn ly điên đảo mộng tưởng; cứu cánh Niết Bàn. Tam thế Chư Phật, Y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, Đắc A nậu đa la Tam miệu Tam Bồ đề.

Cổ tri Bát Nhã Ba La Mật Đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiết bất hư.

Cổ thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú. Tức thuyết chú viết: Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề, Tát bà ha. (3 lần)

Khi còn nhỏ, mỗi khi về nhà Ngoại, tôi tình cờ đọc Bát Nhã Tâm Kinh từ tủ sách kinh của bà. Lúc đó, tôi chỉ đọc qua, hiểu mơ hồ về sức huyền bí của bản kinh (nếu tu tập mỗi ngày, phước lành sẽ đến). Nhưng gần đây khi đọc lại, tôi nhận ra nhiều ý nghĩa thâm sâu hơn. Tôi không phải là tu sĩ, không phải là cư sĩ, cũng không phải là học giả. Thời trẻ, tôi không quan tâm đến những triết lý xa xôi, khó hiểu. Nhưng khi già đi, trải qua nhiều thăng trầm, vật đổi sao dời, người đời đổi trắng thay đen, lên voi xuống chó, bệnh tử vô thường.., tôi bắt đầu thấu hiểu chữ “Không”. Chữ “Không” có điều gì đó

mê hoặc, một lực hấp dẫn mạnh mẽ khiến tôi bị cuốn hút vào. Khi đọc Bát Nhã Tâm Kinh, tôi cảm thấy như có một luồng gió mới, một sức mạnh đang phá vỡ mọi quan niệm, thậm chí chối bỏ luôn cả hiện thực.

Tôi viết bài này dựa trên sự hiểu biết đơn giản của mình, không dẫn giải rườm rà hay chú thích phức tạp. Thực ra, có hàng nghìn quyển sách và bài viết của các nhà sư và học giả cao thâm, nhưng cuối cùng, không ai có thể hiểu rõ hơn. Liệu có cần phải đọc nhiều, nghiên cứu từng chữ từng câu? Thật sự, có lẽ chỉ một chữ cũng đủ để giác ngộ, vì đến một thời điểm nào đó, giác ngộ sẽ đến như một tia chớp. Liệu Bát Nhã Tâm Kinh có phải là một chiếc lá trong một tàng cây lớn mà Đức Phật truyền đạt cho chúng ta?

oo0oo

Bát Nhã Tâm Kinh, tên viết tắt của Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, là một tác phẩm viết ngắn nhất về Bát Nhã Ba La Mật mà Phật đã thuyết giảng lúc ngoài 60 tuổi. Trong phiên bản Hán dịch của Huyền Trang, bản kinh này gồm 260 chữ. Đây là một trong những bản dịch phổ biến nhất được truyền tụng trong giới Phật tử Nhật Bản, cũng như trong truyền thống Chân Ngôn Tông, Thiên Thai Tông và Thiền Tông.

Dưới đây là bản dịch tiếng Việt của Thích Trí Thủ, dựa trên bản dịch của Huyền Trang vào năm 649, thời đại nhà Đường.

“Bồ tát Quán tự tại khi hành Bát Nhã Ba La Mật Đa sâu xa soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua mọi khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác

sắc; sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Xá Lợi Tử! Tướng không các pháp đây, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt.

Cho nên, trong không, không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức; không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không nhãn giới cho đến không ý thức giới.

Không vô minh cũng không vô minh hết; cho đến không già chết, cũng không già chết hết .

Không khổ, tập, diệt, đạo.

Không trí cũng không đắc, bởi không sở đắc.

Bồ Tát nương Bát Nhã Ba La Mật Đa, nên tâm không mắc ngại; vì không mắc ngại nên không sợ hãi, xa lìa mộng tưởng điên đảo, rốt ráo niết bàn.

Chư Phật ba đời nương Bát Nhã Ba La Mật Đa nên chứng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là chú thần lớn, là chú minh lớn, là chú vô thượng, là chú không gì sánh bằng, trừ hết mọi khổ ách, chắc thật vì không dối.

Nên nói chú Bát Nhã Ba La Mật Đa, nên nói chú rằng:

Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề, Tát bà ha.”

Bài kinh này thuyết giảng về các khái niệm trong Phật pháp như Bồ Tát, Bát Nhã, Ba La Mật, và nói về việc giải thoát khỏi khổ đau và ảo tưởng. Các ý chính bao



gồm:

- Bồ Tát và Bát Nhã

Bồ Tát đại diện cho lòng từ bi của chúng sanh, là sự hoằng pháp và giúp đỡ người khác cầu đạo và giác ngộ. Khái niệm Bát Nhã tượng trưng cho cái sâu xa, bát ngát, đẹp đẽ và dịu dàng. Bát Nhã là sự lắng nghe và giúp đỡ chúng sanh. Một số người ví Bát Nhã như chiếc thuyền đưa dẫn chúng sanh vượt qua bờ bên kia sự đau khổ và trần thế. Ba La Mật đề cập việc đến bờ bên kia, hay đạt được trạng thái giác ngộ. Tâm Kinh nói phải tu tập thực hành sâu xa mới đạt đến Bát Nhã, mới có một cái nhìn mới mẻ về cuộc sống. Cái diệu dụng của Tâm Kinh chính là sự xác tín với những người tu là loại trừ được hết mọi khổ đau vì toàn bộ kinh đã chối bỏ tất cả những gì hiện hữu, nhất là thân xác.

- Quán và Quán Tụ Tại

Quán là khả năng quan sát mọi hiện tượng và đối tượng một cách chân thật, không bị lạc hướng bởi các yếu tố

giả tạo, giúp người tu nhìn thế giới một cách sáng suốt. Việc quán tự tại của Bồ Tát không chỉ đơn thuần là việc nhận biết thế giới bên ngoài mà còn là việc tìm kiếm và hiểu biết về bản chất thật sự của chính mình. Điều này bao gồm việc lắng nghe tiếng kêu đau của thế gian, mở lòng từ bi để hỗ trợ và giúp đỡ người khác.

- Ngũ Uẩn và “Tôi”

Theo Tâm Kinh, để đạt được Bát Nhã, hành giả cần tu tập và thực hành thâm sâu. Điều này đồng nghĩa với việc phát triển một cái nhìn hoàn toàn mới về cuộc sống. Trong hành trình này, người tu phải đối diện với nhiều khó khăn, đặc biệt trong việc hiểu rõ về ý thức của “tôi” - nguồn gốc của nhiều nỗi đau khổ. “Tôi” không chỉ bao gồm thân (sắc), mà còn kết hợp tinh thần (thọ, tưởng, hành, thức). Sự liên kết của ngũ uẩn, không những định hình “tôi” mà còn đóng góp vào việc hình thành trạng thái tinh thần và vật chất. Tiêu diệt thân là tự huỷ diệt - đây không phải là điều Phật dạy.

Thân là nền tảng cần thiết, đứng trước tâm vì không có thân, làm sao có tâm, có cảm giác và cảm xúc thông qua giác quan (thọ). Từ giác quan, chúng ta nhận biết các cảm giác (tưởng). Tưởng dẫn đến sự tưởng tượng, sáng tạo các kiến thức, ghen tị, giận dữ... Đây có thể coi là tri thức, một tri thức chưa chuyển đổi thành hành động (hành). Hành động sinh ra điều tốt hoặc xấu, và khi không có ý thức, hành động chỉ là vô tâm như cách trẻ con hành động không cần suy nghĩ. Hành mà có ý thức tức là đã tạo nghiệp. Thức (ý thức đứng sau cùng) được coi là một dạng của vô thức, nơi các trạng thái tinh thần và tâm lý nảy sinh dựa trên kinh nghiệm, thói quen và các ảnh hưởng từ môi trường bên ngoài. Vì vậy, cuộc

sống của chúng ta giống như việc diễn một vở kịch mà chúng ta nhầm lẫn là thực tế. Mọi vật thể không tự có ý thức, mà chúng ta chỉ nhận thức được chúng nhờ vào tác động của thức. Ngay cả khi chết, thân vẫn tồn tại nhưng không đủ để tạo ra ý thức, cảm xúc và nhận thức. Tất cả những trạng thái này phụ thuộc vào giác quan và ý thức của chúng ta.

Tâm Kinh nhấn mạnh không có cái “tôi” riêng biệt tồn tại. Thay vào đó, con người là sự hòa trộn của nhiều yếu tố do các duyên phần tương hợp tạo nên và ý thức là một quá trình tương tác và giao thoa. Cái “tôi” chỉ là giả tướng, không có thật, giống như tiếng kêu của một động cơ, khi gỡ bỏ các bộ phận trong động cơ thì tiếng kêu không còn nữa.. Khi chúng ta hiểu được điều này, chúng ta có thể giải thoát khỏi sự ràng buộc vào “tôi”, giúp giải quyết nhiều vấn đề và đau khổ trong cuộc sống.

- Vô Thường và “Không”

Tâm Kinh nói rõ sự tồn tại không phải là một trạng thái tĩnh lặng, mà luôn chuyển động và biến đổi theo không gian và thời gian. Mọi vật thể đều không cố định và không có tự tính riêng biệt. Nguyên tử và các yếu tố tự nhiên đều là biểu hiện của sự biến đổi không ngừng.

Trong giáo lý Phật, không có khái niệm về điều tốt hoặc xấu, chúng ta không nên bị gò bó bởi các đánh giá của thế gian. Thay vào đó, hãy trải qua mọi trải nghiệm và cảm xúc để hiểu sự chân thật của cuộc sống. Quan trọng nhất là không tăng thêm vào hay giảm bớt điều gì, mà hãy chấp nhận tất cả như một phần hoàn mỹ của hiện tại.

Khái niệm “không có” không chỉ là việc vắng mặt một cái gì đó, mà là cái đó không tồn tại như chúng ta nhận thức. “Không” là “Trống Rỗng”, giống như bầu trời trong vát hoặc khoảng trống của một căn nhà, một chiếc thùng, hay một cái chén. Do đó, điều chúng ta thường gọi là “có” chỉ là một dạng giả tưởng không có thật. Chẳng hạn màu sắc hay âm thanh chỉ là những làn sóng.

Sắc không khác biệt với “không”, vẫn có hình thể, vẫn hiển hiện ra đó dưới những hình dạng xuất hiện (nước trong bầu thì tròn, trong ống thì dài). Sắc là thân xác kết quả của sự kết hợp các nguyên tố (đất - chất đặc như xương, nước - chất lỏng như máu, gió - chất động như hơi thở, lửa - chất nóng như nhiệt độ) do duyên tạo thành, nên biến đổi theo không gian, thời gian và từ đó sinh ra mọi khổ đau. Duyên là những vật hỗ trợ cho nhân để sinh ra quả, giống như hạt lúa (nhân) có sức phát sinh thành cây lúa (quả) khi có những điều kiện thuận tiện (duyên) như đất, nước, phân... giúp hạt lúa sinh ra cây lúa.

- Chấp Ngã và Không Chấp Ngã

Einstein nói vật chất chính là năng lượng, như vậy năng lượng và vật chất là một. Khi chúng ta giải thoát khỏi sự ràng buộc này, chúng ta không còn bị vướng mắc vào điều gì nữa. Khi ý thức về cuộc sống thay đổi thành một trạng thái vô thường và không ổn định, mọi khổ đau tự nhiên sẽ tiêu biến. Nỗi khổ của con người là do cái “tôi” lớn quá nên luôn luôn bám víu và nghĩ rằng nó sẽ trường tồn vĩnh viễn. Đó là “chấp ngã” hay là “ngã kiến” (chỉ thấy cái tôi).

- Thực Tại và Giả Tưởng



Nên hiểu rằng mọi thứ chỉ là giả tưởng và không tồn tại như chúng ta thường thấy. Cả thế giới hữu hình và các hiện tượng trong vũ trụ đều chỉ là các dạng của Pháp (là bản chất tự nhiên của vạn vật, một quy luật không có tính riêng biệt, là nền tảng của thực tại, không thể thay đổi). Khoa học vật lý hiện đại cũng chứng minh rằng thế giới hữu hình chỉ là một dạng của Không Tướng (sự không có), không thật sự tồn tại. Các hiện tượng của vũ trụ mà chúng ta thấy, tưởng là Có nhưng thật sự là Không, không có thật, như sóng biển khi hợp khi tan nhưng bản thể của nó không bao giờ thay đổi (sóng tan chứ nước không tan). Mây, mưa hợp tan vô định. Hòn đá, hạt cát vỡ tan thành bụi. Tất cả chỉ là sinh diệt của vũ trụ. Tại sao ta sinh ra đời? Có phải là cái duyên của cái trứng và tinh trùng gặp nhau. Nếu có một trục trặc nào đó trong quá trình thụ thai thì đã không có ta. Sinh diệt là nỗi lo lớn nhất của con người, nhưng sinh và diệt

chỉ là một, chỉ là một sự chuyển hóa năng lượng và năng lượng thì được bảo toàn. Người đời thường bị ràng buộc trong cái giả tưởng nên dùng đến những danh từ “lợi hại, thiện ác, tốt xấu...” rồi đặt thành quy luật để bảo vệ cái Thiện và bài trừ cái Ác. Đừng lấy cái đức tính tốt này mà đả phá cái tánh xấu kia, phải nếm tất cả mùi vị cay đắng của cuộc đời rồi mới thấy được cái chân thật thường hằng. Không tăng, không giảm, là hiện tượng viên mãn. Thủy triều lên bên này thì xuống bên kia, trên một dòng sông, bờ bên này sỏi mòn thì bờ bên kia được bồi đắp. Tâm Kinh chối bỏ cái thuyết nhị nguyên làm phiền toái con người. Vì vậy, việc sinh ra và mất đi chỉ là một quá trình chuyển đổi năng lượng, không dễ dàng phân biệt được cái gọi là “sạch” và “dơ”, hoặc cái gọi là “tốt” và “xấu”.

- Chấp Đắc và Vô Đắc

Tìm kiếm giác ngộ không dựa vào việc đạt được điều gì đó, mà là chấp nhận sự không có gì cả, từ cái Trống Rỗng đến cái Không có gì hết. Tâm Kinh khẳng định phá chấp, không chấp vào bất cứ việc gì. Giải thoát là giải thoát khỏi sự khổ đau của bản thân mình. Không có thân, tức là không có lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, xúc giác và ý tưởng), đây là các cánh cửa để đưa buồn vui, sướng khổ vào trong chúng ta. Thấy, chính là do mắt. Thấy một bông hoa đẹp, chúng ta trầm trồ khen ngợi; nhưng khi thấy hoa tàn, chúng ta suýt xoa, tiếc rẻ. Nhưng liệu chúng ta có biết rằng hoa sớm nở sớm tàn, chỉ là sự vô thường? Đó chính là do tâm trí của ta tưởng tượng ra. Từ ý nghĩ đi đến tâm thức, biện biệt, khen chê, xấu tốt, thắng bại... Hoa có xấu hay đẹp là do ý thức của chúng ta.

Trong thập nhị nhân duyên, vô minh là yếu tố đầu tiên, là nguồn gốc của mọi khổ đau. Diệt vô minh chính là giải thoát. Tuy nhiên, Tâm Kinh lại dạy rằng: “Không có ngu ngốc và cũng không có khôn ngoan.” Ai là ngu, ai là khôn? Trong cuộc sống, khi bị mắng là ngu, nhưng đó lại là người khôn (“Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ, người khôn người đến chốn lao xao”). Loại bỏ khôn - ngốc đó chính là Bát Nhã. Tâm Kinh tiếp tục dạy: “Không có già, không có chết; nhưng cũng không có “không già” và không có “không chết”. Sống và chết là lẽ đương nhiên, không nên sợ hãi. Trên thực tế, chúng ta đã dành bao nhiêu thời gian để lo sợ việc sống và việc chết. Mỗi giây phút hiện tại đều quý báu và có ý nghĩa. Chúng ta đã bao giờ sống thực sự với hiện tại, không hối tiếc về ngày qua và không trông chờ vào một ngày mai tốt đẹp? Ngũ uẩn là không thì sống chết cũng là không. Trong “Không”, không có gì sinh ra nên cũng không có gì mất đi.

Tâm Kinh phá chấp từ thấp đến cao, từ chấp ngã đến chấp pháp, cuối cùng phá hủy cả chấp trí và chấp đắc. Trí là phân cao nhất của lục độ (bố thí, ba la mật, giới, nhẫn, tinh tiến, định và trí huệ). Trí còn tạo ra sự phân biệt, khiến con người không thể hoàn toàn giải thoát, vì tâm trí luôn chứa đựng kiến thức. Tập thiền phải vô trí, chỉ trải qua trực tiếp mà không cần lý luận. Chỉ khi không có trí, chúng ta mới thoát khỏi suy nghĩ nhị nguyên, và chỉ khi không còn mong đợi gì nữa, vượt qua sự đắc chúng ta mới tiếp cận được “Không”. Những người thực hành Bát Nhã cao thâm không sở đắc, không còn trở ngại, không còn lo sợ, họ đã vượt qua những mộng tưởng và hy vọng ảo tưởng, họ đã đạt đến bờ bên kia, đạt đến niết bàn. Niết bàn chính là sự an lạc ở

mỗi giây phút hiện tại. Niết bàn đã có sẵn ngay tại đây, không cần phải tìm kiếm xa xôi.

- Chú Bát Nhã Ba La Mật Đa

Là một thần chú quan trọng trong Phật pháp, nói về việc vượt qua mọi khổ đau và ảo tưởng, hướng tới sự giác ngộ. Nên biết Chú trong Tâm kinh rất thần diệu, rất sáng suốt, cao nhất, không có gì sánh bằng là cái công năng tóm tắt mọi nghĩa lý đề từ đó phát sinh ra mọi diệu dụng, là một thứ linh ngữ, mật ngữ thiêng liêng mà ở trong trạng thái nào đó con người hiểu được, do đó với người này thì linh mà với người khác thì không linh. Cũng có thể đây là tiếng reo vui mừng khi đạt đến giác ngộ, không còn đau khổ. Cái kết quả này hiện thực, cho nên khẳng định lại một lần nữa Tâm Kinh là Chân Thật, không có gì lừa dối.

Chú linh diệu như vậy, cho nên hãy đọc Chú Bát Nhã Ba La Mật Đa. Tuệ Sỹ dịch câu Chú này như sau: “Đi qua, đi qua, qua bờ bên kia, qua đến bờ bên kia.” (Tiếng Phạn: “Gate gate pāragate pārasaṃgate bodhi svāhā”). Theo Suzuki thì Chú không dịch và không giải nghĩa, vì Chú không thể hiểu và cứ giữ y như thế để tăng thêm uy lực của linh ứng, chỉ dịch âm theo tiếng Phạn để có tác dụng màu nhiệm. Suzuki kết: “Sự thực, hình như toàn thể bản kinh được viết ra vì câu thần chú đó, và không có gì khác hơn”.

Muốn hiểu Tâm Kinh, không qua việc tích lũy kinh nghiệm từ thế giới bên ngoài mà thông qua cái Phật tính sâu thẳm bên trong mỗi người. Từ “thực hành” xuất hiện liên tục trong các đoạn văn của kinh. Điều này có nghĩa việc đọc Tâm Kinh không chỉ đọc, mà còn là việc

áp dụng, hành động tự thân để khám phá những điều kỳ diệu mà nó mang lại. Tâm Kinh không nên được xem như những câu chú, câu niệm có uy lực siêu nhiên có thể giúp con người thoát khỏi tai nạn, bệnh tật, khổ đau và luân phiên sinh tử. Thay vào đó, Tâm Kinh hướng dẫn để chúng ta tự mình tìm kiếm và giải thoát.

Vậy liệu Tâm Kinh có thể coi như một “liều thuốc” giúp giải quyết tình trạng không ổn định của chúng sinh không? Trong các bản Tâm Kinh truyền thống, việc đào sâu vào nghĩa của các từ và triết lý cao siêu là quan trọng, nhưng cũng quan trọng không kém là khía cạnh của hành động. Chúng ta cần sống một cuộc sống không bị cuốn vào những ham muốn và mong đợi, để một ngày nào đó chúng ta có thể đạt đến trạng thái tinh khiết và nhẹ nhàng. Điều này yêu cầu chúng ta thay đổi suy nghĩ và quan điểm của mình, thay vì chỉ thay đổi hành vi bề ngoài. Mọi cảm xúc và quan điểm của chúng ta đều xuất phát từ tâm trí của chúng ta.

Tâm Kinh đưa ra một quan điểm mới đối với cuộc sống, để chúng ta xem xét mọi suy nghĩ và quan điểm theo một cách khác. Nó không chỉ là việc từ bỏ những kiến thức và quan điểm cũ, mà còn là việc mở lòng và nhìn nhận cuộc sống một cách mới. Đầu tiên và quan trọng nhất, chúng ta cần phải tự kiểm tra bản thân, không đánh giá hoặc phê phán, để thực hành việc không vướng vào những suy tưởng, kiến thức, và quan điểm cá nhân mà chúng ta đã tích lũy từ trước đó. Chúng ta cần học cách sống ở hiện tại, không dựa vào tham vọng hoặc lo lắng về tương lai, để thực hiện Tâm không, nghĩa là không bị lôi kéo bởi cái chúng ta muốn và tránh cái chúng ta không muốn, không so sánh giữa điều này và điều kia, không có sự sinh, không có cái chết, không



có chúng sinh, không có Phật, không có Mê, không có Ngộ. Tương tự như không có bóng tối và không có ánh sáng. Khi chúng ta đạt được điều này, chúng ta đã giải thoát, đã đạt đến niềm vui trọn vẹn của tự do tâm linh. Nếu chúng ta không học được điều này, những vấn đề như danh dự, xã hội, tình yêu, và lạc thú không thể làm thay đổi tâm trạng của chúng ta.

Tâm Kinh dạy chúng ta phải loại bỏ những rắc rối và niềm tin mà chúng ta mang theo. Khi chúng ta thực hiện điều này, tâm hồn của chúng ta sẽ mở ra một chân trời mới, trong sáng và không bị gò bó bởi những hạn chế của thế giới. Con người tự do vô hạn vì tâm trí không có ranh giới. Tâm hồn chúng ta cũng không có ranh giới vì nó là “tâm không.” Việc kết nối vô hạn bên ngoài với vô hạn bên trong là sự hiểu biết sâu sắc của người giác ngộ. Tuy nhiên, giác ngộ chỉ là một cách nói, bởi thực tế không có cái gọi là “bên kia” thực sự. Nó không có ở một nơi cụ thể nào đó, nhưng có ở mọi nơi. Không cần phải đợi đến kiếp sau mới có thể đạt đến niết bàn, ngay từ bây giờ, trong khoảnh khắc, nếu chúng ta thức tỉnh, chúng ta cũng có thể đạt đến niết bàn.

XUÂN VIÊN XỨ

Hung Quốc



Những bông tuyết trắng nhẹ rơi ngoài sân cỏ, trên bầu trời Texas mây mù giăng phủ. Mùa đông năm nào cũng vậy, vào dịp tết âm lịch thì đổ tuyết chuyện đó bình thường miễn đừng bão tuyết là ok. Nhiệt độ xuống lạnh kể từ Noel, tuy trong nhà có hệ thống sưởi nhưng vẫn phải mặc thêm chiếc áo jacket cơ thể người cao niên có khác. Bước ra trước hiên nhà ngắm nhìn mấy luống hoa Pansies đủ màu trắng, tím, đỏ, hồng rực rỡ trước sân. Chúng sẽ bị chôn vùi dưới lớp đá dày nếu tuyết vẫn rơi tiếp tục suốt đêm nay. Điều kỳ diệu là sau mùa đông tuyết tan và xuân đến, những đóa hoa pansies sẽ tiếp tục nở rộ dưới nắng vàng mùa xuân.

- Anh à, ngày nào mới mang mấy chậu đào vào nhà.
- 20 tháng 12 âm lịch, cuối tuần này đó em.

Trời Dallas mùa đông rất lạnh Mai khó ra bông chỉ có hoa Đào là tuyệt nhất. Hai chậu đào giờ đã ra nụ đây cây đang giữ ở garage, chỉ cần mang vào nhà hai ngày là bung nở từ từ đến 30 tết sẽ rục rở trước bàn thờ ông bà, mang hương vị mùa xuân quê nhà trên xứ Mỹ. Nhớ năm xưa khi còn tại Việt Nam vào dịp tết độ rằm tháng chạp cùng nhau ra tước lá mai. Cây mai cội rất to cao khoảng 2,5 m nở vàng rục trong ngày mừng một đầu năm mới. Kế đến 23 đưa ông táo, 25 tảo mộ và sau đó là gói bánh tết để cúng giao thừa. Cái không khí mùa xuân đó vẫn còn bàng bạc đâu đây trong hồn người viễn xứ. Một thoáng băng khuâng chạnh lòng bùi ngùi nhớ lại cố hương. Ôi Việt Nam của tôi xa rồi còn đâu.

Năm nào cũng vậy, hôm nay là 23 tết nhà tôi đang nấu chè xôi cúng Thần Táo, đó chỉ là danh từ quen gọi từ xa xưa, dù rằng đã lỗi thời nhưng chẳng sao cả, mục đích chánh là cúng ông bà trên bàn thờ gia tiên cùng mâm đất đai theo phong tục cha mẹ đã làm từ thời còn ở quê hương, đồng thời tạo cảm giác đang sống tại Việt Nam.

- Hello, Hưng Quốc đang làm gì đó anh? Khỏe không trời hôm nay lạnh quá.

- Vâng, bên ngoài lạnh lắm thưa anh, tôi đang soạn bài cho tập san Ban Thế Đạo Hải Ngoại số xuân Giáp Thìn 2024. Mà anh Minh này.

- Gì đó anh.

- Tôi định mời mấy đứa con anh viết bài cho BTĐHN anh nghĩ sao. Nhất là con bé Sông Hương, hôm rồi tôi

có dọ ý cháu. Sông Hương nói ok, anh hỏi lại mấy cháu xem.

- Ô tôi thấy con Hương có làm vài bài thơ Đạo, tôi hỏi cháu nói sẽ chuyển qua cho anh xem và chỉnh lại vì tiếng Việt cháu còn yếu.

- Thế thì tốt rồi, viết nhiều sẽ hay thôi, kêu Sông Hương email qua tôi đi.

- Nhân lúc anh viết bài cho tập san BTĐHN, tôi có câu hỏi này anh giải tỏa giùm tôi. Tôn giáo trên thế giới có hơi nhiều, vậy anh có biết tôn giáo nào là tốt nhất?

Thưa anh Minh. Câu hỏi anh đưa ra thật sự vượt ngoài khả năng hiểu biết của tôi. Bởi vì tất cả tôn giáo đều dạy cho Phật tử, con chiên, tín đồ .v.v. Lòng thương người, từ bi và nhất là đạo đức. Tôi có thể gợi ý cho anh câu nói trên mạng xã hội rằng: Đức Đạt Lai Đạt Ma có trả lời như sau (nguồn trích dẫn chưa rõ nhưng ý nghĩa rất chính xác) “Tôn giáo tốt nhất là tôn giáo đưa anh đến gần Đấng tối cao nhất. Là tôn giáo biến anh thành người tốt hơn”. Trong đạo Cao Đài vị Chánh tri sự Đầu Hương đạo khi được toàn hương đạo tín nhiệm, vị Chánh tri sự thay mặt Hội thánh tại địa phương của mình trong phạm vi Hương đạo một cách toàn hảo. Nói có sách mách có chứng, tôi xin đơn cử chuyện thật người thật cho anh hiểu về đạo Cao Đài. Sau ngày 30 tháng tư năm 1975, đó là mùa xuân tang tóc trên quê hương Việt Nam. Tôi là sĩ quan trong QLVNCH cũng như anh, chúng ta là người thua cuộc bị bắt đi tù “cải tạo” là đương nhiên. Còn các vị Chánh tri sự Đầu Hương đạo vẫn phải đi tù; “cải tạo” 6 tháng trong đó có ba tôi. Sau khi hoàn tất thời gian tù trở về địa phương, Ba tôi nhận thấy đã hết

nhệm kỳ nên đề nghị Hương đạo bầu người khác thay thế nhưng chẳng ai dám. Tất cả đều viện dẫn đủ lý do để không ra làm Chánh tri sự. Lý do chắc anh dư hiểu SỞ, nên ba tôi phải tiếp tục làm đến khi bạo bệnh qua đời vào năm 1989. Cũng nên mở ngoặc ở đây cho anh hiểu: Khi ba tôi làm Chánh tri sự gần như phê đời hành đạo. Ngoài việc chăm lo quan hôn tang tế trong hương, cúng tứ thời ở Thánh thất và giao tế liên hương trong Phận đạo (12 hương) chiếm gần hết thời gian của ba tôi. Các vị Chánh tri sự khác tôi thiếu nghĩ cũng như vậy. Tôi rất kính phục các vị CTS ở Việt Nam qua các điểm sau đây mà tôi thấy được qua ba tôi.

1. Có lòng thương cảm hơn (vận động quyên góp giúp đỡ đạo hữu trong cơn khốn khổ: Gạo, muối, sửa chữa nhà cửa tránh gió mưa)
2. Có trách nhiệm hơn (chu toàn lễ nghi tang lễ trong hương, giàu nghèo như nhau)
3. Có đạo đức hơn (vì trong cương vị Đầu hương phải làm gương, có uy tín cho đạo hữu noi theo)
4. Dịu dàng hơn (giải quyết tranh chấp trong Hương bằng tình đồng đạo)
5. Nhân hậu hơn (càng ngày càng hoàn thiện hạnh từ bi)

Với các điểm trên tuy chưa đầy đủ nhưng cũng đã nói lên rằng Đạo Cao Đài đã đưa anh đến gần Đức Chí Tôn hơn và biến anh trở thành người tốt hơn như câu nói của Đức Đạt Lai Đạt Ma.

Những tờ lịch rơi dần báo hiệu mùa xuân cận kề, đối với Đạo Cao Đài đây là mùa xuân thứ 99 ngày khai Đạo. Là một tín đồ xa xứ vẫn hằng mơ ước góp tay truyền đạt

giáo lý Cao Đài đến với mọi người nhất là tín đồ trong Đạo chưa thật sự thông hiểu về Đạo, lại a dua với nhau chia phe lập nhóm tự cao tự đại thì làm sao mà phổ độ chúng sanh được.

“Người hành đạo chẳng đủ quyền chế cái, kẻ tự cao muốn chiếm vị cầu danh, nghịch tư cách đối đãi với thế tình, gây ác cảm mà tạo thù oán. Hai con (Tr,Th...) phải biết chỗ yếu nhược của Đạo nơi đó mà kiếm phương, tìm chước, lấy cộng hòa, hiệp nhơn ý mà điều đình sửa cái cho chóng, làm sao cho mỗi đạo hữu các con đều ngó về Tòa Thánh mà xưng tụng ân huệ của mỗi con có trách nhiệm xứng đáng; và làm sao cho dứt mối hiềm thù riêng của mỗi đũa, hiệp đồng trí thức mà làm cho người ngoài dòm vào, nhìn nhận mỗi Đạo quý hóa và thấy đều sùng bái cử chỉ cao thượng của các con. Chừng ấy các con dù không mạnh cũng ra mạnh, không đông cũng nên đông, mà việc phổ độ nhơn sanh chẳng còn điều chi trắc trở.

Đạo trẻ một ngày thì hại cho chúng sanh một ngày, mà mỗi đũa đều gây ác cảm làm cho mỗi Đạo thành ra bán vẽ, thì chừng nào Đạo trọn thành nơi đây? Chừng nào cho Đạo truyền ra ngoại quốc? Trong còn mơ màng như người say chưa tỉnh, thì ngoài thế nào được đâm ám mà gieo lân ra, các con biết xưa những chi chi mà trái cả nhơn tâm thì khó bền vững; chánh sách cộng hòa yên tịnh là chánh sách của các con dựng dùm lập Đạo mà thôi. Thầy vì thương chúng sanh, tưởng công lao của mỗi đũa nên chẳng nỡ để cho mỗi Đạo điêu tàn; nhưng nếu trong các con chẳng có đũa nào lãnh phần chế biến làm cho hòa thuận chung vui, để cho đến nỗi hiềm thù oán ghét nhau mà để trò cười muôn thuở, uổng công dìu dắt của Thầy bấy lâu, thì biến khổ sông mê là

nơi các con chịu đời đời kiếp kiếp đó”. (TNHT - Q2 - ngày 5-8-1928)

Qua đoạn thánh giáo trên của Đức Chí Tôn, cách nay 95 năm; ngẫm nhìn thế sự nhân tình của Đạo ngày hôm nay tưởng chừng Đức Chí Tôn đang nói cho hiện tại. Cơ Trời đưa Đạo ra hải ngoại, nhưng lòng người chia rẽ bất hòa háo danh ham tước, chẳng chịu ngồi chung lo cho Đạo. Các Thánh thất khó khăn truyền Đạo không thích ứng được với hoàn cảnh xứ người, tạo nên bất hòa thường xuyên đưa đến tín đồ xa Đạo. Chức sắc Ban Thế Đạo Hải ngoại cũng bị nhiều nơi cô lập, đành phải hoạt động gián tiếp qua mạng và in ấn kinh sách, tập san truyền bá tư tưởng của Đạo Cao Đài. Nhân sự và khả năng thì có giới hạn, trong khi nhân tài của Đạo ở hải ngoại vô số mà sao vẫn điềm nhiên tọa thị chẳng buồn tham gia. Nỗi lo lắng của Đức Chí Tôn năm 1928 đã được khai thông qua đợt di cư đầy nước mắt nơi biển cả rừng sâu. Được trui rèn nơi rừng thiêng nước độc giờ này những tín đồ đó đang ở đâu, con cháu họ đã thành đạt để làm gì? Cuối cùng sẽ ra sao khi đời người không quá trăm năm và đã làm được gì cho Đạo. Than ôi tâm tình này không chỉ riêng tôi còn có nhiều huynh tỷ đang cùng suy nghĩ. Đừng suy nghĩ nữa mà phải bắt tay cùng BTĐHN hành động: Đem giáo lý Cao Đài truyền bá, đem yêu thương chan rưới tình người đem đoàn kết dựng xây Đại Đạo, đem thuận hòa sông trọn niềm vui.

“Mặt nhợt hồng mô thấy xẻ hai

Có thương mới biết Đấng Cao Đài

Cũng con cũng cái đồng môn đệ

Bụng muốn phân chia hỏi bởi ai”

(Thi văn dạy Đạo của Đức Chí Tôn)

Đêm nay giao thừa lại về đến thế gian, mọi người đang vui với mùa xuân Giáp Thìn, hãy bỏ ra vài phút suy nghĩ những gì đã qua trong quá khứ cũng như nguyện ước sẽ làm gì cho tương lai của Đạo. Đức Chí Tôn đã phán rằng: “*chỉ có hòa và nhẫn mới có thể vào được cửa Niết bàn*”. Khi đến tuổi già đa số đều mơ về Niết bàn; nếu lúc trẻ mơ như thế ắt hẳn Đạo đã thành từ lâu. Vâng có mơ mới cố gắng thực hiện, có nghĩ đến Đạo mới gắng công học Đạo cũng như truyền bá giáo lý Đạo. Tuy nhiên không có gì là quá trễ, khi ta vẫn còn minh mẫn, tay chưa run, mắt chưa mờ thì hãy làm những gì mà ta có thể. Bài thơ sau đây của cháu Sông Hương qua vận động của tôi đã góp mặt cùng Vườn thơ Thế đạo.

MỪNG CHÚA GIÁNG SINH

Belem hang đá lạnh không màng
Máng cỏ Ngài sinh nhạc rộn ràng
Rực sáng hào quang trên thế giới
Tuyệt vời Kinh thánh cõi Thiên Đàng
Công bình bác ái nêu lời giảng
Hạnh phúc yêu thương vọng tiếng vang
Nhân loại tâm an bên tượng Chúa
Noel hát mãi đến xuân sang
Sông Hương

Mùa xuân đã đến và ngày đại lễ Đức Chí Tôn cũng cận kề. Chắc hẳn giờ này nơi tổ đình Tòa Thánh cờ phướn đèn hoa cũng đã trang hoàng rực rỡ. Hình ảnh yên bình của 48 năm xưa vẫn còn đậm nét trong tôi. Rồi những ngày chạy loạn ăn cơm trại đường nóng hôi thơm mùi tương chao rau cải. Những trưa hè lang thang trong rừng



thiên nhiên nhìn cắt ké bay từ cảnh này qua cây khác. Những hình ảnh khó phai thời xa xưa ấy còn đọng mãi trong tôi. Và để kết thúc cảm nghĩ của một tín đồ xa xứ bằng bài thơ Đại Lễ Đức Chí Tôn của Sông Hương và Hưng Quốc kính tất cả cùng xem.

ĐẠI LỄ ĐỨC CHÍ TÔN

Tháng giêng đại lễ Đức Chí Tôn
Mùng chín hằng năm trống đập dồn
Thượng Đế ban ân từ Bạch Ngọc
Tín đồ phủ phục dưới Càn Khôn
Cao Đài định vị nơi Nam quốc
Đại Đạo thiên khai chốn cửa không
Đạo hữu một lòng phò chánh pháp
Cơ Trời truyền dạy giữ tâm tông
Sông Hương & Hưng Quốc
Texas 1-1-2024

Hưng Quốc

VƯỜN THƠ THẾ ĐẠO

(Phần II)

MỪNG CHÚA GIÁNG SINH

(Bài 1)

Giáng sinh nhạc trời khúc mơ màng
Đền Thánh đèn nhan đẹp rõ ràng
Giáng thế Chúa sinh thời giáo loạn
Cứu đời Ngài giảng thuyết thiên đàng
Chí Tôn định vị An Nam quốc
Đức Chúa yên ngôi Thánh Đạo vang
Kỷ niệm hằng năm về danh lễ
Tín đồ vui hát đón Xuân sang

Hưng Quốc

Texas 11-20-2023

Họa 1.*- Mừng Chúa Cứu Thế

Sanh nơi máng cỏ chẳng chẵn màn,
Có phải Cha Trời thế buộc ràng?
Mến Chúa: công bình xa địa ngục,
Yêu người: bác ái bước thiên đàng.
Hy sinh một kiếp vì sanh chúng,
Thánh Đạo ngàn năm dặng vẻ vang.
Bạch chủng văn minh ơn cứu độ,
Noel xung tụng Chúa cao sang.

Hoàn Nguyên

Mừng Noel 2023

Họa 2.*- Đức Chúa Jesus Christ

Cứu thế, “Giê Su” chẳng muộn màng
Buổi trưa cúng Ngọ sớm huy hoàng
Kính mừng Thánh Chúa sinh trần thế
Cứu chuộc nhơn sanh sống địa đàng
Chúa giáng chuông chiên đèn đóm sáng
Ngài về định vị Thánh Đường vang
Hằng năm kỷ niệm nơi xưng tội
Chào đón Xuân về phước lộc sang...!

MAI XUÂN THANH

November 26, 2023

Mừng Chúa Giáng Sinh

(Bài 2)

Giáng sinh đang đến mọi người vui.
Bỏ hết trong năm chuyện ngậm ngùi.
Cứu thế Chúa về đời đổi khác
Tương lai rạng rỡ rượu mừng khui.
Cầu xin Ngài tưởng dang tay giúp
Cảm hoá tà tâm gian ác lui
Mưa thuận gió hoà mầm sự sống
Năm châu bốn biển rộ niềm vui..

Yên Hà

Sáng 25/12/2023

1.*-ĐẠI LỄ THƯỢNG NGUỒN

MỪNG Xuân vui vẻ tiết Nguyên Tiêu
ĐẠI Đạo đồng môn thuận lý niên
LỄ thiết đàn “Thiên Quan Tứ Phước”
THƯỢNG trình xin phúc Đấng Cao siêu
NGUỒN kỳ niên sớm mầm xanh lá
RẼM Nguyệt trắng lên từ buổi chiều
THÁNG nguyện phước lành gia đạo đến
GIỀNG mùa hoa nở thắm tình yêu ...

Yên Hà
15/12/2023

2.*-Đại Lễ THƯỢNG NGUỒN

Vọng Nhựt đầu năm Lễ Thượng Ngươn
Nguyện cầu đại xá đấng chơn hồn:
-Cửu Huyền Thất Tổ đồng siêu thoát .
-Chiến sĩ Oan hồn được xá ơn .
Giải ách đao binh phi chính nghĩa,
Giảm tai an lạc thể thi non.
Hồng ân Thượng Đế quan phòng khắp
Bá tánh thập phương Thánh đức huần.

Hoàn Nguyên

CÔ BÉ BÁN ĐIÊM

(Một câu chuyện nhẹ nhàng nhưng đầy ý nghĩa về nhân sinh)

Huệ Tâm Vân Dương

Mộng Lệ An, ngày 20 tháng 12 - 2023



Bà và cô gái bé nhỏ

Một buổi tối gió lạnh và tuyết đang rơi trên thành phố lạnh lẽo. Trong cơn gió lạnh buốt, một cô bé nhỏ, đeo một chiếc áo lụa mỏng manh và giữ trong tay những que diêm bé nhỏ, lang thang giữa đám đông.

Cô bé không mang theo giọt sáng nào khác ngoại trừ



Mùa Noel với cô bé bán diêm

những que diêm bé nhỏ, nhưng ánh sáng ấm áp từ chúng lại là nguồn hy vọng duy nhất của cô bé trong đêm tối đen thui.

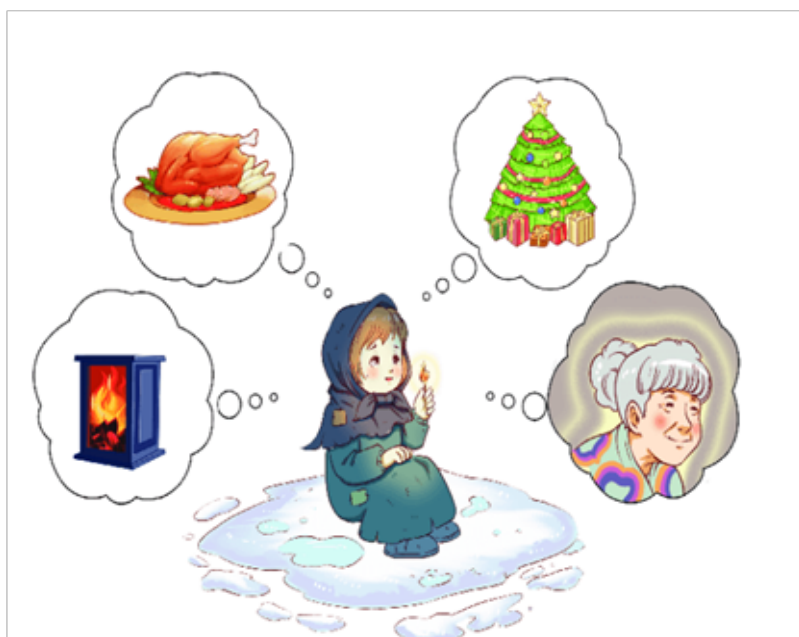
Mỗi que diêm mà cô bé châm sáng là một cửa sổ mở ra một thế giới mới, một thế giới ấm áp, đầy màu sắc và niềm vui. Cô bé thấy mình đang ở trong một phòng ăn trang trí đẹp, với bàn tiệc đầy ắp đồ ăn ngon lành. Tuy nhiên, khi que diêm tắt, mọi thứ biến mất, và cô bé lại trở lại với hiện thực khốn khổ.

Cứ như vậy, cô bé châm lửa liên tục để tránh cái lạnh

buốt. Mỗi que diêm là một cây cầu nối đưa cô bé đến những giấc mơ êm đềm và hạnh phúc. Cô bé gặp bà ngoại yêu thương, bay lên thiên đàng, thậm chí đến những bãi biển hạnh phúc. Nhưng mỗi khi ánh sáng tắt, cô bé lại trở lại với thế giới lạnh lẽo và cơ hàn. Cuối cùng, trong cơn gió lạnh buốt, cô bé ngồi dần xuống, que diêm cuối cùng cháy dần. Nhưng trong bức tranh cuối cùng, cô bé không còn là người con gái đau khổ nữa. Thay vào đó, là một hình ảnh của thiên thần bé nhỏ, đang bay lên bầu trời, thoải mái và hạnh phúc.

Chuyện của cô bé bán diêm là một câu chuyện buồn nhưng đầy ý nghĩa, về niềm tin, hy vọng và sự giải thoát.

*Trong đêm Noel,
Tuyết rơi trắng xóa ! ...
Em bé bán diêm,
Đôi chân trần bước mau,
Giữa đêm đông lạnh giá,
Bàn tay cóng lạnh, em bật que diêm lên
Ánh lửa phù du, chợt lịm tắt !
Trái tim em nhỏ máu, niềm đau không lời !
Trên phố cây thông đèn màu lung linh
Mắt em long lanh, giấc mơ bình dị
Bóng đêm lạnh lùng, em lạc lối bước
Đời xô bồ, giấc mơ em buồn tênh !
Dòng người qua vội vã, hờ hững với em
Em ẩn mình, giữa nền trời tuyết trắng,
Đèn đường tỏa sáng, soi bóng em nhỏ*



Một góc phố tối đen, em lạc lõng cô đơn !
Ánh diêm sáng, ánh lửa hiu quạnh
Chợt vụt tắt, buốt giá đôi tay em,
Bó diêm lại bùng lên, trái tim em,
Ngập tràn ánh sáng thiên đường !
Giữa đêm đông, niềm vui rộn ràng !
Bà em chợt hiện đến, thật lớn, thật lớn
Trong bó diêm cháy bùng sáng
Ôm hôn em trong vòng tay
Choàng em chiếc áo ấm
Rồi cùng em vụt bay, bay cao, bay cao ...
Như một vì sao băng,
Vội lóe sáng trên vòm trời cao....
Em bé bán diêm, lòng chợt ấm lại !
Không còn đói rét, cũng không còn khổ đau

Em ửng hồng đôi má, nụ cười tươi nở hoa !

Về thiên đàng, em hưởng phúc ân thiên

Về thiên đàng, em hưởng phúc muôn niên

Ôi ! cô bé bán diêm

Yêu cô bé bán diêm

Thương cô bé bán diêm

Xin bấm vào link sau để nghe bài hát này :

<https://www.youtube.com/watch?v=1rAxyRBd4uQ>

Bằng cách hiểu về quan niệm nhân sinh thông qua câu chuyện này, chúng ta có thể tìm thấy những bài học sâu sắc về tình cảm, ý nghĩa cuộc sống và lòng nhân ái.

Trong cuộc sống, mỗi người chúng ta đều là những “đèn sáng” nhỏ bé, có khả năng làm cho thế giới xung quanh trở nên ấm áp hơn. Cô bé bán diêm, dù trong hoàn cảnh khó khăn, nhưng với tâm hồn thuần khiết và trái tim lương thiện, đã tìm thấy niềm vui trong việc chia sẻ ánh sáng của mình.

Bài học về lòng nhân ái và chia sẻ là ý nghĩa lớn từ câu chuyện. Dù cuộc sống có khó khăn đến đâu, sự nhân ái và lòng chia sẻ sẽ làm cho thế giới xung quanh trở nên ấm áp hơn. Có thể tìm thấy niềm hạnh phúc trong việc làm điều tốt, dù chỉ là những điều nhỏ bé.

Tuy nhiên, câu chuyện cũng chứa đựng một cảnh báo về quan niệm về thành công và hạnh phúc. Trong xã hội hiện đại, thường xuyên chúng ta đặt quá nhiều giá trị vào sự giàu có và thành công về vật chất.

Tuy nhiên, câu chuyện lại nhắc nhở rằng sự giàu có thực



Cô Bé Bán Diêm

sự là ở trái tim, ở khả năng chia sẻ và làm điều tốt cho người khác.

Nhìn nhận cuộc sống qua góc nhìn của nhân sinh, chúng ta nhận ra giá trị thực sự của mỗi người không phụ thuộc vào điều kiện vật chất, mà là ở tâm hồn và khả năng chia sẻ niềm vui và đau khổ với người khác.

Cô bé bán diêm trở thành biểu tượng của sự nhân ái, sức mạnh của trái tim và ý nghĩa thực sự của cuộc sống.

TIN TỨC SINH HOẠT ĐẠO SƯ

Tại Thánh Thất San Jose, Tộc Đạo Santa Clara California

Lễ Vụ Mai Xuân Thanh



1. Đại Lễ rằm Hạ nguơn

a) CÚNG CỬU HUYỀN THẤT TÔ

Vào lúc 4 :30 PM, Bàn Trị Sự tại TTSJ, Ban Nhạc, Lễ Sĩ (chấp sự) và đồng Đạo làm lễ Cúng Cửu Huyền Thất Tổ theo nghi thức Đại Đạo CÚNG CHIẾN SĨ TRẬN VONG & ĐỒNG BÀO TỬ NẠN Có Chấp Sự Đồng Nhi Cúng Cầu Siêu (cổ bản đầy đủ theo nghi thức của Đại Đạo)

b)-ĐẠI LỄ RẪM HẠ NGUƠN tại Thánh Thất San Jose, CA

Vào lúc 6 : 00 PM (27/11/2023 - nhằm ngày 15/10 năm

Quý Mão)

Thành phần tham dự :

- HT Nguyễn Đăng Khích, TQN. Ban Thế Đạo Hải Ngoại

- CTS Nguyễn Thế Long, Nam Q. Đầu Tộc Đạo Santa Clara

- CTS Trần Thị Lương, Nữ Q ĐTD. Santa Clara

- Các Chức Việc Bàn Trị Sự 2 Hương Đạo San Jose 1 & 2

- Ban Tư Vụ Tộc Đạo cùng Toàn thể đồng Đạo nam nữ thuộc Tộc Đạo Santa Clara

- Các ban bộ : Lễ, Nhạc và Đồng Nhi thuộc TT San Jose

Tổng số người tham dự : ước tính độ 100 người

*Sau Đản Cúng CTS Nguyễn Thế Long, Q. Đầu Tộc Đạo Santa Clara đã làm lễ nhập môn cho một tân Đạo Hữu : Họ và tên : Quách Tuấn, 60 tuổi, Sinh quán tại Việt Nam

Dưới sự chứng kiến của chư chức việc và đồng Đạo tham dự Đản Cúng Đản cúng Lễ thành vào lúc 9:00 PM cùng ngày

2.Đại Lễ Vía Đức Chúa Jesus Christ

Ngọ Thời, vào lúc 12 giờ trưa ngày 25/12/2023, Thánh Thất San Jose, Tộc Đạo Santa Clara, đã tổ chức cúng Đại Đản Đại Lễ Vía Đức Chúa Jesus Christ vào dịp Giáng Sinh-Noel



Quang cảnh hành lễ

Thành phần tham dự :

- HT Nguyễn Đăng Khích TQN. Ban Thế Đạo Hải Ngoại - CTS Nguyễn Thế Long Q. ĐTD Santa Clara, Người Chứng Đàn - Các Nam Nữ CTS, 2 Hương Đạo San Jose 1&2 Hồ Văn Gấn, Dương Minh Đức, Lâm Thu Sơn, Thủy Trương, BTS, Tứ Vụ TTSJ Tộc Đạo Santa Clara - 2 Hành Thiện Chánh, Phó Quản Tộc ĐTPM Lê Thị Lệ, Hoa Võ - Ban Tứ Vụ chức việc Thánh Thiện ĐTPM - Cùng toàn thể chư Đạo Hữu, đồng Đạo đồng môn - Tổng số người tham dự ước độ khoảng 80 người
Qua nhiều hình ảnh được ghi nhận đầy đủ Đàn cúng Lễ Thành vào lúc 2:15 PM cùng ngày
Kính tường

Lễ Vụ Mai Xuân Thanh



**ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH
(CỬU THẬP CỬU NIÊN)**

THÁNH THẤT

CAO ĐÀI NASHVILLE - TENNESSEE

Số: 09/VP

Ngày 15/09/ 2023

Tâm Thư

- Kính Bạch Hội Thánh.
- Kính quý Chức Sắc Thiên Phong.
- Kính Quý Lãnh Đạo các cơ sở Đạo Cao Đài khắp nơi Hải Ngoại.

- Kính thưa Chư Mạnh Thường Quân cùng toàn thể Đạo Tâm Đồng Môn Cao Đài.

Chúng tôi Ban Xây Dựng cùng Bàn Trị Sự Hương Đạo Nashville

Tennessee và Đồng Đạo sở tại có đôi lời cùng Quý Vị !

Hương Đạo Cao Đài Nashville từ ngày An Vị Thánh Tượng Thiên Nhân năm 2019 đến nay đã 5 năm hoạt động, quá trình phục vụ chúng sanh đạt nhiều kết quả tốt đẹp. Nay đến ngày thanh toán tiền vay để tạo cơ sở hành đạo suốt thời gian qua. Hiện tại số tiền còn nợ bất động sản là \$284,499.00 (hai trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm chín mươi chín USD), đến cuối tháng 9 năm 2023 là hạn chót trả nợ.

Kính thưa quý vị, nhờ Ôn Trên trợ lực, có một gia đình mạnh thường quân cho mượn đủ số tiền để thanh toán trong vòng 1 năm kể từ tháng 9/2023 đến tháng 9/2024 (xin được ẩn danh gia đình mạnh thường quân), và Thánh Thất phải vay ngân hàng để trả lại cho mạnh thường quân.

Hiện nay, tài sản của Thánh Thất thế chấp vào ngân hàng trả lại trong 30 năm với lãi suất khá cao trong giai đoạn này, gây nhiều khó khăn lo âu cho số đồng môn sở tại trong Thánh Thất!

Chúng tôi, khảng định xác nhận, Thánh Thất Nashville Tennessee đang hoạt động, là của chung của nhơn sanh cùng nhau đóng góp, xây dựng Đạo Pháp Phổ Độ Chúng Sanh.

Với trách nhiệm và tinh thần này, chúng tôi cuối đầu mạo muội kêu gọi các mạnh thường quân, các

Thánh Thất khắp nơi không riêng ở Mỹ Quốc, phát tâm lập công bồi đức, kẻ ít người nhiều hỷ hiến hoặc cho mượn không lãi để thanh toán số tiền mà mạnh thường quân giúp cho Thánh Thất không lãi như đã nói trên.

Chúng tôi xin nêu rõ, bảo đảm tiền hỷ hiến sẽ lo sinh hoạt để phục vụ và tiền mạnh thường quân không lãi chúng tôi xin hoàn lại trong vòng 8 năm hoặc sớm hơn kể từ tháng 9 năm 2025.

Với thỉnh cầu nêu trên, chúng tôi xin chân thành đa tạ sự góp công quả lập công bồi đức phục vụ chúng sanh duy trì Đạo Pháp cho đến thất ức niên mai hậu!

Thành Tâm Cầu Nguyện Ôn Trên hai Đấng Vạn Linh và các Đấng Thiêng Liêng ban Ôn Lành cho tất cả con cái của Ngài thân tâm thường lạc.

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nay Kính

Đại diện ban xây dựng: Đại diện Bàn Trị Sự

-Hiền Tài Huỳnh Văn Bót

Chánh Trị Sự Sinh Cẩm Minh

-Phó Trị Sự: Trần Văn Danh

-Thông Sự: Nguyễn Thành Sự

*** Mọi chi tiết xin liên lạc:**

Chánh Trị Sự: Sinh Cẩm Minh

Số điện thoại: (615) 999-7367

Hoặc Hiền Tài: Huỳnh Văn Bót

Số điện thoại: (270) 725-7373

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

PHÂN ỦU



Chúng Tôi Vô Cùng Thương tiếc nhận được tin buồn :

**Hiên Tài
ĐỖ VĂN TỨ**

Đã quy vị vào lúc ngày 4 tháng 10 năm Quý Mão, nhằm ngày
16 tháng 11 năm 2023 tại Tây Ninh, Việt Nam

Hưởng Thượng Thọ 80 tuổi

Ban Thế Đạo Hải Ngoại thành thật chia buồn cùng tang gia hiếu quyến về sự
mất mát to lớn này.

Thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng
Liêng độ rỗi Hương Linh Cố Hiên Tài Đỗ Văn Tứ được cao thăng Thiên vị.

THÀNH KÍNH PHÂN ỦU

Ban Cố Vấn & Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại

*- Ban Đại Diện BTĐHN tại Úc châu

*- Ban Đại Diện BTĐHN tại Bắc CA và Texas Hoa kỳ

*- Đại Diện BTĐHN tại Georgia, Ohio, Tennessee và Alabama Hoa kỳ

*- Hệ thống Truyền thông BTĐHN:

Bản Tin Thế Đạo và Tập San Thế Đạo

www.banthedao.net & www.banthedaohaingoai.org

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Cửu Thập Cửu Niên

TÒA THÁNH TÂY NINH

THÁNH THẤT & ĐTPM CAO ĐÀI WICHITA, KANSAS

Chúc Mừng năm mới



Xuân Giáp Thìn 2024

5505 N. ARMSTRONG ST.
WICHITA, KS 67204-2011
(316)-516-8564



*Trước thềm Năm Mới:
Xuân Giáp Thìn
2024*

Kính Chúc: Quý Chư Sãi, Quý Chư Việ,
Quý Đồng Hương Đạo Tâm,
và Quý Đồng Đạo cùng Bậc Quyền
Hạnh hưởng tràn đầy Hồng Ân
của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu,
và các Đấng Thiêng Liêng.



THÁNH THẤT & ĐTPM CAO ĐÀI WICHITA, KANSAS

Hình Chánh Đạo

Chân Tộc Đạo



CHỖ CHỖ YÊN VĂN HAI

Chương Trình Mừng Xuân Giáp Thìn 2024



Thứ Bảy: 24-12 - Quý Mão (DL: 03-02-2024)

- LỄ ĐƯA CHƯ THÁNH TRIỀU THIÊN
(Thiết lễ 4 giờ chiều tại ĐTPM và 5 giờ chiều tại Thánh Thất)

Thứ Sáu: 30-12 - Quý Mão (DL: 09-02-2024)

- LỄ RƯỚC CHƯ THÁNH - ĐÓN GIAO THỪA
(Thiết lễ 5 giờ chiều tại ĐTPM và 11 giờ đêm tại Thánh Thất)

Thứ Bảy: Mừng 1 Tết Giáp Thìn (DL: 10-02-2024)

- LỄ NGO THỜI MỪNG XUÂN GIÁP THÌN 2024
(Thiết lễ 12 giờ trưa tại Thánh Thất và 3 giờ chiều tại ĐTPM)
- Đón tiếp Quan Khách và Đồng Đạo đến đánh lễ ĐỨC CHÍ TÔN, ĐỨC PHẬT MẪU cùng CỬU HUYỀN THẤT TỐ.

Chúa Nhật: Mừng 2 Tết Giáp Thìn (DL: 11-02-2024)

- LỄ SÓC NHỰT ĐẦU NĂM GIÁP THÌN 2024
(Thiết lễ 12 giờ trưa tại Thánh Thất và 3 giờ chiều tại ĐTPM)
- Đón tiếp Quan Khách và Đồng Đạo đến đánh lễ ĐỨC CHÍ TÔN, ĐỨC PHẬT MẪU cùng CỬU HUYỀN THẤT TỐ.
- Phát lộc - Múa Lân - Cờn chay - Karaoke

Thứ Hai: Mừng 3 Tết Giáp Thìn (DL: 12-02-2024)

- LỄ NGO THỜI MỪNG XUÂN GIÁP THÌN 2024
(Thiết lễ 12 giờ trưa tại Thánh Thất và 3 giờ chiều tại ĐTPM)
- Đón tiếp Quan Khách và Đồng Đạo đến đánh lễ ĐỨC CHÍ TÔN, ĐỨC PHẬT MẪU cùng CỬU HUYỀN THẤT TỐ.

Chúa Nhật: Mừng 9 tháng giêng năm Giáp Thìn (DL: 18-02-2024)

- ĐẠI LỄ VÍA ĐỨC CHÍ TÔN
(Thiết lễ 12 giờ trưa tại Thánh Thất và 3 giờ chiều tại ĐTPM)
LỄ CÙNG SAO HỌI: (Thiết lễ 5:00 chiều)

Chúa Nhật: 16 tháng giêng năm Giáp Thìn (DL: 25-02-2024)

- ĐẠI LỄ THƯỢNG NGUYÊN
(Thiết lễ 12 giờ trưa tại Thánh Thất và 3 giờ chiều tại ĐTPM)

**Kính mời Quý Chư Vị hoan hỷ về Thánh Thất
và Điện Thờ Phật Mẫu dự các Lễ vía trên.**

Tân Niên Hạnh Phúc Bình An Đến
Xuân Nhật Vinh Hoa Thi Quý Lai

DANH NHÂN GỐC TÂY NINH

Duy Văn biên soạn

Tây Ninh là một vùng đất mới, so với các vùng đất khác lâu đời của đất nước Việt nam nói chung và nói riêng đối với vùng đất Đông Nam Bộ

.Điều đó nói lên người dân sinh sống ở nơi vùng đất này cũng không lâu. Căn cứ theo sử liệu khi có hệ thống hành chánh cho đến nay vùng đất Tây Ninh khoảng chừng 307 năm.

Với số thời gian ngắn ấy và với số dân phần lớn là di dân từ mọi miền đất nước về đây cư ngụ và trở thành con dân Tây Ninh.

Nhưng vùng đất mới Tây Ninh đã sản sinh ra nhiều anh hùng hào kiệt trên mọi lãnh vực. Những danh nhân được biết qua những thời kỳ kháng giặc để giữ gìn mảnh đất Tây Ninh như ba anh em nhà họ Huỳnh, những danh nhân thuộc lãnh vực tôn giáo như Đức Phạm Công Tác giáo chủ hữu hình Đạo Cao Đài, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, về chính trị có Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Tôn Hoàn về quân sự có Tướng Trình Minh Thế về lãnh vực văn hóa nghệ thuật có nghệ sĩ Thanh Nga và nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông...

A. Huỳnh Công Giản (1722- 1782)

Huỳnh Công Giản là một vị quan võ có tài, quê ở làng



Lễ giỗ Quan Lớn Trà Vong Huỳnh Công Giản

Nhật Tảo. Năm 1749 (Kỷ Tỵ), triều đình chúa Nguyễn cử ba anh em nhà họ Huỳnh: Huỳnh Công Giản, Huỳnh Công Thắng, và Huỳnh Công nghệ là các quan đại thần vào trấn nhậm vùng đất Tây Ninh. Ba ông cùng với đội binh mã của triều đình thực hiện việc di dân khai hoang lập ấp và giữ gìn an ninh ở vùng đất biên cương.

*Chống quân Miên, bảo vệ biên cương

Vùng Tây Ninh vào thế kỉ 17 còn hoang vu, người Miên đến đây đầu tiên, sau người Việt đến. Cao Miên lúc đó còn là thuộc địa của Xiêm, họ không thích chung chạ với người Việt. Do đó, họ nổi dậy đánh nhau với người Việt nhiều lần giữa thế kỉ 17. Lúc đó, đền đài của vua Miên là Nặc Ông Chân đóng tại xã Thanh Điền (huyện Châu Thành), gần ngọn rạch Tây Ninh ngày nay, dân chúng địa phương quen gọi là Phủ Cũ. Sau nhiều lần đánh, quân Miên đã bị đẩy lui.

Huỳnh Công Giản đã cùng em trai là Huỳnh Công nghệ lập căn cứ kháng Miên, đóng đồn tại Bến Thứ, gần ngọn rạch Sóc Om (xã Hảo Đức, huyện Châu Thành). Ông chiếm cứ một cánh đồng rộng gọi là đồn Trà Vong (xã Thái Bình). Bờ thành vô cùng kiên cố. Bảy giờ, những trận đụng độ giữa người Việt và Miên diễn ra kéo dài suốt mấy mươi năm với vũ khí rất thô sơ: gươm, đao, giáo mác, cung tên.

Một buổi sáng, quân Miên dùng chiến thuật biển người ồ ạt tấn công đồn Trà Vong. Bị tấn công bốn mặt nhưng quân của ông Huỳnh Công Giản cũng kịp thời phản công mãnh liệt. Tuy nhiên, vì quân địch quá đông, ông đã cho quân liên lạc với Huỳnh Công nghệ kêu viện binh. Tướng Huỳnh Công Giản tả xung hữu đột dưới vòng vây của kẻ địch.

Khi ông đã thấm mệt, nhìn lại thì số quân sĩ hi sinh quá nhiều, trong lúc viện binh chưa đến kịp. Ông vung gươm tử chiến cùng quân Miên đến lúc kiệt sức rồi quay gươm tự cắt đầu tuẫn tiết. Tưởng nhớ công ơn của 3 anh em nhà họ Huỳnh và các nghĩa binh, người dân địa phương lập đền, miếu để thờ và được gọi chung là đền thờ Quan Lớn Trà Vong. Ngôi mộ ông Huỳnh Công Giản (tức Quan Lớn Trà Vong) được người dân chôn cất tại ấp Trà Hiệp xã Trà Vong, Tân Biên. Đền thờ ông được người dân xây dựng ở nhiều nơi như: Tân Phong, Trà Vong (Tân Biên), Cây Xiêng, Đồng Khởi (Châu Thành), Thái Vĩnh Đông, Phường I (Thị xã), Thạnh Tân (Hoà Thành).

Riêng đền thờ tại Thái Vĩnh Đông thị xã Tây Ninh Đền xây dựng trên gò đất cao, phía trước có nhiều cây dầu cổ thụ. Đền có 3 gian, hình chữ nhị (2 lớp), chiều dài 14 mét, chiều ngang 10 m, tường xây gạch, mái lợp ngói âm dương. Chánh đền có sắc phong chữ thần cùng bài trí các đồ thờ như lư hương, chưng đèn, lễ bộ. Trên nóc là hoành phi và bức đại tự sơn son thếp vàng "Đáp tạ thần ân" hai bên có 2 câu đối.

"Nhật tảo xuất anh tài vị quốc vong thân

Trứ trứ phương danh thùy trúc bạch"

"Tà dương trữ man tặc, ưu quân trí mạng

Nguy nguy chính khí quán sơn hà"

B.Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm (1893-1990)



Nguyễn Văn Tâm là Thủ tướng chính quyền Quốc gia Việt Nam dưới quyền Quốc trưởng Bảo Đại từ tháng 6 năm 1952 đến tháng 12 năm 1953. Ông là người Tây Ninh, nguyên đảng viên Chi bộ Pháp của Quốc tế Công nhân (sau là Đảng Xã hội Pháp).

Nguyễn Văn Tâm sinh ngày 16 tháng 10 năm 1893 tại Tây Ninh, tuy nhiên có một vài tư liệu nói ông sinh năm 1895, xuất thân từ một thầy giáo dạy trường Tây Ninh, sau được chuyển qua ngạch hành chính với chức vụ đốc phủ. Ông có học một năm quản lý hành chính tại Hà Nội, viết và nói tiếng Pháp rất hay và lưu loát.

Trong giai đoạn làm quận trưởng quận Cai Lậy khoảng những năm 1930 và đặc biệt là 1940-1941, khi khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra, Nguyễn Văn Tâm tỏ ra cứng rắn đến tàn bạo, thẳng tay đàn áp những người cộng sản, nên ông được đặt cho biệt danh “cọp Cai Lậy” hay “hùm xám Cai Lậy”. Tháng 9 năm 1945, sau khi Việt Minh giành lại chính quyền từ tay người Pháp, ông bị tổ chức Thanh niên tiên phong của Việt Minh bắt ở Chợ Đệm, bị chặt ngón tay giữa và bị tống giam. Nhưng sau đó, quân Pháp nổ súng chiếm lại Sài Gòn. Ông Tâm được quân Pháp cứu ra trong một trận tảo thanh do đại tá Massu chỉ huy vào tháng 9 năm 1945. Ông trở lại cai quản quận cũ Cai Lậy. Năm 1950, ông Tâm được trao chức Tổng giám đốc công an Sài Gòn.

Sau đó, ông có mặt trong chính phủ Trần Văn Hữu chuyên trách về bảo vệ an ninh chống cộng. Ông được bổ làm Thủ hiến Bắc Việt thay ông Nguyễn Hữu Trí của đảng Đại Việt vào tháng 12 năm 1951.

Tháng 6 năm 1952, vì Việt Minh tấn công mạnh ở miền bắc Việt Nam nên Bảo Đại trao quyền thủ tướng cho ông. Tuy nhiên, nội các do ông Tâm thành lập, trừ ông Vũ Hồng Khanh lãnh tụ Việt Nam Quốc dân đảng làm

bộ trưởng thanh niên và thể thao, số còn lại có xu hướng thân Tây Phương. Ông Tâm làm thủ tướng đến tháng 12 năm 1953, thay ông là ông Nguyễn Phúc Bửu Lộc. Năm 1955, ông sang Pháp định cư. Ông qua đời ở Paris ngày 23 tháng 11 năm 1990, thọ 97 tuổi.

C. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc (1890 - 1959)



Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc (1890-1959), tự là Ái Dân, biệt hiệu Tây Sơn Đạo, là một trong những lãnh đạo trong việc hình thành, xây dựng, phát triển và kiện toàn hệ thống tôn giáo của đạo Cao Đài. Ông còn là một nhân sĩ trí thức dân thân nổi tiếng ở Việt Nam thế kỷ 20.

Ngài Phạm Công Tắc sinh ngày 21 tháng 6 năm 1890 (tức mùng 5 tháng 5 năm Canh Dần) tại làng Bình Lập, quận Châu Thành, tỉnh Tân An (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An). Ông là người

con thứ 7 trong gia đình 8 người con.

Cha của Ngài là Phạm Công Thiện, là một công chức chính quyền thuộc địa, quê quán ở làng An Hòa, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Mẹ Ngài là bà La Thị Đường, cũng là người làng An Hòa.

Năm 1896, Ngài bắt đầu đi học tiểu học tại Tân An, nơi cha ông công tác, nhưng sau

đó cha Ngài nghỉ việc, đưa cả gia đình về nguyên quán.

Ngài được rửa tội tại nhà thờ Tây Ninh vào năm 1900.

Hai năm sau, cha Ngài qua đời. Dù gia cảnh rất khó khăn, năm 1906, Ngài Phạm Công Tắc vẫn tiếp tục theo học ở trường Chasseloup-Laubat tại Sài Gòn. Năm 1907, Ngài đậu bằng Thành chung.

*Hoạt động xã hội

Thời gian học trung học, Ngài Phạm Công Tắc tham gia tích cực trong phong trào Đông Du tại Sài Gòn do hai ông Gilbert Trần Chánh Chiêu và Dương Khắc Ninh lãnh đạo. Năm 1908, Ngài được Hội Minh Tân, một tổ chức con của phong trào Đông Du, chuẩn bị đưa đi nước ngoài; nhưng sau đó, bị bại lộ không đi được. Do bị chính quyền chú ý theo dõi, Ngài phải bỏ học.

Do có trình độ Thành chung, Ngài Phạm Công Tắc được nhận vào một hãng buôn làm công. Thời gian này, Ngài tham gia cộng tác với các báo như Công luận, La Cloche Fêlée (Chuông rè) của Nguyễn An Ninh, La Voix Libre (Tiếng nói tự do), Lục Tỉnh Tân Văn của ông Pierre Jeantet, ông Gilbert Chiêu làm chủ bút... với bút danh Ái Dân. Đây là những tờ báo ít nhiều cổ vũ

ting thần dân tộc nên trở thành những cái gai trong mắt chính quyền thực dân. Sau khi ông Gilbert Chiếu bị bắt, tờ báo đình bản, ông lại về quê.

Đến năm 1910, gia đình lâm vào cảnh túng thiếu, nên Ngài Phạm Công Tắc phải xin vào làm tại Sở Thương Chánh Sài Gòn. Sau khi có việc làm, Ngài lập gia đình với bà Nguyễn Thị Nhiều có với nhau 3 người con (1 trai, 2 gái) nhưng người con trai mất sớm khi mới 4 tuổi. Tuy là công chức, nhưng gia cảnh của Ngài vẫn rất chật vật vì nếp sống thanh bần. Vì là công chức, Ngài Phạm Công Tắc được chuyển công tác đi nhiều nơi, đầu tiên là Cái Nhum (Vĩnh Long), Quy Nhơn rồi lại chuyển về Sài Gòn, cuối cùng là chuyển sang Nam Vang (Phnom Penh).

***Đạo nghiệp sơ khai**

Sau khi mẹ qua đời, Ngài Phạm Công Tắc bắt đầu quan tâm đến cuộc sống tâm linh nhiều hơn. Đầu thập niên 1920, phong trào Thông linh học (Spiritisme) bắt đầu phổ biến tại Nam Kỳ. Vào khoảng tháng 7 năm 1925, Ngài cùng với các bạn hữu công chức gốc Tây Ninh là Cao Quỳnh Cư và Cao Hoài Sang cùng thử nghiệm lập bàn tại nhà ông Cao Hoài Sang ở đường Arras. Do các thành viên ban đầu mang họ Cao và họ Phạm, nên còn được gọi là nhóm Cao - Phạm. Nhóm còn có một thành viên nữ là bà Nguyễn Thị Hiếu, vợ ông Cao Quỳnh Cư. Nhóm được cho là tiếp xúc với Thượng đế qua danh hiệu AÃÃ vào khoảng tháng 7 năm 1925. Đến khoảng trung tuần tháng 9 năm 1925, nhóm chuyển sang dùng

đại ngọc cơ để cầu cơ. Theo các tài liệu đạo Cao Đài, thì giữa tháng 12 năm đó, nhóm được Thượng đế xưng danh Cao Đài lần đầu tiên.

Năm 1926 (Bính Dần), Ngài và một số tín hữu tiên khai khai sáng Đạo Cao Đài trên đất Tây Ninh Đây là một tôn giáo lớn chính do người Việt Nam mở Đạo tại Việt Nam

Hiện nay, Đạo Cao Đài có hơn 10 triệu tín đồ trong và ngoài nước. Hàng năm có khoảng 4 - 5 ngàn tín đồ nhập môn vào Đạo. Ở hải ngoại tín đồ nhiều nhất là ở các nước Hoa Kỳ, Châu Âu và Úc .

D.Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung (1876-1934)



Đức Quyền Giáo tông Lê Văn Trung thánh danh là Thượng Trung Nhựt, là một trong những nhà lãnh đạo tôn giáo Cao Đài, có những đóng góp quan trọng trong giai đoạn hình thành và phát triển của tôn giáo Cao Đài
Ngài sinh ngày 10 tháng 10 năm Bính Tý (tức 25 tháng

11 năm 1876) tại làng Phước Lâm, tổng Phước Điền Trung, huyện Phước Lộc, hạt Tân An (nay thuộc xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Cha Ngài là cụ Lê Văn Thanh mất sớm khi ông mới 3 tuổi. Ngài lớn lên nhờ sự nuôi dưỡng và giáo dục của mẹ là bà Văn Thị Xuân. Ngài từng theo học tại Lycée Chasseloup Laubat Sài Gòn và tốt nghiệp vào năm 1894.

*Sự nghiệp đời

Sau khi tốt nghiệp Trung học, Ngài được nhận vào làm thư ký tại Dinh Thống đốc Nam Kỳ ngày 14 tháng 7 năm 1894. Ngài làm việc tại đây trong 12 năm cho đến ngày 6 tháng 3 năm 1906 thì xin thôi việc để theo đuổi nghiệp chính trường.

Sau đó Ngài ra ứng cử và được bầu vào Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ liên tục trong 8 năm. Trong thời gian làm Nghị viên Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ, ông nhiều lần có những biểu hiện thỉnh cầu bên vực cho quyền lợi của dân thuộc địa bản xứ. Điển hình là vụ Lục Hạng điền, chính phủ Pháp phân 6 hạng ruộng để đánh thuế. Ông Outrey, quyền Thống Đốc Nam Kỳ dự thảo luật thuế về Lục Hạng điền, trình ra cho Hội đồng Quản Hạt thừa nhận để đem ra áp dụng thi hành.

Ngài cùng với Diệp Văn Cương, Hội đồng Quản Hạt Bến Tre đứng ra làm đầu 6 vị Hội đồng Quản Hạt người Việt, đồng phản kháng dự thảo luật nói trên, nhưng khi biểu quyết, số thăm của Hội đồng người Việt có 6, còn của người Pháp thì 10, nên bị thua thăm, và như thế thì dự luật được thông qua với đa số 10/6.

Dù thua thăm, nhưng 6 ông cương quyết chống lại Luật Thuế Lược Hạng điền, nên tất cả sáu ông Hội đồng người Việt đều gửi đơn từ chức để phản đối. Năm 1911, Ngài cùng với bà Tổng đốc Đỗ Hữu Phương đứng ra vận động lập College des Jeunes Filles, trường nữ Trung học đầu tiên tại Sài Gòn.

Ngày 18 tháng 5 năm 1912, chính phủ Pháp ban thưởng cho Ngài Bắc Đẩu Bội Tinh Đệ ngũ đẳng vì những đóng góp cho nhà nước tại Nam Kỳ.

Năm 1914, Ngài được cử làm Nghị viên Hội đồng Soái phủ Đông Dương (Conseil du Gouvernement de l'Indochine, còn gọi là Hội đồng Thượng Nghị viện Đông Dương).

Kể từ năm 1920 trở đi, công việc kinh doanh của Ngài gặp nhiều khó khăn, đến cuối năm 1924 thì bế tắc, hoàn toàn bị lỗ lã. Ngài đau buồn, thị lực yếu đi rất nhiều, chỉ thấy mọi vật lơ mờ. Được sự giới thiệu của một người họ hàng, Ngài bắt đầu có thiên hướng tâm linh nhiều hơn, chú ý giữ gìn sức khỏe và tu tập. Thị lực của Ngài dần tốt trở lại và sức khỏe phục hồi.

*Sự nghiệp đạo

Theo tài liệu của tôn giáo Cao Đài thì ngày 7 tháng 1 năm 1926 (tức 23 tháng 11 năm Ất Sửu), các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc đem Đại Ngọc Cơ đến nhà ông Trung để cầu cơ. Tại lần cầu cơ này, ông được nhận làm môn đồ. Từ đó, Ngài bắt đầu lập bàn thờ đạo tại tư gia, dốc lòng cùng với các ông Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư lo việc mở đạo.

Ngày 21 tháng 2 năm 1926, trong một buổi cầu cơ tại nhà ông Vương Quang Kỳ, một bài thơ được lưu truyền là cơ giáng của Thượng đế, trong đó có tên của 13 người, về sau được tín đồ Cao Đài xưng tụng là những tín đồ đầu tiên của đạo, với ông Ngô Văn Chiêu được tôn xưng Anh Cả. Ngài Lê Văn Trung là người được xưng danh thứ 3, chỉ sau ông Ngô Văn Chiêu và ông Thượng Kỳ Thanh (Vương Quang Kỳ).

Từ đó, Ngài là một trong số các môn đồ tích cực đi truyền đạo khắp các tỉnh Nam Kỳ. Chính vì vậy, đêm 23 tháng 4 năm 1926 (tức 12 tháng 3 năm Bính Dần), Ngài được cơ bút phong làm Thượng Đẩu sư, với Thánh danh là Thượng Trung Nhật, cùng lượt với Ngọc Đẩu sư Lê Văn Lịch, thánh danh Ngọc Lịch Nguyệt. Ngài được xem là người được phong phẩm vị thứ 2 sau phẩm vị Giáo tông. Dù về sau, một số tín đồ được phong chức phẩm Chương pháp, trên cả chức phẩm Đẩu sư, nhưng trên thực tế, Ngài được xem như là tín đồ tiếp quản điều hành sau khi ông Ngô Văn Chiêu từ chối ngôi vị Giáo tông. Ngài chính là người chủ chốt cùng 27 đệ tử Cao Đài khác, gọi Tờ Khai Đạo, kèm danh sách 247 tín đồ đầu tiên, lên Thống đốc Nam Kỳ Le Fol vào ngày 7 tháng 10 năm 1926 (tức ngày mùng 1 tháng 9 năm Bính Dần). Sau đó, ngày 15 tháng 10 năm Bính Dần (tức ngày 19 tháng 11 năm 1926), Ngài cùng các môn đồ chủ chốt khác tổ chức Lễ Khai Đạo rất trọng thể tại chùa Gò Kén (Tây Ninh).

Với nỗ lực phát triển đạo của các tín đồ, đạo Cao Đài

nhanh chóng phát triển về số lượng. Tuy nhiên, dù đã hình thành tổ chức Hội Thánh, các tín đồ cao cấp lại có những bất đồng về cách thức nghi lễ, truyền giáo, tổ chức giáo hội. Điều này dẫn đến việc hoạt động độc lập của nhiều nhóm tín đồ khác nhau. Với sự giúp đỡ của các chức sắc cao cấp Hiệp Thiên Đài, Ngài đã có nhiều cố gắng ngăn chặn xu hướng ly khai của các tín đồ, cũng như đối ngoại với chính quyền, nhằm giữ gìn và phát triển nền đạo non trẻ. Trong buổi cầu cơ ngày 22 tháng 11 năm 1930, một đạo nghị định được ban ra, phong cho ông thi hành các phận sự Giáo Tông về phân xác để chính thức điều hành các hoạt động của Hội Thánh.

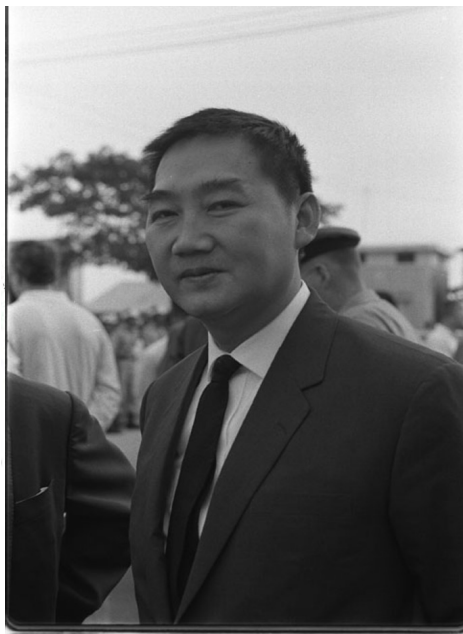
Với tư cách đạo đức, sự nhiệt tình của Ngài, các hoạt động truyền giáo ngày càng phát triển mạnh. Tổ chức Hội Thánh cũng hoàn bị dần, chặt chẽ. Về phương diện đối ngoại, với tư cách là một cựu nghị viên của Hội đồng Soái phủ Đông Dương, với Bắc đầu bội tinh, Ngài đã có những tác động lớn đến chính quyền thực dân Pháp, buộc phải nới lỏng các biện pháp hạn chế sự phát triển của tôn giáo Cao Đài. Mặc dù vậy, trong giai đoạn sơ khai, nền hành chánh đạo vẫn phụ thuộc nhiều vào các chức sắc cao cấp có tài chính lớn. Với nỗ lực của mình cùng với các đạo hữu thân tín, đặc biệt là Hộ pháp Phạm Công Tắc, Ngài đã cố gắng xây dựng quỹ tài chính đạo một cách độc lập, giảm dần sự phụ thuộc vào các chức sắc giàu có, vốn thiên nhiều vào xu hướng độc lập cá nhân hoặc lũng đoạn Hội Thánh. Chính những nỗ lực của

Ngài đã góp phần không nhỏ giúp cho hình thành cơ sở để Hộ pháp Phạm Công Tắc xây dựng và phát triển mạnh mẽ Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh sau này.

Những nỗ lực trên đã làm Ngài lao tâm khổ trí, dẫn đến hậu quả xấu đến sức khỏe. Do quá lao lực, chỉ sau 4 năm giữ ngôi vị Giáo tông, ông lâm trọng bệnh và qua đời vào ngày 13 tháng 10 năm Giáp Tuất (tức 19 tháng 11 năm 1934) tại Giáo Tông đường Tòa Thánh Tây Ninh, hưởng thọ 59 tuổi, sau 9 năm lo việc Đạo.

E. Bác Sĩ Nguyễn Tôn Hoàn (1917-2001)

Bác Sĩ Nguyễn Tôn Hoàn là một chính khách Việt Nam,



một trong những lãnh tụ của Đại Việt Quốc dân Đảng. Ông cũng từng giữ chức Bộ trưởng Thanh niên trong chính phủ Quốc gia Việt Nam (1950) và Phó Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1964).

Ông sinh khoảng tháng 5 năm 1917, là con trong một gia đình theo đạo Công giáo

giàu có ở Tây Ninh, Nam Kỳ. Ông theo học y khoa ở Trường Đại học Đông Dương, Hà Nội nơi ông bắt đầu hoạt động chính trị trong giới sinh viên.

*Hoạt động chính trị

Sáng lập Đại Việt Quốc dân đảng. Năm 1939 khi còn là sinh viên ông tham gia thành lập Đại Việt Quốc dân đảng, và nhanh chóng nổi lên như một lãnh đạo của đảng này. Khi quân Nhật tiến vào Đông Dương, họ đã hậu thuẫn cho một số đảng phái chính trị chống Pháp, trong đó có Đại Việt Quốc dân Đảng. Năm 1944, Đại Việt Quốc Dân Đảng kết hợp với Đại Việt Quốc xã, Đại Việt Duy dân, Đại Việt Dân chính thành lập một mặt trận chung với tên gọi là Đại Việt Quốc gia Liên minh với mục đích liên kết với Nhật để đánh Pháp. Về sau, còn có thêm sự gia nhập của Tân Việt Nam Quốc dân Đảng. Khi Nhật đảo chánh Pháp vào ngày 9 tháng 3 năm 1945, Đại Việt Quốc gia Liên minh đứng ra lập Ủy ban Chính trị Bắc Kỳ mong tiếp quản quyền điều hành từ tay người Nhật. Tuy nhiên Đế quốc Nhật Bản chọn duy trì thể chế quân chủ của triều đình Huế và cho thành lập chính phủ Trần Trọng Kim. Thủ tướng Trần Trọng Kim cho lập Ủy ban Giám đốc Chính trị Miền Bắc, trong đó có sự tham gia của Nguyễn Tường Long là một lãnh đạo của Đại Việt Quốc gia Liên minh, với nhiệm vụ ổn định tình hình ở Bắc Bộ. Tuy nhiên, trước khi Ủy ban kịp hoạt động thì lực lượng Việt Minh đã giành được chính quyền, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị khiến Ủy ban mất cơ sở hoạt động, phải giải tán. Đại Việt Quốc

gia Liên minh cũng tan rã vì các đảng thành viên không nhất trí quan điểm hành động trong giai đoạn mới. Năm 1945, chính phủ Việt Minh do có chuẩn bị và tổ chức tốt đã chớp thời cơ giành được chính quyền. Do việc hợp tác với người Nhật trước đây, chính phủ Việt Minh đã kết tội Đại Việt Quốc dân đảng và ra lệnh giải tán đảng này. Yếu thế hơn hẳn, Đại Việt Quốc dân đảng cùng với Việt Nam Quốc dân đảng và Đại Việt Dân Chính Đảng thành lập Mặt trận Quốc dân Đảng Việt Nam để chống lại chính phủ Việt Minh. Tuy nhiên, Mặt trận không hoạt động hiệu quả do mâu thuẫn giữa cách thức hành động của các thành viên dẫn đến tan rã. Bên cạnh đó, nhằm ổn định tình hình để rảnh tay tập trung chống Pháp, các lãnh đạo Việt Minh cũng thực hiện nhiều biện pháp để tiêu trừ các đảng phái chống đối. Là một lãnh đạo của Đại Việt, Nguyễn Tôn Hoàn cũng nằm trong số cần phải diệt trừ.

Do vậy, giữa năm 1946, ông lần trốn sang Trung Hoa, bấy giờ hãy còn do Trung Quốc Quốc Dân Đảng kiểm soát. Không lâu sau đó, khi người Pháp tái chiếm và kiểm soát được hầu hết lãnh thổ Đông Dương, ông trở về nước và hoạt động ở Sài Gòn. Từ năm 1947, Đại Việt Quốc dân đảng hoạt động trong Mặt trận Quốc gia Thống nhất, một tập hợp các

đảng chính trị do tướng Nguyễn Văn Xuân thành lập, với chủ trương chống Việt Minh và thỏa hiệp với chính phủ Pháp, ủng hộ Giải pháp Bảo Đại với hy vọng có thể được người Pháp trao trả độc lập. Khi chính phủ Quốc

gia Việt Nam được thành lập, Nguyễn Tôn Hoàn được bổ nhiệm làm Tổng trưởng Bộ Thanh niên và Thể thao. Ông được cho là người đã đưa môn bóng bàn vào Việt Nam.

Tuy nhiên, Quốc gia Việt Nam còn phụ thuộc chính quyền Pháp vì toàn bộ các quyền quân sự, ngoại giao và tài chính đều do người Pháp nắm giữ. Khi đạt được mục đích có được danh nghĩa đã trao trả độc lập cho người Việt, chính quyền Pháp tìm cách gạt những chính khách từng có quá khứ chống Pháp để thay vào bởi những người dễ bảo hơn. Nhân vụ một cảm tử quân của Việt Minh là Phan Văn Út ném bom giết chết tướng Charles Marie Chanson ngày 31 tháng 7 năm 1951 tại Sa Đéc, chính quyền Pháp kết tội và truy bắt một số lãnh đạo của đảng Đại Việt. Ông cũng bị liên lụy, phải từ chức, sau đó sinh kế bằng cách mở một tiệm bán gạo ở trên đường Galiéni (nay là đường Trần Hưng Đạo). Ông lưu vong nhiều lần ở hải ngoại.

Sau năm 1975, trong những nỗ lực để tái hoạt động, các đảng viên Đại Việt lưu vong đã tìm cách quy tụ các đảng viên cũ trở lại sinh hoạt. Tháng 8 năm 1992, một Đại hội được tổ chức ở Longview, California (Hoa Kỳ), các đảng viên Đại Việt (gồm cả Đại Việt Quốc dân đảng và Tân Đại Việt) thống nhất lấy lại danh xưng Đại Việt Quốc dân Đảng. Ông được bầu làm Chủ tịch Đảng, bác sĩ Lý Ngọc Dưỡng được bầu làm Chủ tịch Ban chấp hành Trung ương. Ông giữ chức vụ này cho đến khi mất ngày 19 tháng 9 năm 2001 ở Mountain View, California.

Sau cái chết của ông, nội bộ lãnh đạo Đại Việt Quốc dân Đảng có lục đục dẫn đến sự phân rã và hình thành ba tổ chức chính trị hải ngoại cùng lấy tên là Đại Việt Quốc dân đảng.

F. Trung Tướng Trình Minh Thế (1922 - 1955)

Trình Minh Thế nguyên là một chỉ huy cao cấp, mang hàm Thiếu tướng trong Quân đội của Đạo Cao Đài. Ông xuất thân từ trường Nội ứng Nghĩa Đình. Khi ra hợp tác với Quân đội của Chính phủ Quốc gia, Thủ tướng Ngô Đình Diệm đã gán cấp bậc Thiếu tướng (đồng hóa) Quân đội Quốc gia cho ông. Giữa năm 1955, khi đang



Chỉ huy hành quân truy nã lực lượng Bình Xuyên của Lê Văn Viễn, ông bị trúng đạn tử thương tại Khánh Hội, Sài Gòn. Được truy thăng Trung tướng. Ông sinh năm 1922 tại tỉnh Tây Ninh trong một gia đình khá giả theo đạo Cao Đài. Thân phụ ông là một chức sắc trong Giáo hội Cao

Đài, đồng thời cũng là một thương gia phát đạt. Do sinh trưởng trong một gia đình có thế lực, ông được hưởng sự giáo dục tốt hơn rất nhiều người Việt đương thời. Ông tốt nghiệp Tiểu học (Certificate of Primary Education), nhưng sau bị đuổi học vì tội ngang ngạnh, bướng bỉnh.

***Quân đội Cao Đài (1940-1954)**

Đầu năm 1940 ông tham gia vào đơn vị vũ trang đầu tiên của Giáo phái Cao Đài, với danh xưng Chi đội 78 (tiền thân của Quân đội Cao Đài). Sau đó ông được gửi đi huấn luyện quân sự tại trường Nội ứng Nghĩa đình ở Cái Vồn. Tốt nghiệp ông trở về đơn vị và trở thành một cán bộ chỉ huy.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Nhật tiến vào Đông Dương. Phản ứng trước tình hình phong trào chống Pháp càng ngày càng gia tăng, toàn quyền Đông Dương là Đô đốc Decoux hành động quyết liệt. Ông ta cho đóng cửa một số nơi thờ tự của Cao Đài, rồi tới ngày 26 tháng 8 năm 1940 cho đóng cửa Tòa Thánh Tây Ninh. Tới ngày 27 tháng 7 năm 1941, nhiều lãnh đạo của Cao Đài, kể cả Hộ pháp Phạm Công Tắc bị bắt giữ. Để giành được sự ủng hộ của các tổ chức Việt Nam theo chủ nghĩa quốc gia, phát xít Nhật tiến hành bắt liên lạc và hỗ trợ cho họ, trong đó có Cao Đài. Tới tháng 2 năm 1943, Nhật giúp vị Phối sư Cao Đài là Thượng Vinh Thanh (thế danh Trần Quang Vinh) mở lại Thánh thất Cao Đài tại Sài Gòn.

Năm 1944 ông được du học lớp huấn luyện quân sự tại

Cao Miên và Lào trong trường sĩ quan (Kempetai). Khi trở về nước ông trở thành một sĩ quan của Giáo phái Cao Đài. Ngày 9 tháng 3 năm 1945, cùng với Lực lượng Quân sự Cao Đài, ông tham gia cuộc đảo chính Pháp. Thượng tuần tháng 6 năm 1951, ông được cử làm Tham mưu trưởng Quân đội Cao Đài, thay thế Thiếu tướng Nguyễn Thành Phương.

Nhưng chỉ hơn 24 tiếng sau, nửa đêm về sáng ngày 7 tháng 6, ông bí mật đem khoảng hơn 1.500 quân bản bộ ly khai khỏi Cao Đài Phục quốc, vượt sông Vàm Cỏ Đông đến rừng Bung Rồ để lập Tổng hành dinh tạm, về sau di chuyển xuống hướng nam trong rừng Bung Rồ dọc theo biên giới Việt-Miên và lập chiến khu Bù Lu. Ngày 8 tháng 6 cùng năm, ông được thăng cấp Thiếu tướng Cao Đài tại chiến khu do Trung tướng Nguyễn Văn Thành, Tổng tư lệnh Quân đội Cao Đài, đại diện cho Hộ pháp Phạm Công Tắc, gấn sao giữa đêm khuya. Nhưng ngay sau đó, ông cùng đội quân của mình chính thức rời khỏi hàng ngũ giáo phẩm Cao Đài và thành lập lực lượng riêng, lấy tên là Liên Minh với chủ trương chống cả Pháp và Việt Minh.

* Gia nhập Quân Đội Quốc Gia

Ngày 31 tháng 1 năm 1955, bằng phi cơ trực thăng xuất phát từ phi trường Tân Sơn Nhất, đích thân Thủ tướng Diệm cùng với Bộ trưởng Quốc phòng Hồ Thông Minh đến viếng thăm Kháng chiến Liên minh tại Lò Rồ ngay trong chiến khu núi Bà Đen ở Tây Ninh. Sáng ngày 13 tháng 2 sau đó, Thủ tướng Diệm khai mạc buổi lễ tiếp

nhận Trung đoàn Bộ binh Liên minh trên Đại lộ Nguyễn Huệ (Sài Gòn), gồm 2.500 chiến sĩ thuộc Lực lượng Kháng chiến Liên minh (tức Quân đội Cao Đài ly khai) trở về hợp tác với Chính phủ Quốc gia và gắn cấp bậc Thiếu tướng đồng hóa Quân đội Quốc gia cho ông. Từ ngày 18 đến ngày 28 tháng 4 cùng năm, ông tháp tùng phái đoàn sang Nam Dương (Indonesia) để dự Hội nghị Á-Phi của các nước không liên kết. Trong Hội nghị có: Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai, Thủ tướng Ấn Độ Jawaharlal Nehru, Tổng thống Nam Dương Sukarno, cựu hoàng Cao Miên Norodom Sihanouk. Cùng tháp tùng với ông còn có: Đại tá Cao Đài Phục quốc Hồ Hán Sơn, Thiếu tá Cao Đài Liên minh Nhị Lang Lê Khắc Hoài.

* Cái chết

Ngày 2 tháng 5 năm 1955, ông được giao chỉ huy 1.300 quân, vượt kinh Tàu Hũ tiến vào cầu Tân Thuận hành quân truy nã lực lượng Bình Xuyên của Thiếu tướng Lê Văn Viễn (tự Bảy Viễn) tại Khánh Hội, Sài Gòn. Chiều ngày 3 tháng 5, ông bị tử thương khi đang ngồi trên xe Jeep tại dốc cầu Tân Thuận do một viên đạn Carbine bắn sể từ phía sau trúng phía dưới tai phải xuyên thẳng qua đầu trở ra mắt bên trái. Hưởng dương 33 tuổi. Thi hài ông được Đại úy Tạ Thành Long (Chánh Văn phòng kiêm Sĩ quan Tùy viên của tướng Thế) đưa về trụ sở của Liên minh ở số 55 đường Trương Minh Giảng, Phú Nhuận, Sài Gòn bằng xe cứu thương Quân đội (Thủ tướng Diệm bật khóc khi nghe bào đệ là ông

Nhu báo hung tin này). Ngày 4 tháng 5, linh cữu được quản tại Tòa Đô sảnh Sài Gòn (sau cải danh thành Tòa Đô chính) ở đường Lê Thánh Tôn. Ông được truy thăng Trung tướng và truy tặng Đệ tam đẳng Bảo quốc Huân chương kèm Anh dũng Bội tinh với ngành dương liễu.

F. Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông(1932- 2018)



Nguyễn Văn Đông nguyên là một sĩ quan bộ binh cao cấp trong Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, mang cấp bậc Đại tá, khởi binh nghiệp từ thời Quốc gia Việt Nam. Đồng thời, ông được nhiều người biết đến với tư cách là nhạc sĩ nổi tiếng qua rất nhiều nhạc phẩm tiêu biểu như

“Chiều mưa biên giới”, “Hải ngoại thương ca”, “Khúc tình ca hàng hàng lớp lớp”, “Mấy dặm sơn khê”, “Phiên gác đêm xuân”, “Sắc hoa màu nhớ”,... Các nghệ danh của ông là Vì Dân, Phượng Linh, Phương Hà, Đông Phương Tử, Thùy Linh, Hoàng Long Nguyên (trước 1975) và Anh Nguyên (sau 1975).

Nguyễn Văn Đông sinh ngày 15 tháng 3 năm 1932 tại Quận 1, Sài Gòn, nguyên quán ở làng Lợi Thuận, tổng

Mỹ Ninh, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Nam Kỳ; nay thuộc huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Ông sinh trưởng trong một gia đình nguyên là một điền chủ lớn có nhiều ruộng đất ở tỉnh này. Thuở nhỏ, nhờ gia đình khá giả nên ông học tại tư gia dưới sự hướng dẫn của thầy học. Sau đó ông theo học bậc Trung học tại trường Huỳnh Khương Ninh ở khu Đa Kao, Quận 1. Khoảng 1945-1946, trường này bị đóng cửa. Gia sản bị tịch biên để sung vào quỹ kháng chiến chống Pháp; cha mẹ bị bắt tù vì là điền chủ. Thời đó có viên Đại úy Pháp là Vieux từng coi ông như nghĩa đệ đã nhận ông làm dưỡng tử và gửi vào học ở Trường Thiếu sinh quân Đông Dương (tiếng Pháp: École d'enfants de troupe) ở Vũng Tàu khi ông 14 tuổi. Năm 19 tuổi, ông tốt nghiệp trường Thiếu sinh quân và nhận chứng chỉ tốt nghiệp tương đương với văn bằng Tú tài bán phần (Tú tài I).

*Binh Nghiệp

Cuối năm 1951 ông gia nhập vào Quân Đội Quốc Gia Quân đội Quốc gia Việt Nam, mang số quân 52/120.117, sau đó được cử theo học Khóa 4 Trường Võ bị Địa phương ở Vũng Tàu (École militaire Cap SaintJacques). Tháng 10 năm 1952, ông mãn khóa tốt nghiệp Thủ khoa với cấp bậc Thiếu úy phục vụ đơn vị Bộ binh. Đầu năm 1953, ông được cử đi học khóa huấn luyện “Đại đội trưởng” tại Trường Võ bị Liên quân Đà Lạt (École militaire interarmes de Dalat). Đầu năm 1954, ông được gửi ra Hà Nội theo học khóa “Tiểu đoàn trưởng” tại Trung tâm Chiến thuật Hà Nội (Centre de formation tactique

des officiers vietnamiens d’Hanoi).

Ra trường, ông được cử giữ chức vụ Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Trọng pháo 553 và là Tiểu đoàn trưởng trẻ nhất của Quân đội Quốc gia khi mới 22 tuổi. Trong những tháng cuối cùng của chiến tranh Đông Dương, ông chỉ huy trọng pháo ở Móng Cái và Lạng Sơn.

Không lâu sau Hiệp định Genève, đầu tháng 8 năm 1954 ông di chuyển vào miền Nam Việt Nam và được thăng cấp Trung úy, phục vụ tại phân khu Đồng Tháp Mười với chức vụ Trưởng phòng Hành quân.

*Quân lực Việt Nam Cộng hòa

Đầu tháng 11 năm 1955, ông được chuyển biên chế sang Quân lực Việt Nam Cộng hòa, kiêm nhiệm chức vụ Trưởng phòng 3 (Tác chiến) của phân khu Đồng Tháp Mười, dưới quyền Đại tá Nguyễn Văn Là. Trước đó ông đóng quân ở khu vực mà nay là các huyện Đức Hòa, Đức Huệ tỉnh Long An. Năm 1956 ông tham gia chiến dịch Thoại Ngọc Hầu. Cuối năm 1957, ông được cử đi du học khóa Chỉ huy Tham mưu sơ cấp tại quần đảo Hawaii, Hoa Kỳ. Ngày Quốc khánh Đệ nhất Cộng hòa 26 tháng 10 năm 1959, ông được thăng cấp Đại úy tại nhiệm. Ông kiêm nhiệm nhiều chức vụ như Bí thư Tổng giám đốc Cảnh sát, Công an Quốc gia và Chánh văn phòng Bộ Tư lệnh Biệt khu Thủ đô.

Tháng 11 năm 1961, ông chuyển về Bộ Tổng tham mưu, phục vụ trong khối Lãnh thổ, dưới quyền Tổng Tham mưu trưởng là Đại tướng Lê Văn Ty. Sau Đảo chính 1963, ông được thăng cấp Thiếu tá giữ chức vụ phó

phòng Nhân viên ở khối Lãnh thổ. Ngày Quân lực 19 tháng 6 năm 1968, ông được thăng cấp Trung tá lên làm Trưởng phòng Nhân viên trong khối Lãnh thổ. Ngày Quốc khánh Đệ nhị Cộng hòa 1 tháng 11 năm 1972, ông được thăng cấp Đại tá, chuyển sang làm Chánh Văn phòng cho Tổng Tham mưu phó, trải qua hai đời Tổng Tham mưu phó là Trung tướng Nguyễn Văn Là (1968-1974) và Trung tướng Nguyễn Văn Mạnh (1974-1975), cùng Tổng Tham mưu trưởng là Đại tướng Cao Văn Viên. Ông giữ chức vụ này cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Ông được tặng thưởng Đệ Tứ đẳng Bảo quốc Huân chương và một số huy chương quân sự, dân sự khác.

* Về Âm nhạc.

Về tân nhạc, ông viết rất nhiều nhạc phẩm nổi tiếng. Làm trưởng ban văn nghệ Vì Dân và là giám đốc hai hãng đĩa ghi âm Cotinental, Sơn Ca và băng nhạc Primer. Ông cũng chủ trương bốn nhà xuất bản tờ nhạc là: Trăm Hoa Miền Nam (lập năm 1966, Phượng Linh (chủ trương), Nhạc Quê Hương (1967, Đông Phương Tử chủ trương), Hoa Bốn Phương (1971) và Việt Nhạc.

Sau sự kiện 30 tháng 4 năm 1975, vì là một sĩ quan cao cấp của chính thể cũ nên ông bị bắt đi tù, bắt đầu từ trại Suối Máu (tức trại Tam Hiệp, ở Biên Hòa, Đồng Nai), tới năm 1978 thì bị đưa về giam ở khám Chí Hòa. Đầu năm 1985, ông được trả về với lý do “đương sự bị bệnh sắp chết”, cho “đem về nhà chôn cất”.

Khi đó ông thuộc danh sách ưu tiên đi định cư Hoa Kỳ

diện H.O. nhưng vì sức khỏe đã tàn tạ, nghĩ rằng không thể sống thêm nên ông rút hồ sơ hòng qua đời tại quê hương

G. Nghệ sĩ Thanh Nga (1942- 1978)



Thanh Nga (31 tháng 7 năm 1942 – 26 tháng 11 năm 1978) là nữ nghệ sĩ cải lương nổi tiếng của Việt Nam. Thanh Nga được mệnh danh là “Nữ hoàng sân khấu” của miền Nam Việt Nam thời điểm lúc bấy giờ. Thanh Nga tên thật là Juliette Nguyễn Thị Nga, sinh ngày 31 tháng 7 năm 1942, quê quán ở Tây Ninh. Cha của

Thanh Nga là Nguyễn Văn Lợi (tức ông Hội Đồng Lợi), mẹ của Thanh Nga là Nguyễn Thị Thơ (tức bà bầu Thơ) trưởng đoàn hát Thanh Minh.

Thanh Nga nổi tiếng một thời. Thanh Nga là một Phật tử, có pháp danh Diệu Minh.

Thanh Nga kết hôn hai lần, lần đầu với ông Nguyễn Minh Mẫn (sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng hòa), lần sau với ông Phạm Duy Lân tức hiệu là Đồng Lân vì ông đã từng giữ chức Đồng Lý Văn phòng của Bộ Thông tin

trong Đệ Nhị Cộng hòa của Việt Nam Cộng hòa (luật sư). Thanh Nga có một con trai với ông Lân là Phạm Duy Hà Linh (sinh 1973, nay là nghệ sĩ hài kịch).

*Giải thưởng tiêu biểu

Trong cuộc đời nghệ sĩ Thanh Nga được nhiều giải thưởng năm 1958 Thanh Nga đoạt Giải Thanh Tâm triển vọng (vai sơn nữ Phà Ca, vở Người vợ không bao giờ cưới) 1966: Giải Thanh Tâm xuất sắc (vai Giáng Hương, vở Sân khấu về khuya)

1974: Nữ diễn viên chiếm nhiều cảm tình nhất, Nữ diễn viên thể hiện bi kịch xuất sắc nhất (Liên Hoan Phim Châu Á lần thứ 20)

* Bị ám sát và qua đời.

Đêm ngày 26 tháng 11 năm 1978, khi diễn xong vở cải lương Thái hậu Dương Vân Nga ở rạp hát Cao Đồng Hưng (còn gọi là rạp Gia Định), nằm ở khu vực chợ Bà Chiểu, quận Bình Thạnh, khoảng 23 giờ, nghệ sĩ Thanh Nga lên chiếc xe hiệu Volkswagen sơn màu xám nhạt do chồng bà cầm lái để về nhà. Thanh Nga ngồi băng ghế phía sau cùng với con trai Cúc Cu khi đó mới 5 tuổi. Ở ghế trước, cạnh tài xế có võ sư Nguyễn Văn Các, làm vệ sĩ bảo vệ Thanh Nga. Ngay khi xe dừng trước cổng nhà nằm trên đường Ngô Tùng Châu (nay là đường Lê Thị Riêng, Quận 1, Thành phố Saigon) chiếc xe đậu ở gara, vệ sĩ Các bước ra mở cửa thì bất ngờ một chiếc xe Honda 67 chồm tới, hai tên lạ mặt nhảy xuống dùng súng ngắn P38 khống chế anh vào trong xe. Chúng tiếp tục uy hiếp vợ chồng Thanh Nga để bắt bé Cúc Cu.

Khi vợ chồng nghệ sĩ chồng cự, chúng liên tiếp nã đạn bắn chết cả hai rồi biến mất. Ông Lân chết ngay tại chỗ còn nghệ sĩ Thanh Nga thì vẫn còn hơi thở. Vệ sĩ Các ôm Thanh Nga lên xích lô ra thẳng Bệnh viện Sài Gòn nhưng đã quá muộn. Viên đạn trúng ngực trái đã cướp đi sinh mạng của Thanh Nga ở tuổi 36.

Được biết thủ phạm bắn chết vợ chồng nghệ sĩ Thanh Nga là tên cướp Nguyễn Thanh Tân và Nguyễn Văn Đức.

H.Đại Tá Nguyễn Văn Y (1922- 2012)

Ông Nguyễn Văn Y sinh ngày 6 tháng 3 năm 1922 tại Tây Ninh, sống với song thân tại quận Trảng Bàng,



Tây Ninh, cho đến năm 24 tuổi thì tình nguyện nhập ngũ và năm 28 tuổi ghi danh dự thi để gia nhập Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, lúc trường mới được Chính phủ Quốc gia Việt Nam thành lập tại Đà Lạt vào tháng 11 năm 1950. Tốt nghiệp Khóa 3 Võ

Bị Đà lat với cấp bậc Thiếu Úy, ông được đưa về làm Đại Đội Trưởng thuộc

Tiểu Đoàn 19 kể từ tháng 7 năm 1951. Hai năm sau đó ông lần lượt được thăng cấp Trung Úy, Đại Úy, phục vụ tại Mỹ Tho rồi chuyển về Tiểu Đoàn 62. Năm 1954 ông được thăng cấp Thiếu Tá, theo học lớp huấn luyện Trung Đoàn Trưởng và được đưa về làm Chỉ Huy Trưởng Tiểu Khu Chợ Lớn, sau đó được thăng cấp Trung Tá và bổ nhiệm làm Tỉnh Trưởng Chợ Lớn.

Năm 1957, ông đảm nhiệm chức vụ Chỉ Huy Trưởng Đệ Nhất Quân Khu, đến năm 1959 thì được thăng cấp Đại Tá hiện dịch thực thụ đồng thời giữ chức vụ Tư Lệnh Quân Khu Thủ Đô. Năm kế tiếp, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám Đốc Các Trung Tâm Cải Huấn toàn quốc.

Năm 1961, ông Nguyễn Văn Y được Bộ Tư Lệnh Quân Khu Thủ Đô chấp thuận cho giải ngũ vì Tổng Thống Ngô Đình Diệm thành lập Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo và ký sắc lệnh bổ nhiệm ông làm Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An kiêm Đặc Ủy Trưởng Trung Ương Tình Báo, một chức vụ ngang hàng Thứ Trưởng. Với vai trò chỉ huy cơ quan tình báo đầu tiên của Việt Nam Cộng Hòa, ông được cử sang Singapore, Tokyo (Nhật Bản) rồi sang Mỹ để nghiên cứu về ngành tình báo tại Cơ Quan Tình Báo Trung Ương Hoa Kỳ (C.I.A.) ở Langley (Virginia) vào năm 1961, và đến năm 1962 sang Kuala Lumpur (Mã Lai) để thực hiện chuyến viếng thăm thân hữu đồng thời quan sát tổ chức các cơ quan

cảnh sát tình báo tại quốc gia đồng minh vùng Đông Nam Á. Ông giữ các chức vụ nêu trên cho đến những ngày cuối của Đệ Nhất Cộng Hòa.

Năm 1975, khi cộng sản Bắc Việt cưỡng chiếm Miền Nam, ông bà cùng các con di tản bằng đường biển, sau đó qua Mỹ và định cư tại tiểu bang Virginia. Ông bà có 9 người con ruột và một số nghĩa tử, nghĩa nữ. Bà Nguyễn Văn Y qua đời năm 1996, hưởng thọ 72 tuổi. Ông Nguyễn Văn Y tạ thế ngày 5 tháng 2 năm 2012, hưởng thọ 90 tuổi.

Ngoài đức độ và sự liêm khiết khi đảm nhận các vai trò quan trọng trong quân đội và chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, cựu Đại Tá Nguyễn Văn Y còn được rất nhiều người ca ngợi về một khả năng đặc biệt là luận đoán Tử Vi Đẩu Số, một lãnh vực mà ông đã chuyên tâm nghiên cứu từ thiếu thời và đúc kết hàng chục năm kinh nghiệm để đưa ra những kết quả phân tích chính xác. Ông đã lấy lá số và giải đoán Tử Vi cho hàng ngàn người trong tinh thần bất vụ lợi, không ngoài mục đích giúp họ chọn hướng đi đúng cho cuộc đời, giảm thiểu tai họa khi vào vận xấu, gia tăng thành công khi gặp vận tốt, và nhất là hiểu rõ được nguyên lý “đức năng thắng số”.

Cựu Đại tá Nguyễn Văn Y là thân phụ của nữ ca nhạc sĩ đấu tranh Nguyệt Ánh. Ngoài ra ông còn nhận nhiều người làm nghĩa tử, có nam ca nhạc sĩ kiêm MC của trung tâm Asia là Việt Dzũng, ký giả Huỳnh Lương Thiện chủ nhiệm báo Mỗ San Francisco Oakland, và cô

Nguyễn Thị Ngọc Nhung là Giám đốc đài truyền hình Việt Nam tại Honolulu Hawaii.

K. Thiếu Tá Ngụy Văn Thà (1943-1974)



HQ Thiếu Tá Ngụy Văn Thà - Hạm Trưởng HQ 10

Ngụy Văn Thà là một sĩ quan Chỉ huy của Hải quân Việt Nam Cộng hòa thuộc Quân lực Việt Nam Cộng hòa, cấp bậc Hải quân Thiếu tá. Chức vụ cuối cùng của ông là Hạm trưởng Hộ tống hạm Nhật Tảo HQ-10. Ông đã tử trận trong hải chiến Hoàng Sa ngày 19 tháng 1 năm 1974, được truy thăng cấp

bậc Hải quân Trung tá.

Ông sinh ngày 16 tháng 1 năm 1943 tại Trảng Bàng, Tây Ninh trong một gia đình điền chủ khá giả. Ông học Tiểu học và Trung học đệ nhất cấp ở Tây Ninh. Khi lên đệ nhị cấp, ông được gia đình cho về học ở Sài Gòn. Năm 1962, ông tốt nghiệp Trung học đệ nhị cấp với văn bằng Tú tài toàn phần (Part II).

*Binh nghiệp

Năm 1963, ông nhập ngũ vào quân đội, tình nguyện gia nhập lực lượng Hải quân Việt Nam Cộng hòa, ông được theo học khóa 12 Đệ nhất Song ngư tại Trường Sĩ quan

Hải quân tại Nha Trang. Tháng 3 năm 1964 mãn khóa tốt nghiệp với cấp bậc Hải quân Thiếu úy ngành chỉ huy. Sau khi ra trường, ông được thực tập trên Hải vận hạm LST-1166/MSS-2 Washtenaw County thuộc Hạm đội 7 của Hoa Kỳ. Sau đó chuyển về phục vụ trên Tuần dương hạm Ngô Quyền HQ-17 với chức vụ Thuyền phó.

Ngày Quân lực 19 tháng 6 năm 1966, ông được thăng cấp Hải quân Trung úy tại nhiệm.

Năm 1967, ông được cử giữ chức vụ Chỉ huy phó Giang đoàn 23 đóng tại Vĩnh Long. Ngày Quốc khánh 1 tháng 11 năm 1969, ông được thăng cấp Hải quân Đại úy và chuyển sang Tuần duyên đỉnh (Patrol Boat) Kèo Ngựa HQ-604 giữ chức vụ Thuyền trưởng. Tháng 4 năm 1972, ông được thăng cấp Hải quân Thiếu tá, chuyển đi làm Hạm trưởng Giang pháo hạm (Landing Ship Infantry Ligth) Tầm Sét HQ-331. Ngày 16 tháng 9 năm 1973, chuyển sang Hộ tống hạm Nhật Tảo HQ-10 với chức vụ Hạm trưởng.

*Hải chiến Hoàng Sa 1974

Ngày 18 tháng 1 năm 1974, Hộ tống hạm Nhật Tảo HQ-10 do ông chỉ huy đang tuần tiễu tại vùng biển Đà Nẵng thì được lệnh hành quân trực chỉ quần đảo Hoàng Sa, tiếp ứng lực lượng Hải đội Việt Nam Cộng hòa tại đây. Bấy giờ, tàu HQ-10 đang có một máy chính và radar hải hành đang ở trạng thái hư hỏng không sử dụng được, nhưng Hạm của ông vẫn tham gia vào cuộc chiến chống tàu của Trung Cộng.

Vào lúc 10 giờ 22 phút sáng ngày 19 tháng 1 năm 1974,

trận giao chiến giữa lực lượng Hải quân Việt Nam Cộng hòa và Hải quân Trung Quốc đã nổ ra. Mỗi bên đều có 4 tàu, tuy nhiên tàu của Quân lực VNCH to hơn và trang bị hỏa lực mạnh hơn nhiều.

Chiến Hạm HQ10 của ông đã bắn dữ dội vào 2 hai chiến hạm Trung Quốc mang số 389 và 396 làm cho hai chiến hạm này hư hại nặng không thể điều khiển. Và hai chiến hạm khác đã tấn công vào HQ10 và HQ10 bị trúng pháo tháp và phòng điều khiển Thiếu Tá Nguyễn Văn Thà và đồng đội chết theo chiến hạm của mình. Sau khi ông tử trận, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã truy tặng Đệ ngũ đẳng Bảo quốc Huân chương kèm Anh dũng Bội tinh với nhành dương liễu và truy thăng cấp bậc Hải quân Trung tá.

Ngoài những danh nhân đã được giới thiệu trên, đất Tây Ninh còn có nhiều nhân tài khác mà chúng tôi sẽ giới thiệu trong một dịp khác. Qua đó chúng tôi mong những người dân vốn gốc Tây Ninh và những người di dân đến vùng đất “địa linh nhân kiệt” này và đã chọn nơi đây làm quê hương cũng hân hoan lấy làm hãnh chung cho một Tây Ninh có được nhiều danh nhân đã làm rạng danh cho xứ sở Tây Ninh.

Duy Văn biên soạn

Tài liệu tham khảo.

-Tự điển Wikipedia

-Danh nhân thời đại Việt

Chiến sử Hoàng Sa

CÁC VỊ THẦN CỦA TẾT NGUYÊN ĐÁN

Phương Du biên dịch



Chân dung Ngọc Hoàng thời nhà Minh. (Tranh minh họa: Tài sản công)

Theo truyền thống, Tết Nguyên Đán được tổ chức tại Trung Quốc và các nước Đông Á khác. Mặc dù Tân Niên chỉ diễn ra trong một ngày, nhưng có rất nhiều lễ hội và nghi lễ kéo dài đến tận 15 tháng Giêng âm lịch, như Lễ Hội Đèn Lồng.

Một số sự kiện và phong tục quan trọng nhất diễn ra trong 15 ngày Tết Nguyên Đán bắt nguồn từ các truyền thuyết cổ xưa hay các nghi lễ được tổ chức để tôn kính các vị Đại Thần. Trên thực tế, bản thân Tân Niên bắt

nguồn từ một truyền thuyết, đó là Niên Thú ăn thịt người.

Làm cho Niên Thú sợ hãi bỏ chạy và bắt giữ Niên thú

Theo truyền thuyết, Niên Thú xuất hiện mỗi năm một lần để săn người và đặc biệt, chúng thích ăn thịt trẻ con. Để xua đuổi quái thú, dân làng buộc phải đặt thức ăn trước cửa nhà với hy vọng làm giảm cơn thèm khát của nó.



Niên Thú (Ảnh: Epoch Times)

Cuối cùng, người dân đã thoát khỏi mối họa khi được một vị Thần chỉ dạy cách dùng màu đỏ, thứ mà Niên Thú rất sợ. Dân làng dán giấy đỏ lên nhà, mặc quần áo đỏ, treo đèn lồng đỏ và chuẩn bị pháo hoa. Vào ngày đầu năm mới, Niên Thú vẫn đến như thường lệ, nhưng

nó hoảng sợ bỏ chạy bởi toàn thị trấn ngập tràn sắc đỏ và tiếng pháo vang trời.

Về sau, Niên Thú bị một vị Đạo sĩ thu phục làm vật cưỡi. Bản thân từ “Niên” nghĩa là “năm” trong tiếng Trung, và ký tự gần giống với có nghĩa là “con bò”.

Ngày nay, người Trung Quốc vẫn còn giữ truyền thống đón mừng năm mới bằng pháo hoa và đồ trang trí màu đỏ.

Táo Quân lên thiên đình báo cáo

Còn được gọi là Vua Bếp hay Thần bếp, Táo Quân là một trong những phong tục phổ biến nhất của Tết Nguyên Đán. Mỗi gia đình đều có bàn thờ và hình nộm của vị Thần này, ông có nhiệm vụ trông coi và ghi lại những việc làm của cả gia đình trong một năm trước khi về Thiên Đình báo cáo.

Để tiễn Táo Quân lên trời, người ta sẽ đốt hình nộm vào đêm giao thừa. Một số gia đình đốt pháo để hỗ trợ hành trình của ông. Họ bày cúng đồ ngọt với hy vọng Táo Quân sẽ chỉ tấu những điều tốt đẹp của gia đình với Ngọc Hoàng trên thiên đình.

Ngọc Hoàng, chính là vị Thần sấm cổ đại tên là Thượng Đế, là vị thần được tôn kính nhất trong tín ngưỡng Đạo gia. Vào ngày Mừng Chín Tết, người ta nói rằng vô số vị Thần trên trời dưới đất sẽ gác lại mọi nhiệm vụ để mừng sinh nhật Ngọc Hoàng.



Chân dung Ngọc Hoàng thời nhà Minh. (Tranh minh họa: Tài sản công)

Vào ngày này, pháo hoa được bắn lúc nửa đêm và các buổi lễ lớn sẽ được tổ chức tại các đền thờ Đạo giáo. Người dân thị trấn hiến tế một con gà trống lên Ngọc Hoàng. Các thành viên trong gia đình tắm gội sạch sẽ nhưng không được phơi quần áo ướt hoặc đổ rác, vì hai việc này sẽ mang lại điềm gở.

Lễ Nhân Nhật vào ngày Mừng Bảy tháng Giêng



*Thần Nữ Oa tạo ra con người.
(Tranh minh họa: Epoch Times)*

Người ta tin rằng Thần Nữ Oa đã tạo ra con người vào ngày Mừng bảy tháng Giêng, vì thế lễ Nhân Nhật nghĩa là Ngày Nhân Loại, là ngày sinh nhật chung của tất cả mọi người. Truyền thống này có lịch sử từ thời nhà Hán. Vào lễ Nhân Nhật, người dân còn kỷ niệm sự ra đời của lửa. Họ đốt pháo, làm thơ và ăn món chay “súp bảy loại thảo mộc quý,” nhằm tôn vinh sáu loài vật – gà, chó, heo rừng, cừu, bò và ngựa – mà Nữ Oa được đã tạo ra trước khi tạo ra con người. Truyền thống dùng súp bảy loại thảo mộc quý này ngày nay vẫn còn được gìn giữ tại đất nước Nhật Bản, nơi mà ngày Nhân Nhật được gọi là “jinjitsu.”

Một điều thú vị khác trong ngày Nhân Nhật là người dân đeo các đồ trang trí trên đầu gọi là “Nhân Thăng”;



Di Lặc, vị Phật cứu thế. (Ảnh: Tài sản công)

vào thời nhà Đường, hoàng đế đã ban tặng những bộ quần áo đẹp để cho các thần dân của mình.

Di Lặc, vị Phật của tương lai

Di Lặc là một vị Giác Giả gắn liền với đức tin và nhiều lời tiên tri của Phật giáo. Theo giáo pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, vị Phật nguyên thủy, Ngài sẽ xuất hiện trong giai đoạn lịch sử cuối cùng và ban ơn cứu độ cho tất cả chúng sinh.

Được tôn thờ rộng rãi ở Đông Á, ngày đầu năm mới được coi là ngày sinh của Phật Di Lặc. Tại Trung Quốc, Di Lặc là vị Thần Phật giáo đầu tiên được thờ cúng rộng rãi và cho đến ngày nay, ông được coi là vị Phật tối thượng sẽ thuyết giảng Phật Pháp chân chính vào một ngày nào đó.

Tuy nhiên, giáo luật Phật giáo nói rằng Đức Di Lặc sẽ bắt đầu thuyết giảng vào thời Mạt Pháp, thời kì mà con người không thể hiểu và đạt được giác ngộ thông qua các tín ngưỡng truyền thống. Tuy nhiên, ẩn tàng giữa thanh thiên bạch nhật, Ngài sẽ chỉ được biết đến bởi những người hữu duyên.

Ở Trung Quốc và Nhật Bản, một trong những hóa thân gần đây của Phật Di Lặc được cho là hòa thượng Bồ Đại. Ông được biết đến với những vần thơ sau:

Phật Di Lặc đích thực

Có hàng tỷ hóa thân.

Ngài vẫn thường hiện diện

Người đời ai nhận ra!

Phương Du biên dịch

LÒNG BIẾT ƠN GIÚP BẠN SỐNG LÂU HƠN VÀ HẠNH PHÚC HƠN

Joseph Mercola. Tú Liên biên dịch



(Ảnh: pxhere)

Những người biết ơn những gì mình có sẽ hạnh phúc hơn, dễ đối phó với căng thẳng và có khả năng đạt được các mục tiêu tốt hơn. Hãy biết ơn những gì bạn có. Khi cuộc đời cho bạn 100 lý do để khóc, hãy nhớ đến 1,000 lý do khiến bạn phải cười. Đối mặt với quá khứ mà không hối tiếc; chuẩn bị cho tương lai mà không sợ hãi; tập trung vào những gì tốt đẹp ngay bây giờ, trong thời điểm hiện tại và thực hành lòng biết ơn. Hãy nhớ nói “cảm ơn” với chính bạn, vũ trụ, và những người khác.

Thật tuyệt vời khi nhìn thấy một người mỉm cười, và còn tuyệt vời hơn nữa khi biết rằng bạn chính là lý do đằng sau nụ cười đó!

Bên cạnh việc thưởng thức các món ăn cùng với gia đình và bạn bè, một điều chính yếu trong ngày lễ Tạ ơn của người Mỹ là tôn vinh lòng biết ơn. Không thể phủ nhận rằng có một kỳ nghỉ lễ hàng năm để nhắc nhở chúng ta bày tỏ lòng biết ơn chắc chắn là điều tốt, nhưng việc nuôi dưỡng tinh thần biết ơn quanh năm cũng có rất nhiều lợi ích.

Những người biết ơn vì những điều mình có dễ đối phó với căng thẳng hơn, có cảm xúc tích cực hơn và có khả năng đạt được mục tiêu tốt hơn. Các nhà khoa học thậm chí còn lưu ý rằng lòng biết ơn có liên quan đến việc cải thiện sức khỏe.

Như đã lưu ý trong một bài viết trước đây về chủ đề này được đăng trên Harvard Mental Health Letter, “bày tỏ lời cảm ơn có thể là một trong những cách đơn giản nhất để cảm thấy tốt hơn:”

“Từ lòng biết ơn bắt nguồn từ từ ‘gratia’ trong tiếng Latin, có nghĩa là ân sủng, sự duyên dáng, hoặc lòng biết ơn (tùy theo ngữ cảnh). Ở một khía cạnh nào đó, lòng biết ơn bao hàm tất cả những ý nghĩa này. Lòng biết ơn là sự cảm kích biết ơn đối với những gì một người nhận được, dù là hữu hình hoặc vô hình.

Lòng biết ơn giúp con người thừa nhận những điều tốt đẹp trong cuộc sống. Trong quá trình đó, con người

thường nhận ra rằng nguồn gốc của điều tốt đẹp đó ít nhất một phần không nằm ở bản thân mình.

Do đó, lòng biết ơn cũng giúp một người kết nối với điều gì đó lớn lao hơn bản thân mình – cho dù đó là với người khác, thiên nhiên hay một thế lực cao hơn.

...Con người cảm nhận và bày tỏ lòng biết ơn theo nhiều cách. Họ có thể tìm lại những ký ức tích cực và biết ơn những điều trong thời thơ ấu hoặc những phước lành trong quá khứ, hay thể hiện lòng biết ơn với hiện tại (không xem vận may là điều hiển nhiên) và tương lai (duy trì thái độ hy vọng và lạc quan).

Cho dù mức độ biết ơn vốn có hay được rèn luyện của một người là bao nhiêu, thì đó cũng là phẩm chất mà mỗi người có thể trau dồi tốt hơn nữa.”

Lòng biết ơn đem lại lợi ích cho cơ thể

Tiến sĩ P. Murali Doraiswamy, trưởng khoa tâm lý sinh học tại Trung tâm Y tế Duke University từng tuyên bố rằng, “Nếu [lòng biết ơn] là một loại thuốc, thì đây sẽ là sản phẩm bán chạy nhất thế giới với chỉ định duy trì sức khỏe cho mọi hệ cơ quan chính.”

Một cách để khai thác sức mạnh tích cực của lòng biết ơn là viết nhật ký hoặc danh sách về lòng biết ơn, trong đó bạn chủ động viết ra chính xác những gì bạn biết ơn mỗi ngày. Những người ghi nhật ký về lòng biết ơn cho biết họ đã tập thể dục nhiều hơn và ít đến gặp bác sĩ hơn so với những người tập trung vào các nguyên nhân

khuyến bệnh tình trầm trọng thêm.

Lòng biết ơn có thể tạo ra một số tác động có thể đo lường được đối với một số hệ thống trong cơ thể, bao gồm:

Chất dẫn truyền thần kinh liên quan đến tâm trạng (serotonin và norepinephrine)

Hormone sinh sản (testosterone)

Hormone gắn kết xã hội (oxytocin)

Chất dẫn truyền thần kinh liên quan đến nhận thức và niềm vui (dopamine)

Phản ứng viêm và hệ miễn dịch (cytokine)

Hormone căng thẳng (cortisol)

Huyết áp, nhịp tim và điện não đồ

Đường huyết

Cách nuôi dưỡng lòng biết ơn

Nuôi dưỡng lòng biết ơn sẽ giúp bạn tập trung lại sự chú ý vào những điều tốt đẹp và đúng đắn trong cuộc sống, thay vì chìm đắm trong những điều tiêu cực và tất cả những gì bạn có thể cảm thấy còn thiếu.

Và, giống như cơ bắp, lòng biết ơn cũng có thể được rèn luyện. Bên cạnh việc ghi nhật ký biết ơn hàng ngày, những cách khác để nuôi dưỡng cảm giác biết ơn bao gồm:

Viết lời cảm ơn: Cho dù để đáp lại một món quà, một thành động tử tế hay chỉ đơn giản là thể hiện lòng biết ơn đối với ai đó trong cuộc sống, thói quen viết thư cảm ơn có thể giúp bày tỏ lòng biết ơn ngoài việc chỉ đơn thuần cảm nhận điều đó từ bên trong.

Đếm những phước lành: Mỗi tuần một lần, hãy suy ngẫm và viết ra những sự kiện mà bạn biết ơn. Trong lúc làm vậy, hãy cảm nhận niềm hạnh phúc và biết ơn khi điều đó xảy ra, hãy để tâm trí bạn trải qua những nỗi niềm đó một lần nữa.

Cầu nguyện: Bày tỏ lòng biết ơn trong khi cầu nguyện là một cách khác để nuôi dưỡng lòng biết ơn.

Thiền định để giữ chánh niệm: Thực hành “chánh niệm” có nghĩa là tập trung chú ý đến thời điểm hiện tại. Đôi khi bạn có thể làm điều này nhờ [nhắm niệm] một câu thần chú, nhưng bạn cũng có thể tập trung vào điều gì đó mà bạn biết ơn, chẳng hạn như một mùi hương dễ chịu, một làn gió mát hoặc một kỷ niệm đẹp.

Mở rộng khoa học và thực hành lòng biết ơn

Ba năm trước, Trung tâm Khoa học Greater Good tại University of California, phối hợp với University of California, đã khởi động một dự án mang tên “Nuôi dưỡng lòng biết ơn trong một xã hội chủ nghĩa tiêu dùng.” Dự án trị giá 5.6 triệu USD này nhằm mục đích:

Mở rộng cơ sở dữ liệu khoa học về lòng biết ơn, đặc biệt trong các lĩnh vực chính là sức khỏe con người, hạnh phúc cá nhân và các mối quan hệ cũng như khoa học phát triển;

Khuyến khích các thực hành về lòng biết ơn dựa trên bằng chứng trong môi trường y tế, giáo dục, tổ chức cũng như trong trường học, nơi làm việc, gia đình và cộng đồng.

Thu hút công chúng vào một cuộc trò chuyện văn hóa lớn hơn về vai trò của lòng biết ơn trong xã hội dân sự. Năm 2012, 14 dự án nghiên cứu đoạt giải đã được công bố với các chủ đề bao trùm mọi thứ, từ khoa học thần kinh về lòng biết ơn đến vai trò của lòng biết ơn trong việc ngăn chặn vấn nạn bắt nạt. Tổ chức này có một số nguồn tài nguyên mà bạn có thể đọc lúc rảnh rỗi, bao gồm blog và bản tin Khoa học về Hạnh phúc, và Tập san Digital Gratitude Journal (Lòng biết ơn Kỹ thuật số). Đây là nơi bạn có thể ghi lại và chia sẻ những điều bạn biết ơn. Các nhà khoa học cũng được phép sử dụng dữ liệu để khám phá “nguyên nhân, tác động và ý nghĩa của lòng biết ơn.”

Ví dụ, nghiên cứu trước đây đã cho thấy rằng những nhân viên được người quản lý nói “cảm ơn” sẽ cảm thấy có động lực cao hơn trong công việc và làm việc chăm chỉ hơn những đồng nghiệp không nghe thấy những “lời kỳ diệu” đó. Như đã lưu ý trong một bài đăng trên blog Thanksgiving (Lễ Tạ ơn) trước đây trên Mark’s Daily Apple: “Nghiên cứu đã cho thấy rằng việc nhận được lòng biết ơn có thể nâng cao ý thức về giá trị bản thân và/hoặc năng lực bản thân. Lòng biết ơn dường như cũng khuyến khích người tham gia giúp đỡ thêm người đã bày tỏ lòng biết ơn cũng như một người khác, không nằm trong mối quan hệ kiểu ‘trả ơn’ không chủ ý.” Nuôi dưỡng thái độ biết ơn như một phần của lối sống lành mạnh.

Bắt đầu mỗi ngày bằng cách nghĩ về tất cả những điều cần phải biết ơn là một cách để đưa tâm trí đi đúng hướng. Ngoài ra, hãy nhớ rằng tương lai sẽ phụ thuộc phần lớn vào những suy nghĩ của ngày hôm nay. Vì vậy, mỗi khoảnh khắc trong ngày đều là cơ hội để xoay chuyển những ý niệm, từ đó giúp đỡ hoặc cản trở khả năng suy nghĩ và cảm nhận tích cực hơn ở ngay khoảnh khắc tiếp theo.

Hầu hết các chuyên gia đều đồng ý rằng không có con đường tắt nào dẫn đến hạnh phúc. Ngay cả những người hạnh phúc nhìn chung cũng không trải nghiệm được niềm vui trong suốt cả ngày. Nhưng một người hạnh phúc có thể trải qua một ngày tẻ mà vẫn tìm thấy niềm vui từ những điều nhỏ nhất trong cuộc sống.

Hãy biết ơn những gì bạn có. Khi cuộc đời cho bạn 100 lý do để khóc, hãy nhớ đến 1,000 lý do khiến bạn phải cười. Đối mặt với quá khứ mà không hối tiếc; chuẩn bị cho tương lai mà không sợ hãi; tập trung vào những gì tốt đẹp ngay bây giờ, trong thời điểm hiện tại và thực hành lòng biết ơn. Hãy nhớ nói “cảm ơn” với chính bạn, vũ trụ, và những người khác. Thật tuyệt vời khi nhìn thấy một người mỉm cười, và còn tuyệt vời hơn nữa khi biết rằng bạn chính là lý do đằng sau nụ cười đó! Và cùng với đó, tôi xin chúc tất cả các bạn một Lễ tạ ơn vui vẻ và khỏe mạnh!

Tú Liên biên dịch

“HỒN MA ĐÊM GIÁNG SINH” VÀ CÂU CHUYỆN VƯỢT QUA LÒNG THAM QUỶ DỮ

Chi Lan biên dịch



Bức tranh “Old Scratch has got his own at last, hey?” (Này, cuối cùng thì ác quỷ đã có được chính hản rồi nhỉ?), năm 1915, của họa sĩ Arthur Rackham. Tranh minh họa. (Ảnh: Tài liệu công cộng)

Tất cả chúng ta đều từng gặp những người tham lam, và dường như với họ không bao giờ là đủ, ngay cả khi họ đã có rất nhiều. Một số người trong chúng ta có thể bị ám ảnh trước khao khát có nhiều hơn: nhiều tiền hơn, nhiều thời gian hơn, nhiều tình cảm hơn, nhiều danh

tiếng hơn, .v.v.

Đôi khi, thật khó để nhớ ra rằng chúng ta đến thế giới này với tay trắng và cũng sẽ ra đi trắng tay. Có lẽ, cuốn tiểu thuyết “A Christmas Carol” (Hồn ma đêm Giáng Sinh) của nhà văn Charles Dickens và bức tranh minh họa của họa sĩ Arthur Rackham nhắc nhở chúng ta về tầm quan trọng của việc vượt qua lòng tham của chính mình.

Tiểu thuyết ‘Hồn ma đêm Giáng Sinh’ của nhà văn Charles Dickens

Trong tiểu thuyết “Hồn ma đêm Giáng Sinh” của nhà văn Charles Dickens, nhân vật Ebenezer Scrooge nổi tiếng là người sống keo kiệt và bủn xỉn. Thậm chí vào Đêm Vọng của Lễ Giáng Sinh (đêm trước Lễ Giáng Sinh), ông ta không những từ chối chia sẻ của cải của mình cho việc thiện nguyện, mà còn [từ chối chia sẻ] tinh thần của Lễ Giáng Sinh với cháu trai. Thay vào đó, ông ôm giữ trái tim lạnh giá hơn cả mùa đông Giáng Sinh.

Thế nhưng, vào Đêm Vọng của Lễ Giáng Sinh đó, khi ông Scrooge đang ngồi một mình trong căn phòng lạnh lẽo thì hồn ma của người bạn buôn bán với ông là Jacob Marley ghé thăm. Ở thế giới bên kia, ông Marley đang bị trừng phạt vì lòng tham của mình và phải lang thang trên trái đất với những xiềng xích đè nặng trên thân. Ông ta mong muốn giúp ông Scrooge tránh được số phận tương tự, và cho ông ta biết rằng sẽ có ba hồn ma ghé thăm.

Đầu tiên, “Hồn ma của Giáng Sinh Quá khứ” đến thăm ông Scrooge. Hồn ma này nhắc nhở ông về xuất thân khiêm tốn của mình, cho ông thấy quá khứ khi ông còn là một cậu học trò và một người học việc. Hồn ma cũng cho ông thấy hôn ước giữa ông và tình yêu cuộc đời là bà Belle đã kết thúc chỉ vì lòng tham tiền bạc quá lớn của ông. Ông Scrooge cảm thấy hổ thẹn về bản thân.

Tiếp theo, “Hồn ma của Giáng Sinh Hiện tại” đến và đưa ông Scrooge đi khắp London để ông có thể nhìn thấy những người khác đang đón Lễ Giáng Sinh như thế nào. Ông Scrooge chứng kiến cảnh nghèo khổ của anh Bob Cratchit, nhân viên của ông. Gia đình Cratchit chỉ có bữa ăn đạm bạc vào dịp Lễ Giáng Sinh, còn cậu con trai út Tiny Tim thì bị mắc bệnh hiểm nghèo. Hồn ma cũng đưa ông Scrooge đến nhà cháu trai của ông để chứng kiến gia đình cậu đón mừng Lễ Giáng Sinh mà không có ông, và ông Scrooge tràn ngập xúc động.

Cuối cùng, “Hồn ma của Giáng Sinh Tương lai” cho ông Scrooge thấy cái chết của một người đàn ông bí ẩn. Ông Scrooge tình cờ nghe thấy mọi người phàn nàn về lòng tham và sự nóng nảy của người đã khuất. Hai thương nhân bàn luận về kẻ bần tiện mới qua đời này, và một người nói, “Này, cuối cùng thì ác quỷ đã có được chính hắn rồi nhỉ?”. “Old Scratch” là tên gọi khác của Ác quỷ. Ông Scrooge được đưa đến nghĩa trang, nơi ông nhận ra mình chính là người đàn ông đã qua đời kia. Quá choáng váng, ông Scrooge cầu xin sự tha thứ. Ông

không muốn chết, cũng không muốn bị mọi người nhớ đến như một thương nhân già tham lam và vô cảm. Ông thề sẽ thay đổi cách sống của mình, trao tặng và cư xử tử tế với mọi người.

Rồi ông choàng tỉnh dậy vào Ngày Giáng Sinh. Lòng tràn ngập niềm vui của tinh thần Giáng Sinh, ông gửi thức ăn cho gia đình Cratchit và đến thăm nhà cháu trai. Trong suốt quãng đời còn lại, ông hân hoan đón mừng Lễ Giáng Sinh trên khắp London bằng lòng hảo tâm và bác ái của mình.

Này, cuối cùng thì ác quỷ đã có được chính hắn rồi nhỉ?

Ông Arthur Rackham là họa sĩ người Anh sống vào thế kỷ 19, người vẽ bức tranh minh họa cho tác phẩm “Hồn Ma Đêm Giáng Sinh” của Charles Dickens. Một trong những tác phẩm minh họa của ông có tên là “Old Scratch has got his own at last, hey?” (Này, cuối cùng thì ác quỷ đã có được chính hắn rồi nhỉ?), trong đó ông Rackham diễn giải và mô tả cảnh “Hồn ma của Giáng Sinh Tương lai” tiết lộ tương lai cho ông Scrooge.

Hai nhân vật cao lớn là ông Scrooge và Ác quỷ choán phần lớn bố cục của bức tranh. Nhân vật bên trái là ông Scrooge. Ông đang kinh hãi nhìn tên ác quỷ đứng trước mặt mình. Toàn bộ bộ trang phục trên người ông đều nhăn nhúm, như thể ông đang run lẩy bẩy trước sự hiện

diện của Ác quỷ. Ông cũng nắm chặt hai túi tiền, mỗi tay một túi.

Ác quỷ hơi nghiêng người về phía ông Scrooge và ngoắc tay ra hiệu cho ông Scrooge lại gần. Tay khác, hắn cầm một thứ như lưỡi hái mà hắn thường dùng để bắt giữ các nạn nhân của hắn. Ác quỷ được mô tả là nửa người nửa thú, đuôi của hắn trườn lên và quấn quanh cổ tay như thể ngay cả bản thân hắn cũng đang bị giam cầm bởi chính những ham muốn xấu xa của mình.

Bên dưới ông Scrooge và Ác quỷ là hai thương nhân đang trò chuyện trong đám tang mô phỏng của ông Scrooge. Họ mặc áo khoác dài và đội mũ chóp cao. Họ nói chuyện và bắt tay nhau. Dựa vào nhan đề của bức tranh minh họa này, chúng ta cũng có thể đoán được người này đang nói với người kia, “Này, cuối cùng thì ác quỷ đã có được chính hắn rồi nhỉ?”

Lòng tham quỷ dữ

Câu chuyện của nhà văn Dickens và bức tranh minh họa của họa sĩ Rackham có thể mang đến cho chúng ta một cái nhìn sáng tỏ về bản chất của Ác quỷ và lòng tham. Như đã đề cập trước đó, “Old Scratch” ám chỉ Ác quỷ và “chính hắn” ngụ ý là ông Scrooge. Do đó, bức tranh minh họa của Rackham miêu tả việc Ác quỷ đã bắt ông Scrooge để làm tài sản của mình.

Tuy nhiên, câu nói của vị thương nhân và nhan đề của bức tranh đã gợi ý rằng, Ác quỷ không thể bắt giữ bất cứ ai, ngoại trừ chính hắn. Nghĩa là, Ác quỷ chỉ có thể

bắt được những người giống như hắn. Và điều gì khiến ông Scrooge giống như Ác quỷ? Đó chắc chắn phải là lòng tham.

Tham lam và sợ hãi thường có mối tương quan với nhau, vì người tham lam thường lo sợ mất đi hoặc không có đủ. Nỗi sợ hãi thúc họ kiếm nhiều hơn và tích trữ nhiều hơn; nếu không thì có lẽ họ đã không tham lam như vậy. Thoạt nhìn thì có vẻ như ông Scrooge sợ Ác quỷ, và có thể là ông sợ thật. Tuy nhiên, khi xem xét kỹ hơn, bạn có thể nhận thấy ông ta sợ phải từ bỏ những túi tiền mà ông đang nắm chặt trong tay hơn.

Ngay cả khi đối mặt với cái chết và mối đe dọa cực hình của Ác quỷ, thì ông Scrooge vẫn không thể buông bỏ tiền tài của mình. Cơ thể ông ta run lên xoay túi tiền [qua hướng khác] khi Ác quỷ đến gần. Chính lòng tham quá độ và sự tàn phá này là điều khiến Scrooge giống như Ác quỷ.

Và Ác quỷ cũng tham lam. Trong truyền thống Cơ Đốc Giáo, kẻ tham lam quyền lực nên bị đuổi khỏi thiên đàng. Ở địa ngục, Ác quỷ tham lam các linh hồn và dùng công cụ giống như lưỡi hái để giam cầm những ai có chung lòng tham với hắn. Ngay cả chiếc đuôi của Ác quỷ, dường như cũng mang ý nghĩa riêng khi quấn quanh cổ tay hắn như chiếc cùm của tù nhân. Như thể chiếc đuôi, bộ phận thấp nhất của động vật trong một

con người tràn đầy lòng tham đã nhận ra lòng tham và tìm cách giam cầm nó.

Vậy phải chăng, không chỉ có Ác quỷ đang đến và bắt giữ những kẻ giống hần, mà ngược lại, chính lòng tham cũng đang giam cầm những kẻ thực hành nó, kể cả chính Ác quỷ?

Lễ Giáng Sinh này, sẽ không có hồn ma nào đến giúp chúng ta mặc cả và vượt qua lòng tham của mình. Vậy làm thế nào chúng ta có thể thoát khỏi xiềng xích của nó? Những trải nghiệm của ông Scrooge nhắc nhở ông phải tử tế, rộng lượng, và quan tâm đến những người xung quanh. Có lẽ, Giáng Sinh này và nhiều Giáng Sinh tiếp nữa, chúng ta có thể nhớ tới nhân vật Scrooge và cố gắng làm điều tương tự.

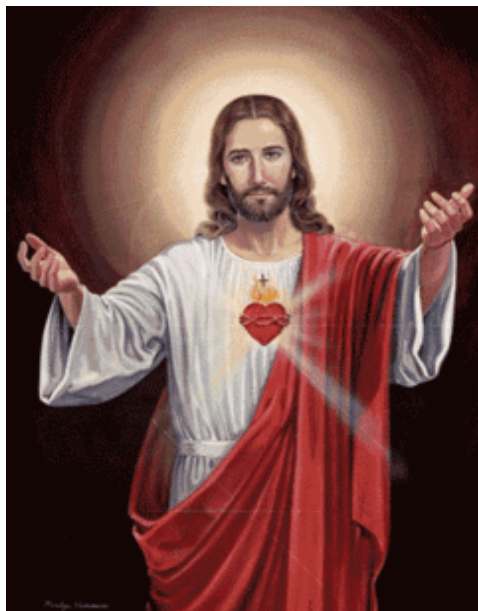
Bạn đã từng nhìn thấy một tác phẩm nghệ thuật rất đẹp nhưng lại không biết ý nghĩa của tác phẩm đó là gì? Trong loạt bài “Chạm đến tâm hồn: Nghệ thuật truyền thống mang lại điều gì cho trái tim”, chúng tôi diễn giải nghệ thuật thị giác cổ điển theo nhiều cách mà có thể mang đến sự hiểu biết sâu sắc về đạo đức đối với chúng ta thời nay. Chúng tôi cố gắng tiếp cận từng tác phẩm nghệ thuật để xem những sáng tạo lịch sử này có thể truyền cảm hứng như thế nào cho lòng tốt thiên bẩm của chúng ta.

Chi Lan biên dịch

ẨN Ý CỦA ĐỨC CHÚA JESUS CHRIST

Từ Chơn

Đã sắp vào mùa Giáng Sinh 2007, tín đồ Cao Đài trên



toàn thế giới cùng toàn thể nhân loại vui mừng chào đón một ngày lễ lớn. Nhân dịp này nhớ lại, cũng vào một đêm Giáng Sinh cách đây tám mươi một năm, Thượng Đế Chí Tôn (tín đồ Thiên Chúa gọi là Đức Chúa Trời) đã giáng cơ tại một đất nước nhỏ bé là Việt Nam để tuyên bố khởi đầu một kỷ nguyên mới: Tam Kỳ

Phổ Độ.

Nhân kỷ niệm này, xin mời quý vị đồng đạo cùng đọc lại một vài lời dạy của chúa Jesus, bậc đại giáo chủ đã giáng phàm truyền giảng lời của Đức Chí Tôn ở đất nước Israel, vốn cách xa Việt Nam ngàn dặm nhưng cũng có một lịch sử đầy sóng gió tương tự.

Lời giảng của chúa Jesus

Kể từ lúc Chúa Jesus rời khỏi gia đình đi giảng đạo, Chúa đã thu mười hai môn đồ đầu tiên, làm rất nhiều phép lạ, và chữa trị cho rất nhiều người bị bệnh nan y. Chính vì thế, mà số tín đồ cũng như số người đi theo Ngài càng lúc càng đông. Nhưng chính những lời giảng dạy của Ngài mới là nền tảng của một nền Tân Tôn Giáo so với thời bấy giờ. Xin đừng cử một số tiêu biểu.

*“Đừng chống cự kẻ hung dữ ...”

“Đừng chống cự kẻ hung dữ ; nếu ai vả má bên phải của ngươi, hãy đưa luôn má bên kia cho họ; nếu ai kiện ngươi muốn lấy chiếc áo ngắn, hãy cho họ luôn chiếc áo dài; nếu ai muốn bắt ngươi đi bộ một dặm đường, hãy đi hai dặm với họ ...” (Tân Ước – Matthew).

Về mặt Thể Pháp Cao Đài, có thể hiểu đây là lời dạy về nguyên tắc bất bạo động, dùng tình thương đối phó với hận thù. Trong lịch sử đây sóng gió của quả địa cầu 68, con người, vì cuộc sống, phải tranh dành liên tục nên xem trọng sức mạnh vật chất. Bạo lực được đề cao là hệ quả tất yếu. Người ta sử dụng bạo lực hằng ngày. Kết quả, nhân loại tạo ra một thế giới đầy bạo lực. Bạo lực không biết đến tình thương và chỉ sinh ra đau khổ, mất mát.

Chúa Jesus dạy nguyên tắc bất bạo động để lập lại sự cân bằng, để nhắc nhở con người điều họ vốn đã biết nhưng không bao giờ thực hiện được. Cho đến nay, hơn hai ngàn năm qua đi mà loài người vẫn chưa thực hiện được bài học bất bạo động, trừ một vài cá nhân lẻ loi mà trong đó Mahatma Gandhi là một. Thậm chí có người

còn biến bạo lực thành một “học thuyết” nhằm cô vũ cho tính hung bạo của mình. Đại khái như là : Cần phải dùng bạo lực để trấn áp cái ác, khi diệt hết cái ác rồi thì điều còn lại sẽ là cái thiện. Lý thuyết nghe rất hay, nhưng suy cho cùng thì họ chỉ mặc một chiếc áo đẹp để cho tính hiếu sát của họ mà thôi. Rõ ràng, họ đã mắc sai lầm nghiêm trọng! Bởi vì lịch sử loài người đã chứng minh rằng bạo lực không thể tiêu diệt được cái ác, mà chỉ nuôi dưỡng thêm một cái ác mới – đó là cái-ác-diệt-cái-ác. Chỉ khi nào số người làm điều thiện nhiều hơn số người làm điều ác (chứ không phải người thiện diệt hết người ác!) thì điều ác mới không còn đất để phát sinh. Vì thế, nghe và làm theo lời dạy của chúa Jesus là nuôi dưỡng, bổ sung điều tốt đẹp, tạo ra càng ngày càng nhiều điều thiện trong xã hội.

Đối với Bí Pháp Cao Đài, đưa má bên trái cho kẻ đã tát tôi vào má bên phải là một hành động phi nhị nguyên. Hành động nhị nguyên thông thường là: trả đũa kẻ đã tát mình bằng một hành động nào đó; tát lại hắn, chẳng hạn. Hành động phi nhị nguyên là một hành động rất khó thực hiện. Bởi vì nếu tôi thật sự đưa má bên trái cho kẻ đã tát tôi vào má bên phải; thì đó cũng lại là một hành động nhị nguyên khác. Thực hiện lời Chúa dạy sát theo từng câu chữ chỉ mới làm trọn phần Thể Pháp trong Cao Đài. Hiểu rõ lời dạy của Chúa để có được hành động phi nhị nguyên mới trọn phần Bí Pháp trong Cao Đài. Thể Pháp và Bí Pháp song đôi thì hành động mới tròn đầy, và sự tròn đầy sẽ tự thân hóa giải mọi niềm đau nhân

thế, đưa con người trở về vườn Eden hạnh phúc (thuật ngữ Cao Đài gọi là Cực Lạc Thế Giới) .

Thế nào là hành động phi nhị nguyên? Xin kể lại một câu chuyện đượm màu Thiên học trong những ngày mở đạo. Lúc bấy giờ, ngoài các vị tiên bối được thiêng liêng chỉ định phò loan ra thì nhiều người khác cũng lén cầu cơ, chấp bút. Điều đáng nói là cũng có các đấng giáng, thậm chí có cả Đức Chí Tôn giáng cơ. Ngày 7/11/1933 trong một đàn cơ ở Phạm Nghiệp, Đức Hộ Pháp hỏi Đức Chí Tôn:

“Dạ thưa Thầy, con không biết tại sao các nơi đều có cơ bút, mà mỗi lần đều xưng danh Thầy, không lẽ Thầy đến với cơ bút ấy?”

Đức Chí Tôn trả lời:

“Thầy đã nói rằng duy có ngôi của Thầy chúng nó không dám dựa, chớ danh Thầy nó được phép dùng. Nên Thầy đã dặn rằng đừng nghe Cao Đài nơi này, Cao Đài nơi khác, rồi tin theo mà thất thế.”

Đức Hộ Pháp bạch:

“Dạ thưa Thầy, nói vậy Thầy không có đến với cơ bút ấy?”

Đức Chí Tôn trả lời:

“Tặc, con tối trí quá!”

(Xin phép được biên tập phần trích dẫn trên vài chỗ cho dễ hiểu – Nguyên văn trong Thánh Ngôn Suu Tập của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng)

Xin lưu ý câu trả lời cuối cùng của Đức Chí Tôn. Tại sao Đức Chí Tôn không khẳng định hoặc phủ định mà

lại trả lời bằng một câu chệch đi chỗ khác, thậm chí làm tối nghĩa thêm? Tuyệt đối không có chuyện tránh né ở đây, bởi vì ở vị trí của Đức Chí Tôn thì Ngài chẳng có việc gì phải tránh né. Nhưng khẳng định hay phủ định là một trong hai mặt của nhị nguyên. Câu trả lời của Ngài đã đi ra ngoài vòng nhị nguyên đối đãi: đó là một hành động phi nhị nguyên!

Dù thí dụ như thế, nhưng hành động phi nhị nguyên không có công thức, không thể na ná, giông giống với thí dụ đã nêu. Mỗi một hành động phi nhị nguyên là cả một thế giới mới mẽ chưa từng có. Hành động phi nhị nguyên chỉ phát sinh ở người nào đạt được sự thông suốt trong tư tưởng và hiểu rõ ràng đôi đường thiện ác. Trong Cao Đài, một người học đạo muốn đạt được sự thông suốt trong tư tưởng thì phải thể hiện đầy đủ Thể Pháp, nghĩa là phải rèn luyện tam bửu không ngừng nghỉ trong cuộc sống. Có như thế thì Bí Pháp mới vận hành. Có như thế mới mong có được hành động phi nhị nguyên - nói theo ngôn ngữ của người xưa là đắc đạo, hay nói theo ngôn ngữ Cao Đài là hiệp một cùng Đức Chí Tôn.

*“ ... hãy yêu kẻ thù nghịch ...”

“Ta nói cùng các ngươi rằng: hãy yêu kẻ thù nghịch, và cầu nguyện cho kẻ bắt bớ các ngươi ...” (Tân Ước – Matthew).

Về mặt Thể Pháp Cao Đài, đây là một lời dạy rất khó thực hiện. Bởi tình yêu là một tình cảm rất đặc biệt. Không thể cưỡng ép bất cứ một ai yêu mến một người

khác. Nếu tôi yêu mến một người nào đó bởi vì Chúa đã dạy như thế, thì tình yêu mến kia chẳng có giá trị gì! Đó chỉ là lừa dối chính mình và cả Chúa nữa! Yêu mến một người đã khó, Chúa Jesus lại dạy rằng nên yêu thương kẻ thù nghịch của mình. Đây là điều còn khó khăn hơn nữa!!

Có thể lý giải rằng Chúa dạy như vậy là để bắt tôi suy nghĩ lại những tình cảm của mình vốn vẫn phóng túng theo bản năng. Tôi chỉ yêu mến những gì đem lại lợi ích, và ghét bỏ những gì gây tổn hại cho mình. Tình cảm này vô cùng tự nhiên và không có gì đáng trách. Nhưng rồi lợi ích của người này lại là tổn hại của người khác và cứ như thế nhân rộng ra mà thế giới trở nên xung khắc hẳn thù. Phải chăng còn một cách khác ngược lại với thói quen của tôi - ấy là làm theo lời Chúa Jesus: yêu mến kẻ thù nghịch của mình - để làm cho thế giới này bớt thù hận, thêm thương yêu, giúp nhân loại sống hoà đồng hơn, có ý nghĩa hơn?

Yêu mến kẻ thù nghịch của mình có vẻ rất khó thực hiện. May thay, vẫn có thể có hành động này nếu xét lời dạy này dưới cái nhìn của Bí Pháp Cao Đài. Đối với Bí Pháp Cao Đài, đây là một động tác tuyệt vời để từ thế giới nhị nguyên bước vào thế giới nhất nguyên kỳ ảo. Muốn yêu mến kẻ thù nghịch với mình thì phải hiểu rõ tình cảm thù hận và yêu thương chỉ là một. Tại Đền Thánh Tây Ninh, đã có lời dạy của Đức Chí Tôn về điều này: hai bên cửa vào Đền có tạc tượng Ông Thiện và Ông Ác, và chính giữa hai tượng này là Cân Công Bình.



Ông Thiện và Ông Ác

Muôn bước vào Đền Thánh, tức là bước vào Bạch Ngọc Kinh tại thê phải biết “cân” Thiện Ác cho bằng nhau. Hay nói khác đi, phải hiểu Thiện Ác vốn không khác. Tương cũng nên nhắc lại chuyện Ông Thiện, Ông Ác để tiện tham khảo. Ông Thiện và Ông Ác vốn là hai hoàng tử (Tỳ Văn và Tỳ Võ), con của một vị vua Ấn Độ. Ông Thiện tính tình hiền lành hay thương yêu giúp đỡ mọi người; trái lại Ông Ác tính tình nóng nảy rất dễ nổi giận. Cũng chính vì thế nên khi vua cha băng hà, vua cha nhường ngôi lại cho Ông Thiện. Ông Ác biết được liền nổi giận vì cho rằng, với tính tình hiền lành

như thế, Ông Thiện sẽ không thể cai trị được dân trong nước. Thế nên Ông Ác đi tìm Ông Thiện để bảo ông nhường ngôi lại cho mình. Sợ nhường ngôi cho Ông Ác là trái với ý nguyện của cha, hơn nữa sợ Ông Ác sẽ cai trị người dân quá hà khắc nên Ông Thiện bỏ trốn. Thấy thế, Ông Ác bèn đuổi theo để giải thích. Đến một ghềnh đá cao, Ông Thiện sợ ý nên té xuống vực chết. Ông Ác đến nơi, vô cùng hối hận nên cũng nhảy xuống vực chết theo anh. Câu chuyện trên là một dẫn đạo cơ bản để người học đạo có cái nhìn chính xác về Thiện Ác, Đúng Sai. Nếu Ông Thiện, Ông Ác là hai anh em ruột, thì Đúng Sai cũng xuất phát từ một gốc là nhận thức của từng cá nhân. Ông Thiện có lý do để không nhường ngôi lại cho em. Ông Ác cũng có lý do khi muốn dành lấy ngôi vua. Không thể nói rằng ai đúng hơn ai. Nói rộng ra toàn thể gian này, thì Đúng Sai; Thiện Ác cũng như thế. Cân Công Bình nằm giữa cửa vào Đền Thánh không có nghĩa là phải đong đếm Thiện và Ác cho bằng nhau mà ngụ ý tư tưởng của mỗi con người gồm có hai thành phần như thế. Không thể xóa bỏ bất cứ một thành phần nào vì chúng vốn là anh em ruột. Từ cái nhìn đó người học đạo Cao Đài sẽ quen dần với khái niệm Thiện là Ác hay Đúng là Sai . Thế rồi trong một tích tắc phù du nào đó trong đời, người tu học sẽ bừng ngộ chân lý trong câu truyện Ông Thiện, Ông Ác kia; lúc đó mới có thể yêu mến được kẻ thù nghịch một cách tự nhiên bằng tình cảm nồng nàn của mình chứ không phải yêu vì Chúa Jesus đã dạy như thế. Có như vậy thì mới đúng

là làm theo lời Chúa Jesus dạy.

*“Ai trong các ngươi là người vô tội ...

“Bảy giờ, các thầy thông giáo và người Pharisee dẫn lại cho chúa Jesus một người đàn bà đã bị bắt đang khi phạm tội tà dâm; họ nói cùng Chúa rằng: Thưa Thầy, luật Moses dạy rằng chúng ta phải ném đá những hạng người như vậy. Còn Thầy, Thầy nghĩ sao? Chúa Jesus phán rằng: Ai trong các ngươi là người vô tội, hãy ném đá trước. Sau khi nghe lời này, mọi người lần lượt bỏ đi.” (Tân Ước – Jean).

Phải xét bối cảnh lịch sử lúc bảy giờ thì mới thấy hết ý nghĩa của câu truyện nói trên. Thời nào cũng vậy, khi có một đấng cao trọng giáng thế thì loài người luôn luôn gây ra đủ thứ thử thách khó khăn. Chuyện xưa vẫn kể rằng Phật Thích Ca bị các giáo sĩ Bà La Môn vạ vạ bắt bẻ không biết bao nhiêu lần. Chúa Jesus cũng vậy. Cụ thể là người Pharisee. Đây là một hệ phái của người Do Thái xưa chủ trương thực hành theo sát từng câu chữ trong cổ luật, cụ thể là luật Moses (Xin đọc Cựu Ước). Nên biết rằng lúc bảy giờ số người tin tưởng Chúa Jesus rất đông và mọi người đều xưng tụng Chúa Jesus là đấng Christ giáng sanh. Thế nên người Pharisee lợi dụng câu truyện của người phụ nữ kia để tìm cách bắt bí Chúa Jesus. Nếu Chúa Jesus đồng ý để họ ném đá người phụ nữ đến chết, thì Chúa cũng chỉ là người bình thường như họ, không phải là đấng Christ. Nếu ngược lại thì Chúa chống lại luật Moses, nghĩa là chống lại Đức Chúa Trời về mặt Đạo; về mặt Đời là chống lại dân

tộc Do Thái, đàng nào họ cũng có thể qui tội phạm luật cho Chúa.

Câu trả lời của Chúa Jesus vừa cứu được người phụ nữ đáng thương kia vừa làm cho người Pharisee thất bại thảm hại trong âm mưu hãm hại Chúa. Cũng giống như câu truyện kể ở phần trên, câu trả lời của Chúa không phải chỉ đơn giản là một cách đối phó khéo léo; đó chính là một bài học về đạo pháp rất quý giá mà Chúa Jesus muốn để lại cho loài người.

Dựa vào triết lý Cao Đài, chúng ta có thể hiểu rõ bài học này hơn. Theo Cao Đài, phần ý thức của con người là phần bán hữu hình (hai phần kia là phần xác thịt và linh hồn). Ý thức hoạt động theo nguyên tắc của vũ trụ; ấy là: Vô cực sanh Thái Cực, Thái Cực sanh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái ... Lưỡng Nghi chính là hai cực chấp nhận và phủ nhận của ý thức. Trong tình trạng phân hai, nghĩa là chấp nhận và phủ nhận khác nhau, đối chọi nhau, thì đó là cuộc đời với toàn thể những yếu tố sanh diệt, đau khổ, chết chóc ... Nếu phủ nhận và chấp nhận là một – nói theo ngôn ngữ thiền học cho chính xác hơn là “ Nếu phủ nhận và chấp nhận chẳng phải hai mà cũng chẳng phải một,” thì đó là trạng thái người tu học Cao Đài gọi là hiệp một với Đức Chí Tôn. Trong trạng thái này, con người có những suy nghĩ, phán đoán thông suốt phi thường mà người xưa gọi là đoạt Đạo, ngộ đạo, trí huệ đáo bỉ ngạn, thành Phật ...vv.

Đức Chúa Jesus đã dạy một bài học về Thái Cực. Lời

Chúa phán khi ấy xuất phát từ trạng thái Thái Cực, do đó đã thoát ra khỏi hai trạng thái phủ nhận và chấp nhận của Luỡng Nghi. Không chấp nhận mà cũng không phủ nhận luật Moses, lời Chúa đã ra ngoài quỹ đạo của những hành vi tầm thường thế tục, nằm ngoài suy luận thông thường của loài người.

Thế nhưng, cần phải xác định rõ một điều để tránh ngộ nhận. Xin đừng cho rằng trạng thái không phân hai (Thái Cực) là tốt hơn rồi phủ nhận trạng thái phân hai (Luỡng Nghi), bởi vì hành vi phủ nhận đó cũng chính là ý thức phân hai!! Ý thức phân hai thuộc về đời, cho nên rất cần thiết trong đời sống thường nhật. Con người cần ý thức phân hai để bảo vệ xác thân của mình. Ví dụ như tôi cần phải phân biệt rõ ràng điều nào là nguy hiểm cho bản thân để tránh xa và ngược lại. Khi một xe tải đang tiến thẳng đến chỗ tôi thì không cần thiết phải “dùng ý thức không phân hai”. Hay khi bị tiêu chảy vì thức ăn nhiễm khuẩn thì một viên thuốc bao giờ cũng hay hơn là “lý với lẽ”. Chỉ khi nào suy nghĩ đi vào chỗ cùng lý, thì Thái Cực mới là cứu tinh đích thực.

*“Các ngươi đừng đoán xét ai, để mình khỏi bị đoán xét. Vì các ngươi đoán xét người ta thế nào thì họ cũng đoán xét lại thế ấy...”

Sao ngươi dòm thấy cái rác trong mắt anh em ngươi, mà chẳng thấy cây đũa trong mắt mình? Hỡi kẻ giả hình! Trước hết phải lấy cây đũa khỏi mắt mình đi, rồi mới thấy rõ mà lấy cái rác ra khỏi mắt anh em mình được.” (Mathew). Đây là lời dạy thuộc về tâm pháp (hay Bí

Pháp nếu dùng ngôn ngữ Cao Đài) của Chúa Jesus. Trước khi bàn tiếp, thiên nghĩ nên định nghĩa lại danh từ Bí Pháp trong Cao Đài để làm nền tảng cho những lý lẽ tiếp theo.

Bí Pháp, theo nghĩa thường dùng từ trước đến nay, là những phương pháp đặc biệt trong một tôn giáo nào đó, chỉ truyền riêng cho một số người nhất định nhằm đạt mục đích của việc tu hành. Chẳng hạn như những phương pháp ngồi thiền, tịnh tâm của các hệ phái Phật Giáo ở Tây Tạng hầu như chỉ truyền cho một số đệ tử đặc biệt.

Nếu hiểu Bí Pháp theo nghĩa này, thì trong đạo Cao Đài không có “Bí Pháp”. Đức Hộ Pháp nhiều lần nói rằng Đức Chí Tôn đã bày bửu pháp tại thế gian cho con cái của Ngài tự do chọn lựa. Vấn đề chỉ là con cái của Ngài muốn nhìn thấy hay không mà thôi. Trong những bài thuyết đạo của mình lúc còn tại thế, Đức Hộ Pháp đã chỉ dạy rất cẩn thận về danh từ Bí Pháp. Ngài dạy rằng đây là điều quan trọng trong kiếp tu hành và các tín đồ Cao Đài phải tìm tòi để hiểu rõ những ẩn ý trong lời dạy của Ngài. Danh từ Bí Pháp trong Cao Đài không thể xác định bằng nghĩa đen của tự điển. Đây là một cách dùng chữ đặc trưng của triết lý Cao Đài. Trước hết, Bí Pháp không tự thể hiện mà thiếu Thể Pháp; nói cho rõ là khi và chỉ khi Thể Pháp tồn tại thì mới có Bí Pháp. Bí Pháp và Thể Pháp vốn là một-mà- hai-và-hai-mà-một. Vậy phải hiểu Thể Pháp trước khi muốn hiểu Bí Pháp. Thể Pháp Cao Đài chính là những nghi thức tôn giáo có

thể nhìn thấy và thực hiện được. Nghi thức thờ phượng, kinh sách, giáo luật ... tất cả đều là Thể Pháp. Ngoài ra, Bí Pháp còn có ý nghĩa là nội dung của một hình thức bất kỳ. Theo nghĩa này thì tất cả các lời dạy đạo của các đảng thiên liêng đều có nội dung - nghĩa là Bí Pháp. Bí Pháp có thể dễ hiểu; có thể khó hiểu. Có thể nhìn thấy ngay; có thể cả đời cũng không nhìn thấy.

Khi một tín đồ Cao Đài thực hiện bất kỳ một nghi lễ tôn giáo hằng ngày nào (nghĩa là Thể Pháp) cũng là lúc Bí Pháp vận hành. Vì thế, quan niệm cho rằng khi nào thực hiện xong phần Thể Pháp rồi mới vào Tịnh Thất để luyện Bí Pháp là không đúng. Thực sự mà nói, vào Tịnh Thất thì điều kiện thể hiện Thể Pháp dễ dàng hơn lúc ở bên ngoài. Trong Tịnh Thất người ta thu xếp sao cho môi trường yên tĩnh hơn, hạn chế những ảnh hưởng của đời sống vật chất bên ngoài. Người học đạo chỉ còn tập trung vào một chỗ duy nhất là vun bồi đời sống tâm linh.

Tuy nhiên, những phương pháp các tín đồ thực hiện trong Tịnh Thất, nói cho cùng, cũng là vẫn là Thể Pháp. Những phương pháp ấy vẫn còn liên quan đến phần nhục thân, nghĩa là phần hữu hình có thể sờ mó ngắm nhìn ... Bí Pháp là phần nằm ngoài suy luận bàng bạc quyền theo Thể Pháp. Khi Thể Pháp được thực hiện đúng mức thì Bí Pháp vận hành bên trong người học đạo và chỉ có duy nhất bản thân người ấy nhận biết điều này.

Bây giờ xin trở lại lời Chúa Jesus dạy: đừng phán đoán người; mà hãy phán đoán bản thân mình trước.

Đây chính là một pháp môn (cách tu tập) mà triết lý Đông Phương gọi là “quán tâm”. Thông thường, tâm lý con người là thích nhận xét về người khác. Những nhận xét ấy đa số là nói về khuyết điểm; nếu có nói về ưu điểm đi nữa thì cũng chỉ là gượng ép. Đây là bản chất tự nhiên của loài người. Để tự vệ, ý thức con người luôn luôn phóng ngoại, truy tìm những yếu tố tiềm ẩn sự nguy hiểm cho bản thân mình. Nếu phát hiện điều gì có thể ảnh hưởng xấu đến bản thân, ý thức sẽ tìm phương né tránh, chống đỡ hoặc tấn công đối tượng. Có thể thấy rõ điều này qua các mối giao tiếp của con người trong xã hội hoặc một phóng ảnh của xã hội là thế giới hiện nay. Người ta lo sợ một ngày kia, ngoại bang sẽ xâm chiếm nước mình, chiếm đoạt tất cả những của cải tài nguyên của dân tộc mình, do đó người ta lập ra quân đội. Và theo “cái-gọi-là-binh-pháp” thì: tấn công là cách phòng thủ hay nhất(!). Cho nên, người ta đem bom đạn ném xuống đất nước của người khác; không đợi đến khi bị tấn công! Thử tưởng tượng một chút, nếu tất cả các quốc gia trên thế giới này đều có khả năng tấn công quân sự như nhau và đồng loạt áp dụng cái tư tưởng binh pháp quái đản kia, thì quả địa cầu 68 này sẽ ra sao?

Chúa Jesus dạy phải làm ngược lại điều đó; nghĩa là phải tự nhìn lại bản thân, tự nhận xét bản thân thay vì bươi móc những khuyết điểm của người khác. Khi nhìn ra mình cũng có những khuyết tật tâm hồn như bao người thì cõi lòng sẽ mở rộng, dễ tha thứ. Những tình cảm

tích cực, đẹp đẽ tích lũy trong tâm hồn ngày một nhiều sẽ giúp cho con người sống có ý nghĩa. Thế giới sẽ bớt phần bạo tàn, địa cầu 68 sẽ chuyển hóa thành một thế giới khác đáng sống hơn nhiều. Vậy, hãy nghe lời chúa Jesus “lấy cây đũa trong mắt mình để thấy rõ hơn trước khi lấy rác trong mắt anh em mình”.

Những lời dạy của chúa Jesus, cũng như các vị giáo chủ khác như Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử vv ... luôn chứa đựng những ý nghĩa sâu xa. Nếu dùng thuật ngữ của Cao Đài thì: lời của các bậc giáo chủ dạy luôn hàm chứa Bí Pháp. Vấn đề của tín đồ Cao Đài hiện nay, thiết nghĩ, nên tập trung tìm học những ý nghĩa của triết lý minh mông trong Cao Đài Giáo, rồi đem ra thực hành trong đời sống thường ngày. Mong sao qua đó Đức Chí Tôn thương tình ban ân cho trí não được phát triển phần nào. Tóm lại, hãy lo lấy cây đũa trong mắt mình, đừng bận tâm đến “ông này tu thiệt, bà kia tu giả, tôi tu đúng, anh tu sai nữa”. Bởi vì một kiếp người suy ra vô cùng ngắn ngủi, có khi chưa kịp làm được chút gì thì đã phải phủ tay!

Giáng sinh 2007

TỪ CHƠN

ĐỌC - CỒ ĐỘNG - YỀM TRỢ

Tập San Thế Đạo - Bản Tin Thế Đạo

www.banthedao.net

www.banthedaohaingoi.org



United Body Shop Collision Center

unitedbodysshop68@gmail.com

525 Asbury St, San Jose, CA 95110

Phone: (408) 228-8855 * Cell: (408) 775-9990

ALIGNMENT - TIRE - SHOCK - BRAKE - AIR



ĐẶC BIỆT:
Có giá thương lượng cho thân chủ không có bảo hiểm

Có nhận làm Đền bị vàng và Scratch làm ra như mới

GIỜ MỞ CỬA:

Thứ Hai-Thứ Bảy: 9am-6pm

- Chuyên làm đồng, kéo sườn & sơn tất cả các loại xe Mỹ, Nhật, Đức...
- Có phòng sơn hấp đặc biệt và giàn kéo sườn tối tân
- Sơn đúng màu, đẹp, láng như mới
- Chủ và thợ đều có bằng tại Mỹ, có nhiều năm kinh nghiệm trong nghề
- Free estimate, deductible, towing
- Nhận tất cả các loại bảo hiểm và có nhân viên lo mọi thủ tục trực tiếp với hãng bảo hiểm

TẤT CẢ CÁC CÔNG VIỆC ĐƯỢC CHỦ BẢO ĐẢM

NHẬN SỬA CÁC LOẠI XE MỸ & NGOẠI QUỐC GIẢI QUYẾT MỌI TRỞ NGẠI VỀ MÁY & HỘP SỐ

NHẬN 30K, 60K, 90K SERVICES

- Engine tune up
- Thay nhớt máy, hộp số
- Thay thắng, tiện đĩa
- Thay timing belt
- Water pump & seal
- Complete clutch job



- Thay máy, hộp số
- Thay Axle Saft
- Thay Catalytic
- Sửa tất cả điện xe
- Computer Diagnostic
- Scanner setup check engine light

**REBUILT MÁY, HỘP SỐ, BẢO ĐẢM 6 THÁNG HAY 1 NĂM CHO MỌI VIỆC LÀM
MỌI VIỆC LÀM NHANH CHÓNG VÀ THÀNH THẬT**

MỤC LỤC

01. Ban Thế Đạo Hải Ngoại Tập San số 93
02. Giới thiệu Tập San Thế Đạo - Ban Biên Tập
03. Ban Thế Đạo Chúc Mừng Năm Mới
04. Thư Chúc Xuân (Ban Thế Đạo Hải Ngoại)
09. Lễ Vía Đức Chí Tôn- Đức Chí Tôn là ai?
(Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo tại Đền Thánh
08/01 Nhâm Thìn (1952))
12. Lễ Thượng Nguơn Thiệt Phận của chúng ta đối với
Đạo nghĩa . Đền Thánh đêm 14/01 năm Nhâm Thìn
15. Ý nghĩa Lễ Thượng Nguơn (*Hoàn Nguyên biên soạn*)
23. Ngôi vị Đức Chí Tôn qua triết lý của các Tôn giáo
(*Hiền Tài Nguyễn Đăng Khích biên soạn*)
39. Vườn Thơ Thế Đạo P.1
45. Năm Thìn nói về Rồng (*Duy Văn biên soạn*)
79. Liên lạc Ban Thế Đạo - Danh sách yểm trợ
81. Bát Nhã Tâm Kinh (*Lê Tấn Tài*)
94. Xuân Viễn Xứ (*Hưng Quốc*)
102. Vườn Thơ Thế Đạo P.2
106. Cô Bé Bán Diêm (*Huệ Tâm Vân Dương*)
111. Tin tức Đạo sự Thánh Thất San Jose, Tộc Đạo Santa

Clara California (*Lễ vụ Mai Xuân Thanh*)

117. Phân Ưu HT Đỗ Văn Tú

118. Thư Chúc Tết Thánh Thất Wichita Kansas

121. Những danh nhân gốc Tây Ninh (*Duy Văn biên soạn*)

154. Các vị Thần của Tết Nguyên Đán

(*Phương Du Biện Dịch*)

161. Lòng biết ơn giúp bạn sống lâu hơn và hạnh phúc hơn

(*Tú Liên biên dịch*)

168. Hồn ma Đêm Giáng Sinh và câu chuyện vượt qua

lòng tham quĩ dữ (*Lan Chi dịch*)

175. Ân ý của Đức Chúa Jesus Christ (*Từ Chơn*)

191. Mục Lục





SANDY DENTAL P.C

served The North West since 1987

1672 McKee Road,
San Jose - CA 95116

(Góc đường McKee & McDonald Ave, giữa 101 & đường King)

Điện Thoại: 408-272-3999

SANDY DENTAL P.C

Hệ thống Nha Khoa Việt Nam hoạt động tại nhiều tiểu bang và được sự tin nhiệm của đông đảo đồng bào từ năm 1987, do nhiều Bác Sĩ Nha Khoa Việt Nam trên 10 năm kinh nghiệm điều hành.

ĐẶC BIỆT

*- Giá cả nhẹ nhàng uy tín kỹ thuật cao cùng với tinh thần nghệ thuật và tình cảm.

*- Tiếp đãi ân cần, khung cảnh trang nhã có vườn cây suối nước cá vàng và nhạc êm dịu.

*- Nếu đã trên 6 tháng mà quý vị chưa đi làm sạch răng, hãy đến với Sandy Dental P.C để có một hàm răng trắng đẹp và một nụ cười duyên dáng.



GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai - Thứ Bảy:
Từ 9.00 AM - 6.00 PM

Nhận các Loại Bảo Hiểm
Medi-Cal, Healthy Family
Santa Clara Healthy Kids



Thánh Thi Đức Chí Tôn

Khuôn thuyền Bát Nhã chẳng hề chìm,
Nổi quá như bông, nặng quá kim.
Có Đạo trong muôn ngòi cũng đủ,
Không duyên một đũa cũng là chìm.

* * *

Nơi lòng Thầy ngự động Thầy hay,
Ngặt nổi là xưa chẳng thể bày.
Đạo hạnh khuyên con gìn tánh đức,
Cửa cung Bạch Ngọc cũng gần khai.
(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q,1)

KÍNH BIỂU



TẬP SAN THẾ ĐẠO
P O. Box 21577
San Jose, CA 95151
banthedaο@comcast.net